

Phần 1 - Chương 1

Cô Chín ngự đồng dệt gấm thêu hoa

Thêu non, thêu nước, cô thêu ra đôi rồng châu

(Văn Cô Chín)

Đẹp lạ đẹp lòng

Rõ ràng cô Chín trong đền Sòng cô giá lâm

(Văn Cô Chín)

1. Người đàn ông đã đứng tuổi, mặc bộ quần áo nâu bạc phéch, vai đeo cái dây cũng bằng vải nâu trên có những miếng vá bằng vải đen, đang rảo bước trên con đường đá gan gà chạy dọc theo chân một dãy đồi. Những quả đồi thấp như bát úp, cây cối rậm rịt tạo thành một khu rừng tạp xanh tốt. Có những cây cao đầu phủ dây tơ hồng như đội mớ tóc giả màu vàng nhuộm nà; đám tơ hồng được ánh sáng chiều chiếu vàng, chúng như những cái đầu hãnh diện rung rinh để làm duyên cho khu rừng.

Người đàn ông dáng nôm nong, hói hỏ, không giấu được vẻ háo hức, sung sướng khi ngắm cánh rừng và nhất là khi ngắm cái hồ lớn xanh ngắt nằm giữa vòng vây của núi đồi. Cái hồ xanh lục, như một tấm gương trời bao la, thu hình những ngọn đồi, những cánh rừng xung quanh, in bóng cả những cánh chim trời thỉnh thoảng lại xáo xác vỗ cánh bay vút lên từ một đám lau sậy ven hồ; chúng lượn vòng, lặng im không vỗ cánh, nương theo gió mà nghiêng nghiêng đầu, chăm chăm nhìn làn nước xanh như thể muốn tự chiêm ngưỡng cái dáng thon thả và bộ lông màu trắng duyên dáng và tinh khiết thêm cái mào đỏ rực rỡ của mình. Người dân ở đây bảo đó là loài hạc quý chẳng biết có đúng hay không.

Một cô gái chừng mười ba tuổi, váy đen, áo nâu, vấn khăn còn vụng để tóc lỏa xỏa trước mặt. Cô đi sau người đàn ông, vai quẩy chiếc đòn gánh ở hai đầu là hai chiếc bị rách. Cô gái kêu lên:

- Thầy ơi? Nghỉ lát đã, con mỏi chân lắm rồi.

Người đàn ông tóc hoa râm dừng chân lại, hiền từ nhìn con gái. Hai cha con ngồi bệt xuống vệ cỏ, mắt nhìn ra hồ.

- Đã về đến quê rồi hả thầy? - Cô con gái hỏi.

- Đã hai chục năm rồi, nhưng cảnh chẳng khác xưa mấy tí. Hồ này tên là hồ Huyền vì nước sâu màu đen. Tuy thế nhưng nước trong lắm. Ở phía Tây hồ có con sông, hồ thông với sông. Sang bên kia sông, ngọn núi phía đầu dòng là núi Mẫu, trên đó có đền thiêng. Ngọn núi phía dưới dòng là núi Đùng, Ở đó có nhiều chuyện lạ.

Người cha như hồi tưởng, cố lục tìm trong trí nhớ để kể cho con gái nghe về vùng quê cha đất tổ.

- Thế còn làng mình...

- Nó ở gần cửa sông, đi khỏi cánh rừng này thì đến. Các cụ già có chữ gọi nó là làng Cổ Đình. Còn dân thì vẫn gọi nó là làng Kẻ Đình.

- Kẻ Đình là gì hả thầy?

- Ông nội bảo làng này, ngày xưa, toàn con cháu họ Đinh. Có người bảo họ Đinh từ Ninh Bình ra. Thấy nơi đây đất lành chim đậu, nên dừng chân lập làng, lập ấp. Lại cũng có người nói rằng họ Đinh từ phía Hòa Bình xuôi xuống, vậy là gốc Mường. Cổ Đinh nằm giữa vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

Cô gái ngây thơ mỉm cười:

- Vậy, gia đình ta gốc ở đất Mường.

Người đàn ông sờ tay lên khuôn mặt, ra chiều suy nghĩ. Lúc này, mới nhìn rõ gương mặt của ông ta. Một nửa gương mặt đẹp, một nửa xấu xí. Phía đẹp là phía trái, với con mắt rất sắc; cái mũi vừa phải, thẳng và thanh tú; gò má xương xương khắc khổ; cuối cùng là một nửa đôi môi mỏng, hơi mím lại, chứng tỏ một trí lực bén nhạy và điềm tĩnh quyết đoán. Còn nửa phía phải? Nửa gương mặt ấy ai mới nhìn đều thấy sợ. Nửa gương mặt ấy là một vết sẹo to và đỏ. Vết sẹo do bị bỏng thì phải. Vết sẹo khi lành đã co kéo làm biến dạng khuôn mặt. Nó kéo khóe môi phải nhếch lên; nó làm cho mi mắt phải không khép lại được, làm cho con mắt ấy luôn luôn mở trừng trừng, thức cũng như ngủ. Hình như người đàn ông cũng ý thức được ý nghĩa của hai nửa mặt của mình nên khi nói chuyện với con, ông luôn ngồi ở chỗ để cho cô bé, khi nhìn ông, luôn chỉ thấy phần bên trái đẹp đẽ của gương mặt mình.

Còn cô con gái, sau khi đã đỡ mệt, cô đứng lên, chạy qua bãi cỏ rộng, ra hồ nước. Cô bé như con nai tơ mới lớn. Tuy rách rưới và có vẻ lam lũ, nhưng dáng cô bé chạy thật là yếu điệu. Đôi tay vung vẩy nhẹ nhàng, đôi chân nhún nhảy kín đáo dịu dàng. Tay trái cô đặt trước bụng giữ tấm áo, thân hình cô đứng đura thật duyên dáng.

Đến hôm nay, người cha mới chú ý đến cái dáng vẻ của cô con gái. Cô bé đã lớn bồng lên từ lúc nào mà ông chẳng hay. Cô đã thành thiếu nữ từ bao giờ mà ông không biết. Ông chợt thấy bàng hoàng trong tâm khảm:

"Trời ơi! Sao con bé, khi chạy, lại giống mẹ nó đến thế".

Cô gái đã chạy tới mép nước. Nước xâm xấp ngọn cỏ. Nước từ gót son của cô gái long lanh bắn tóe lên. Cô gái cười với nước. Tiếng cười lanh canh giòn như pha lê.

"Trời ơi! Cả đến tiếng cười của nó nữa! Y hệt giọng cười của mẹ".

Cứ như thể cô Thắm, người vợ quá cố của ông đang hiện hình về ngay trước mắt ông. Cứ như thể ông nghe thấy tiếng hát trong veo của nàng đang lượn lờ trong không trung. Ông bắc tay làm loa gọi với theo:

- Con chú ý kéo sa xuống chỗ nước sâu.

Người đàn ông đó tên là Phác, Hai Phác, con cụ đồ Tiết. Cụ Tiết có hai người con trai: nhớn là Chát, em là Phác.

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, các cuộc nổi dậy chống Pháp sau thời kỳ Cần Vương vẫn mọc lên như nấm. Ngoài những cuộc khởi nghĩa danh tiếng như Đề Thám, Đốc Ngữ còn có nhiều cuộc khác cũng tự xưng là ông Đốc, ông Đề, ông Đội, v.v... Ở vùng Cổ Đình có người học trò tên là Nghĩa cũng dấy binh phá đồn phủ, nên cũng được dân tôn xưng là ông Đề Nghĩa. Nghe nói lúc còn nhỏ, Nghĩa theo cụ đồ Tiết học chữ thánh hiền. Chát và Phác thuộc lớp em út của Nghĩa. Nghĩa đã ngoài bốn mươi, còn Chát, Phác ở dưới tuổi hai mươi. Là nhà nho lúc nào cũng canh cánh cái nhục mất nước, nên cụ đồ Tiết khi thấy anh học trò lớn dấy binh, liền trao luôn hai đứa con trai của mình đi theo Đề Nghĩa. Quân lính của Đề Nghĩa chưa đến một trăm tay súng, còn lại toàn đao kiếm cả. Họ đánh trận phục kích giặc đi tuần, đột hiện tấn công đồn, dùng chiến thuật thoát hiện thoát biến, thường bất ngờ đánh vào những chỗ yếu của địch. Nghĩa quân

hoạt động suốt một dải rộng lớn gồm Sơn Tây, Phú Thọ, Hòa Bình, rồi có lúc vào tới cả Thanh Hóa. Cũng có một vài trận thắng giòn giã như trận đánh đồn chợ Sơn, tên quan hai khố xanh tên là Ferray bị nghĩa quân vây bức phải trốn chạy bằng thuyền, rồi phó mặc cho dòng nước sông Đà hung dữ cuốn đi, may mà thoát chết. Đánh nhau suốt ba năm ròng. Lúc đầu, nghĩa quân còn khỏe, còn hăng, lại luôn thắng trận nên phần khởi lắm. Nhưng về sau, quân Pháp rút kinh nghiệm, không dàn quân nhỏ lẻ nữa, mà co cụm lại thành đồn lớn, sức nghĩa quân không đủ mạnh để phá. Trong khi ấy, Pháp cho ba tiểu đoàn càn quét săn đuổi. Chạy liên miên, đói khát liên miên sau đó bệnh tật sinh ra. Cuối cùng, nghĩa quân phải rút vào Thanh Hóa. Lúc khởi binh, chừng hai trăm quân; lúc bị bao vây không có lương mà ăn, chỉ còn vài chục người. Ông Đề Nghĩa biết mình khó trụ vững, liền tập hợp những nghĩa sĩ cuối cùng của mình lại và nói rằng:

“Trời đã chẳng giúp chúng ta. Đề Nghĩa này đã hết lòng tận trung với nước, nay đã sức cùng lực kiệt.

Một lạy này, Nghĩa xin gửi tới non sông.

Còn một lạy này, Nghĩa xin gửi tới anh em để tỏ lòng biết ơn những người bạn đã chung lưng đấu cật, sống chết có nhau, cùng trải qua những lúc nằm gai nếm mật.

Ta thẹn vì nổi tài hèn nên đã để anh em lâm vào bước đường cùng. Nhưng, ta chẳng muốn để anh em cùng ta đi vào chỗ diệt vong.

Hãy nuốt nước mắt. Hãy nuốt mối hận thù vong quốc vào tận đáy lòng. Hãy đi về nơi thôn ỏ, hoặc vào chốn thâm sơn cùng cốc, rồi mai danh ẩn tích, mà đợi thời vùng dậy.

Nếu bản thân cũng sức tàn lực kiệt, không làm gì nổi nữa, thì hãy dạy con, dạy cháu, chớ bao giờ được quên nổi quốc sỉ này...”.

Gần một trăm nghĩa sĩ đã im phăng phắc nghe những lời nói cuối cùng của Đề Nghĩa. Họ đã vâng theo lời chủ tướng, thay hình đổi dạng, chia tay nhau mỗi người mỗi ngả. Họ đã treo đeo lợi suất vào những bản rừng xa xôi chẳng ai đặt chân tới, cũng có người lẩn vào đám dân manh lệ, những kẻ lang thang đói khát mà vào thời đại loạn ấy rất nhiều. Nhờ sự kịp thời của chủ tướng nên phần đông trốn thoát.

Còn Đề Nghĩa, ông bị sốt rét chết trong rừng sâu. Bọn tay sai cắt đầu ông, nộp cho Tây lấy thưởng.

Trong đám tàn quân lưu vong ấy, có mặt hai anh em Chắt và Phác.

Chắt bảo em:

- Anh là con cả, cần phải quanh quẩn gần quê, để còn có thể biết tin tức cha già và báo hiếu cho cha. Còn em là con thứ, lại là người tài hoa, lại nhân tai nạn mà biến đổi khuôn mặt. Vậy, hãy trốn chạy thật xa, thay họ đổi tên, lấy vợ để con, để mai sau lỡ ra anh gặp điều chẳng may, thì còn có em để tiếp nối huyết thống dòng họ Đinh nhà ta.

Phần 1 - Chương 2

Người em đi về vùng Sơn Nam, đổi tên là Trịnh Huyền. Chữ Trịnh gần âm với chữ Đinh, chữ Huyền lấy từ cái tên hồ Huyền quê nhà.

Huyền đi theo phường gặt, lạc về một vùng chiêm trũng, đi từ làng này sang làng khác. Làm đủ mọi nghề. Lúc thì làm thợ đá nung vôi; lúc thì làm chân gánh vãi thuê; có lúc làm thợ cày, thợ gặt. Mãi vẫn chẳng tìm được chốn đậu chân lâu dài.

Một bận, anh phiêu bạt đến làng Lê Xá. Đó là một hòn đảo xanh um, nằm bơ vơ giữa cánh đồng chiêm bao la, giữa biển nước mênh mông trắng xóa.

* *

*

Trịnh Huyền đến Lê Xá vào một ngày đông. Chợt anh cảm thấy nao nao trong dạ, vì ngôi làng sao vắng lặng đến thế, sao như rầu rĩ đến thế. Chó cũng chẳng buồn sủa, khi anh là người lạ đi qua ngõ. Một chú gà trống choai, dáng rất hăng vì có mấy ả mái tơ đang bới rác dưới chân cây rơm, nó nhảy phóc lên đỉnh đồng rơm, vươn cổ hình như đang định khoe tiếng, song chẳng thấy có ai chú ý, cả mấy ả gà mái mỡ màng cũng lỉnh ra gốc khế ngoài vườn. Chú gà choai đã vươn cổ ra nhưng thấy mình lạc điệu quá, nên nó lại rụt cổ về dáng ngơ ngơ ngác ngác, rồi vội vàng tụt xuống đất lủi thủi chuồn ra sau bếp.

Không khí gì mà lạ vậy? Thấy một bà lão đang bế cháu dưới gốc tre, Huyền lễ phép hỏi:

- Chúng cháu là người lạ nơi khác đến làng ta tìm việc. Chúng cháu đều là người khỏe mạnh tử tế. Việc gì chúng cháu cũng xin làm.

Bà cụ già một tay bế cháu, một tay xua xua:

- Các bác đến nơi khác mà tìm việc. Làng tôi đang có chuyện buồn.

- Dạ xin cụ cứ cho biết rõ. Chẳng hiểu có chuyện gì? May ra chúng cháu giúp được thì sao.

Bà cụ ngồi xuống chiếc ghế con, đặt cháu vào manh chiếu, tìm miếng trầu ở túi rồi đủng đỉnh kể:

- Chả là làng tôi chỉ có một họ: họ Lê. Tối hôm qua bà trưởng Kiên, vợ ông trưởng họ qua đời. Ông trưởng họ là người tài hoa, đánh đàn giỏi lắm. Bạn ông Kiên là ông phó Kèn, thổi kèn đám ma hay lắm. Chẳng may ông phó Kèn chết đã gần năm nay. Thế là chẳng có ai thổi kèn đưa bà Kiên ra đồng cả. Lên làng Thượng cầu cứu thì ông phó Kèn trên ấy lại đi làm ăn xa chưa về. Mà bà trưởng Kiên xưa kia lấy ông Kiên cũng chỉ vì mê tiếng đàn của ông ấy. Bà Kiên vừa hát hay vừa đẹp gái nhất làng. Chẳng lẽ người như bà ấy mà chết đi lại chết thảm không kèn không trống. Chính vì cái nhẽ đó nên ông trưởng Kiên suốt từ sáng đến giờ cứ nằm sườn sượt bên áo quan bà vợ, chẳng thiết ăn thiết uống gì nữa. Bác tính xem thế có khổ cho cả họ, cả làng chúng tôi không. Làm thì khối chân khối tay ra đấy, nhưng bảo thổi kèn thì ai ai cũng chịu.

Mặt Trịnh Huyền tươi tỉnh hẳn lên:

- Thừa cụ, tưởng chuyện gì chứ chuyện ấy thì cháu làm được.

- Thế ra anh biết thổi kèn? Quý hóa quá!

Bà cụ vội bế đứa bé lên, cầm lấy tay Huyền dắt đi:

- Anh đi ngay với tôi đến nhà ông trưởng Kiên. Tôi là chị gái ông ấy đấy. Còn con bé này là cháu ngoại ông Kiên...

Bà cụ gọi tướng lên từ cái ngõ tre:

- Ông Kiên ơi? Thôi dậy đi? Có người giúp được rồi.

Chiếc quan tài kê ở gian giữa căn nhà gỗ. Một ông già râu bạc nằm thượt ở chiếc phản kê ở gian bên cạnh, tay vắt lên trán. Một cô gái và một cậu con trai ngồi xếp xuống đất cạnh chiếc quan tài, tay ôm mặt, ti ti khóc:

- Bu ơi là bu ơi!

Bà cụ bảo:

- Thôi, đừng khóc nữa. Có thợ thối kèn đây rồi.

Ông già Kiên ngồi dậy ra tiếp khách. Ông cụ mời Huyền ngồi lên phản, nhìn anh từ đầu đến chân, ra chiều còn nghi ngờ. Ông hỏi:

- Bác là người vùng nào? Tôi nghe giọng bác không phải người Sơn Nam.

- Dạ, cháu là người xứ Đoài, gia cảnh nghèo túng nên đi lưu lạc kiếm ăn.

Trịnh Huyền nhìn cây đàn nguyệt treo trên vách, rồi lại nhìn vào đôi mắt còn như bán tín bán nghi của ông già. Anh thành thật nói:

- Cháu vốn không phải là người chuyên thổi kèn, nhưng hồi nhỏ vốn tính ham chơi mọi thứ nên đã có lúc đi theo các cụ hội hiếu. Cụ trùm hội bảo cháu hơi dài nên dạy thổi kèn. Nhưng thú thực với cụ là đã lâu lắm rồi cháu không thổi... chắc thổi sẽ còn loạn choạc lắm.

Cụ trưởng Kiên ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi:

- Anh còn nhớ điệu Lâm Khốc chứ?

- Dạ cháu còn nhớ.

- Thế Lưu Thủy, Hành Vân?

- Dạ thưa cụ đám hiếu sao cụ lại nói đến Lưu Thủy, Hành Vân?

- Là thế này, bà lão nhà tôi hơn tôi hai tuổi. Tôi sáu mươi chín, tức là bà ấy bảy mươi mốt. Thất thập cổ lai hy. Thế là thượng thọ rồi. Chết thế, con cháu ngoài việc thương xót tiễn đưa, còn thêm việc chúc thọ bà ấy.

Phần 1 - Chương 3

Trời về chiều. Cụ Nho Tiết, tóc bạc phơ như một ông tiên, đang ngồi nhâm nhi chén rượu bên thềm nhà. Trước mặt là chiếc mâm gỗ mộc, trên bày một đĩa tép kho, rồi rau, cà, tương và mấy quả ớt chỉ thiên đỏ chót. Đối diện với cụ là một cậu bé trạc mười bốn tuổi. Nó cời trần, chỉ mặc độc một chiếc quần lửng. Làn da nâu được ánh chiều hắt vào làm bóng lên. Mỗi miếng thẳng bé nhai một quả cà, ăn rất nhanh, chỉ một loáng đã xong bát cơm. Cụ Tiết cười, bảo:

- Ông đã dạy cháu bao nhiêu lần rồi, ăn phải có nhai. Từ tốn thôi con ạ.

Nói đoạn, cụ cầm quả ớt đỏ đưa lên miệng, cắn một chút xiu. Ông cụ để cho vị ớt cay xè hăng hăng thấm vào khắp miệng, lan tỏa tới cổ họng; lúc ấy cụ mới nâng chén rượu lên, tợp một hớp nhỏ, để cho vị nồng thơm của nó quyện vào vị ớt, làm cháy bỏng cả tâm hồn, làm tê tái cả đầu lưỡi. Lúc đó, cụ mới chấm đầu đũa vào bát tương, đưa lên miệng mút nhẹ, rồi ngồi trầm ngâm hưởng sự lan tỏa của cái mặn cái cay nồng, cái thơm thoảng đang trộn vào nhau. Khi này, trong mồm cụ, lại là sự ngậy ngất dịu dàng, sự giải tỏa cái hăng nồng để đi tới sự hài hòa êm ả, bình lặng của vị giác.

Cụ Nho Tiết vẫn thích uống rượu một mình như thế, thích hưởng thụ sự hòa trộn các mùi vị như thế. Người ta vẫn hỏi về cái ngon của nó ra sao, nhưng cụ chỉ cười không giải thích nổi, hay là cụ không muốn giải thích cho ai. Song chắc chắn đó là cái thú rất riêng của cụ, cái bí mật rất riêng mà cụ khư khư giữ lấy, mà người đời chỉ còn biết lắc đầu, và cho rằng đó chỉ là cách uống rượu gàn dở. Có những bữa cỗ thịt cá ê hề, người ta mời cụ vẫn đến ăn uống. Ai hỏi: "Có ngon không?", cụ cũng đáp rằng: "Ngon!". Có lẽ chỉ vì cụ trân trọng tấm thịnh tình, sự ân cần quý hóa của nhà chủ. Cụ không bình phẩm cái sự ăn uống, nhưng trong thâm tâm, cụ vẫn thích cách uống rượu của mình hơn. Nhà cửa của cha ông để lại cũng khá đàng hoàng. Nhà ngồi cây mít hắc hoi, nhưng thực ra từ khi ở tù về, sự ăn tiêu của cụ không được dư dả cho lắm. Vả lại, cụ là người tiết kiệm, nhưng có thể sự đậm bạc đã giúp cụ tìm ra được cái hoan lạc trong những phẩm vật giản dị mà trời chỉ riêng ban cho cụ được biết.

Tộp hợp rượu xong, cụ ngồi lắng nghe tiếng xào xạc, cọt két của rặng tre, cùng với tiếng riu rít của bầy cò đang bay về đậu trên những ngọn cây nhẵn ngoài vườn, rồi cả tiếng rúc rích của đàn chim sẻ trú ngụ trên tán cây mít um tùm trước sân.

Trời bắt đầu chạng vạng. Cụ Điều đã ăn xong bữa từ lâu. Nó ra rút rơm cho lũ bò vàng ăn tối. Chỉ còn mình ông cụ vẫn ngồi bên chiếc mâm gỗ. Chợt con chó Vá bỗng sủa nặng lên ngoài ngõ. Ông cụ Tiết cất tiếng:

- O! Cụ Điều! Ra xem có ai.

Thằng Điều dạ thật to rồi chạy ra mở cổng. Một người đàn ông và một cô gái trẻ tuổi nó đứng sừng sững hỏi:

- Cháu ơi! Đây có phải là nhà cụ Tiết.

- Vâng ạ?

- Cho bố con tôi xin được gặp cụ đồ.

Thằng Điều lăm lét nhìn cái nửa khuôn mặt kỳ dị của ông khách, rồi ngấp ngừng hỏi:

- Ông là ai ạ?

- Bố con tôi từ xa về.

Điều còn đang lưỡng lự thì ông khách đã xăm xăm bước vào sân. Con chó Vá chồm lên sủa, ông khách phải ngồi sụp xuống vớ hòn đất. Điều cầm cái roi tre quát tháo ồn ã, con chó vẫn không chịu lùi. Chỉ đến lúc cụ Tiết lên tiếng:

"Vá! Vá! Khách đấy! Vào đi!",

lúc ấy con Vá mới chịu lùi xuống bếp.

Trong nháy mắt, Trịnh Huyền bỗng nhìn thấy mái tóc trắng như cước của ông già đang ngồi uống rượu bên thềm nhà, anh chợt thấy thương cảm và lúng túng. Bỗng như một đứa trẻ, Huyền khoanh tay trước ngực, cúi gập người xuống lễ phép run run nói:

- Con lạy thầy ạ.

- Hà?

- Thưa, con lạy thầy ạ.

- Thầy nào? Ông là ai?

- Thưa, con là Trịnh Huyền.

- Huyền nào?

- À à... Huyền tức là thằng Phác ngày xưa, con của thầy.

- Hà?

Ông già tóc trắng chợt đứng bật dậy, run run tìm chiếc kính đeo lên mắt. Ông cụp lại gần người khách lạ, đi quanh người anh, nhìn sát mặt anh, ngẩng phía mặt kỳ quái bên phải, chồm chớp mắt, rồi ngẩng nửa mặt trái ngẫm nghĩ. Cuối cùng, ông vạch hắt tóc anh lên nhìn cái tai bên trái, nhìn cho thật kỹ rồi bỗng kêu lên:

- Đúng là thằng Phác thật rồi! Đúng là con ta thật rồi. Nhưng sao mặt mũi lại thế này. Ủ... thầy hiểu, thầy hiểu... Con đã trải bao cực khổ... Nhưng sao có sẹo lớn ở mặt thế này? Phác ơi! Ngần ấy năm con lưu lạc phương trời nào? Hai chục năm rồi còn gì. Ta còn cố gắng sống đến hôm nay là vì con đó. Thầy đợi con đến bạc hết tóc...

Người con trai quỳ sụp xuống, ôm lấy chân người cha. Anh khóc rưng rức như một đứa trẻ. Trong khi đó, đứa con trai, đứa con gái, Điều và Nhụ cứ đứng lặng, chôn chân như chết đứng. Ông già tóc trắng dần dần trở lại bình tĩnh. Ông cụp Nhụ Tiết còn sờ thêm một lần nữa vào cái tai bên trái bị rách của Trịnh Huyền, kết quả của trò nghịch ngợm thời trai trẻ của Phác, như để xác nhận lần chót rằng người này đúng là đứa con lưu lạc của mình, đứa con tưởng đã chết nơi đất khách nay bỗng hiển hiện bằng xương bằng thịt trước mắt ông. Cụp Nhụ Tiết vẫn đeo cặp kính lúc này mới quay sang nhìn cô bé. Cô lễ phép khoanh tay cúi đầu:

- Cháu lạy ông ạ.

- Cháu là con bố Phác?

- Cháu là con bố Huyền.

- Huyền à? Ông hiểu rồi. Bây giờ bố mày đã thay họ đổi tên. Nhưng nhớ lấy. Bố mày chính tên là Phác.

- Dạ, thưa ông, con nhớ rồi ạ.

Ông già chăm chú nhìn vào gương mặt của đứa cháu. Một khuôn mặt trái xoan, điểm một đôi mắt đen lầy, to, dài, hơi xệch một chút. Đôi mắt làm ông già phải ngạc nhiên. Chúng trong veo, mới nhìn vào đã làm ta tin cậy. Nhưng sao con bé mới mười hai, mười ba tuổi, nó đã từng trải gì đâu mà đôi mắt buồn đến vậy. Cụp Nhụ Tiết khẽ khàng hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Cháu là Nhụ.

- Nhụ hay là Nụ? Gì Nhụ?

- Dạ Trịnh Thị Nhụ vì bố cháu là Trịnh Huyền.

- Dạ, thưa thầy...

Anh Huyền định đỡ lời con, nhưng ông già chỉ cười và gạt đi. Cụp Tiết ra chiều ngẫm nghĩ. Rồi một chủ kiến bỗng nảy ra. Cụp quay ra nói với con trai:

- Anh chẳng cần lấy lại tên họ cũ... Có lẽ trời đã xui khiến... Tìm ra lối thoát... Cả khuôn mặt bị bỏng cũng tốt... Thay tên thì thay luôn cả mặt. Con có biết không, khi các con đi theo ông Đề... rồi có tin nghĩa binh tan rã, bọn Tây sục đến nhà mình bắt thầy đi, bỏ tù năm năm. Họ bảo rằng, trước kia thầy đi theo quân cụp Đốc Ngữ, đến lượt các con cũng là những kẻ phiến loạn. Như vậy mầm loạn ở nhà này chưa dứt nên phải bắt thầy. Chú Hiếu khuyên thầy trốn đi song thầy không trốn. Bác cả Lễ thì chạy chọt cho thầy rất hao

tiền tồn của nhưng cũng chỉ giữ án được năm năm, không bị tăng án, chứ không thoát được.

- Thế còn anh con thì sao?

- Lúc thầy chưa bị bắt, đem nó lên về thăm thầy. Ta bảo nó: "Nếu mày có hiếu với thầy thì trốn vào xứ Mường lấy vợ đẻ con. Em mày chưa biết sống chết ra sao. Chỉ còn có mày độc nhất. Phải đẻ lấy đứa con trai kéo ta tuyệt tự". Thằng Chắt nghe lời thầy vào tận Mường Lò lấy vợ đẻ được thằng con trai. Nó bị sốt rét nặng. Nó bắt vợ nó mang con về lúc ta đã ra tù. Sau nó sốt rét nặng quá không qua khỏi.

Cụ đẩy đứa cháu trai ra trước mặt Huyền:

- Nó là thằng Điều, giọt máu cuối cùng của ta đấy.

- Con chào chú đi. Chú ruột mày đấy.

- Cháu lạy chú ạ.

- Nhưng thôi chuyện này chỉ riêng nhà ta biết. Cấm lộ ra ngoài. Bởi vì lộ ra, bọn Tây vẫn săn tìm sẽ bắt chú mày tức khắc.

- Thừa thầy, nghĩa là...

- Nghĩa là từ nay anh vẫn là Trịnh Huyền. Đối với làng xóm và các nhà hào lý, anh không phải là Phác, không phải là con trai ta, mà là anh Huyền cháu về đẳng tổ ngoại nhà ta. Anh từ Sơn Nam lên. Vì Sơn Nam lụt lội đói khát, anh lên nhờ vả ta là bác anh để kiếm miếng sống nuôi con.

- Dạ thưa thầy...

Ông già không để ý đến sự bối rối của người con, ông nhắc lại một lần nữa những lời đã nói, rồi dặn đi dặn lại:

- Thầy không muốn con phải vào tù như thầy. Việc này vô cùng hệ trọng. Từ nay, anh Huyền phải gọi thầy bằng bác. Thằng Điều, con Nhụ là hai anh em họ ngoại với nhau và họ ngoại xa. Điều bí mật không được hé môi cho bất cứ ai. Thế nào, cả nhà đã rõ chưa?

Dặn dò xong, ông cụ sai con Nhụ, thằng Điều xuống bếp thổi thêm cơm. Chỉ còn hai cha con ngồi ở đầu hè. Ông cụ lúc ấy mới tỉ tê hỏi:

- Thế còn chuyện của anh trong ngần ấy năm ra sao? Vợ đâu mà chỉ mang con về thôi?

- Nhà con qua đời khi sinh nở.

- Thế còn con bé Nhụ? Nó giống mẹ nó à?

- Vâng. Rất giống.

- Ừ... Nó chẳng giống anh tẹo nào.

- Dạ thưa thầy.

- Sao?

- Dạ... Thừa... Nó là con riêng của nhà con. Dạ nhưng con bé quần quýt với con lắm.

- Con bé có biết chuyện ấy không?

- Dạ, nó có biết, nhưng vẫn rất quý con. Dạ, con coi con bé như con đẻ.

Ông già thở dài rồi gất khẽ:

- Thì phải như thế mới đúng chứ. Con là con của thầy mà...

Ông già Tiết lại thừ ra suy nghĩ. Rồi chợt ông nắm lấy tay Huyền như an ủi, lại như mừng rỡ...

- Thầy hiểu con... Thương cho con hơn bốn mươi tuổi rồi vẫn còn lận đận... Nhưng đừng lo. Biết đâu rồi họa lại chuyển thành phúc. Vì, thầy đã nghĩ ra rồi. Điều này hay đấy. Để sau thầy sẽ nói với con.

Trịnh Huyền ngạc nhiên vì ông cụ thay đổi tâm trạng liên tục. Hình như câu chuyện với Huyền đã gợi cho ông một ý hướng nào đó vô cùng quan trọng. Ông gật gù, rút một điều thuốc lão rồi lăm bầm:

- Đúng? Đã thay hình đổi dạng thì phải thay cho triệt để - ông quay sang Huyền nói. - Tôi nhắc lại, từ rày, trước mặt người khác, bất cứ lạ hay quen, anh phải nhất thiết gọi tôi là bác. Anh còn phải nói theo thổ âm người Sơn Nam. Anh nói được chứ?

- Điều ấy con làm được.

- Gặp người họ hàng, gặp người quen thuở xưa, anh cũng phải làm như chưa hề gặp mặt.

- Dạ, có cần phải đến thế không ạ?

- Cần! Anh hiểu chưa. Thay hình đổi dạng, anh đã nhớ chưa. Bọn Tây đồn đồn ở đây cũng rất chú ý đến nhà ta. Tôi nghe người ta còn bảo bọn Tây vẫn hỏi đến tung tích anh Chắt, anh Phác con tôi. Thế đấy phải tỉ mỉ kéo lại chui đầu vào rọ. À... khi lưu lạc ở xứ người, anh có học được thứ nghề ngón gì của xứ Sơn Nam không? Cái gì thật đặc biệt chỉ có người Sơn Nam mới giỏi. Trịnh Huyền ngẫm nghĩ mãi mới trả lời:

- Dạ... Có một nghề, nhưng từ khi nhà con qua đời, con đã chôn nó theo xuống mộ của nhà con rồi.

- Nghề gì vậy?

- Nghề đàn nguyệt.

- Nguyệt à? Hát văn phải không? Thế thì bây giờ anh phải moi cây đàn lên.

Trịnh Huyền van lơn:

- Thưa thầy, từ khi vợ con qua đời, con đã có lời thề nguyện trước mộ, rằng từ đấy con sẽ không đụng đến đàn nguyệt nữa.

- Sao lại như vậy?

- Con không muốn con gái con, cháu Nhụ lại bạc mệnh giống như mẹ nó ngày xưa.

Cụ già ngẫm nghĩ hồi lâu, mãi mới nói:

- Nhời nguyện với người đã khuất là hệ trọng. Thầy hiểu. Nhưng còn có việc hệ trọng hơn, đó là việc sống chết của cả nhà ta. Lão Tây Julien mắt mèo, lão Tây đồn đồn ở đây khét tiếng cả vùng. Mà thầy thì đã già rồi. Con trở về, thầy rất mừng. Con về, thằng Điều đã có chỗ nương tựa. Nó là giọt máu độc nhất của nhà ta. Dù có xảy ra chuyện gì, con cũng phải che chở, bảo vệ cho bằng được giọt máu ấy.

- Thưa thầy, nếu vì chuyện ấy, thì con phải làm. Con xin vâng theo lời thầy dạy.

- Con đánh đàn ra sao?

- Người thầy dạy đàn chính là bố vợ con. Ông là người đánh đàn nguyệt và hát văn nức tiếng của đất Sơn Nam.

- Thế thì tốt. Vậy, mấy ngày nữa, thầy sẽ sửa cái lễ, mua hoa quả, vàng hương, xin với vợ con cho phép con được giải lời nguyện. Đối với dân làng, ta sẽ nói thác ra rằng, con là người Sơn Nam, theo lời các cụ trong họ, lên đây làm lễ cho bà tổ cô vốn xưa kia trình đồng ở đền Mẫu. Và con sẽ đánh đàn nguyệt trên đền Mẫu. Hay! Như thế thì liệu còn ai ở làng mình này còn có thể nghi ngờ rằng con vốn là thằng bé Phác nghịch ngợm ngày xưa.

Phần 2 - Chương 1

NHỤ VÀ ĐIỀU

Nhụ rất tinh ý; chỉ chừng nửa tháng, cô bé đã biết hết tình hình nơi có thể gọi là gia đình thứ hai của cô. Cô không hỏi, chỉ qua những câu chuyện trao đổi của những người trong nhà rồi cô luận ra mà thôi.

Gia đình họ Đình là một gia đình bậc trung. Cụ Đình Công Trung sinh ra ba người con: ông Lễ, ông Tiết, ông Hiếu. Ông Lễ làm quan huyện gì đó nhưng ở xa chẳng thấy về nhà bao giờ. Ông Tiết sinh ra ông Chắt và ông Phác (tức ông Huyền bố cô). Ông cụ Tiết đi tù về ốm yếu. Còn ông thứ ba tên là Hiếu, nghe bảo bị mắc chứng điên điên khùng khùng.

Cụ Tiết có vẻ hợp với cô bé Nhụ. Nhụ ít nói, nhưng khi đã nói thì cái giọng riu rần làm căn nhà bừng lên tươi tắn. Từ khi có cô bé về, ngôi nhà thênh thang của ông con cụ Tiết bỗng ấm hẳn lên.

Khu đất nhà cụ Nho Tiết, hay nói cho đúng hơn là cái trang trại nhỏ ấy thật đẹp. Nó không rộng lắm, chỉ khoảng chừng hai mẫu đất chạy dài suốt từ chân lên quá lưng chừng đồi. Ngọn đồi không cao lắm, nhưng dân ở đây vẫn tiện mồm gọi là núi. Đất quay mặt ra con đường chính của làng, cây cối mọc um tùm xanh tốt nên khu vườn có dáng một khu rừng. Chục gốc trám, chục gốc mít, rất nhiều sấu, rồi cả thị, nhãn, hồng, ổi, na, bưởi... Rất nhiều loại cây, trồng theo từng vạt riêng. Khu vườn tạp nhưng có duyên, mùa nào thức nấy. Người cháu tên là Tuấn, con ông Lễ ở Hà Nội về bảo:

- Vườn của chú thật là đẹp, thật thích mắt nhưng chẳng ra mấy tiền bạc. Chú phải chặt hết đi trồng toàn giống bưởi Đoan Hùng thì mới nhiều lợi. Tuấn thấy trong vườn có cây bưởi Đoan Hùng cho quả vừa ngọt, vừa thơm nên mới đưa ra ý kiến ấy. Cụ Tiết cười:

- Chú có định làm giàu đâu. Chú giống ông, chỉ thích cây nên trồng như thế. Thực ra cũng khổ tiền đấy. Cũng đủ nuôi chú và cháu Điều.

- Cháu hiếu ông chú của cháu chứ. - Tuấn cười.

- Ấy, chú cũng định trồng thêm năm gốc bưởi Đoan Hùng để tết đến, có quà ngon biếu họ hàng và chỗ thân thiết.

Tuấn là họa sĩ. tính nét thoáng, cười giòn:

- Đó là cháu nói về cách sinh lợi nhiều, chứ thực ra cháu rất mê cái vườn của chú. Nếu trồng toàn một thứ cây, đối với con mắt cháu, sẽ là không đẹp. Còn như vườn của chú lúc này, theo cháu, nó đẹp nhất trần gian. Kìa... chú thử nhìn bụi nhót ở góc tường hoa kia. Lá của nó um tùm tự nhiên màu xanh xanh, trắng trắng. Cái màu trắng như quét nhũ, óng ánh trong nắng. Lại lấp ló những quả màu đỏ chót... Thích thật! Thích thật...

Nghỉ một lát, Tuấn lại tiếp tục những ý nghĩ chỉ nghiêng về cái đẹp của mình:

- Chả là cháu chỉ muốn ướm thử xem ý của chú thế nào thôi; chứ thực ra cháu chỉ cầu mong chú cứ giữ nguyên cái vườn mãi như thế này. Giữ nguyên mãi mãi chú ạ... để cho cháu mỗi lần về thăm chú, còn được ngắm cảnh, còn được vẽ vờ, bôi màu lên giấy chứ.

Mỗi lần nghĩ đến chuyện ấy, cụ đồ Tiết lại như có chút bùi ngùi. Mỗi người yêu khu vườn này theo một cách riêng. Cháu Tuấn yêu, vì nó là họa sĩ. Còn cụ Tiết, cụ yêu nó vì những kỷ niệm. Cây mít xù xì đầu nhà kia chắc đã gần trăm tuổi. Nghe nói nó được ông nội của cụ trồng, do vậy, nó đã cỗi, ra ít quả. Thân nó to và thẳng, nhiều người dám mua để xẻ ván. Được tiền đấy nhưng cụ không bán. Còn phần đông các cây đang ra trái hiện nay đều do cụ thân sinh đã trồng. Cụ Đình Công Trung là một lão nông tri điền. Chính cụ là người tạo thành khu vườn xum xuê như ngày nay. Cụ gây dựng khu vườn với ước muốn nó sẽ cung cấp đầy đủ cho mọi nhu cầu của gia đình. Cụ để hẳn ra một vùng đất trồng toàn tre bương. Cụ bảo để có đủ vật liệu mà dựng nhà, sửa chữa nhà. Đấy còn là nơi gọi chim cò về làm tổ, để hằng ngày được nghe tiếng líu lo của con chích chòe, con sáo sậu, để hằng đêm được nín lặng thắm dõi theo tiếng xào xạc hoặc rủ rủ của lũ cò trên ngọn tre cao. Có tiếng chim, vườn mới thực là vườn và nhà mới thực là nhà. Tiếng chim cứ tưởng như rất băng quơ chẳng có ý nghĩa, nhưng thực ra nó làm cho lòng người ấm áp đáo đẽ. Ở chỗ chân đồi nơi thấp nhất, là một vạt ruộng chừng hai sào, cụ trồng đỗ, trồng ngô, khoai. Cạnh đó là cái ao nhỏ để thả bè rau muống. Cách ao một quãng là giếng nước, thành xây bằng gạch đá ong, nước trong veo. Bên giếng làm một nhà tắm lộ thiên; chung quanh trồng những bụi mây mọc rất dày, lá mây xanh mượt lá nọ đan vào lá kia kín mít. Đó là nơi để đám đàn bà con gái thỏa thuê với nước. Ngày xưa, bà Tiết và cô Loan, cô Mùi vẫn ríu rít nói cười giòn tan sau bức rào xanh kỳ thú của tòa nhà tắm thiên nhiên độc đáo ấy. Đến bây giờ, có những buổi chiều, cụ Tiết vẫn ngồi ở thềm nhà nhìn xuống cái buồng tắm màu xanh ấy, tưởng chừng như vẫn còn nghe thấy tiếng cười pha lê ấy của cô con gái và tiếng mắng yêu con khê khàng mà ấm áp của bà Tiết, ông già nghĩ tiếng của vợ ông như tiếng con chim câu gù, chẳng hiểu có đúng không nhưng ông Tiết vẫn thích ví von như thế.

Căn nhà chính năm gian nhìn xuống chân đồi, quay mặt hướng Tây. Thầy địa lý xem dương trạch bảo cụ cổ ngày xưa phải làm như vậy. "Cái thế đất nó bắt phải thế mới thuận, mới hợp. Và có như vậy gia đình mới hưng thịnh". - ông thầy địa lý nói quả quyết như đinh đóng cột.

Quả là khi làm xong, vận khí nhà cụ Tiết sáng hẳn lên, trông thấy ngay. Mấy năm sau, Đình Công Lễ và Đình Công Tiết đi thi. Lễ đỗ cử nhân được bổ đi tri huyện, còn Tiết đỗ nhị trường vào tam trường thì trượt. Lão Cửu Nhậm lúc đó chưa làm tiên chỉ bảo rằng nhà họ Đình huynh đệ đồng khoa. Tiết bị trượt đã tức liền nói:

- Xin ông đừng mĩa mai tôi. Đỗ nhị trường sao gọi là đỗ được.

- Cũng là đỗ chứ. Đỗ nhị trường, người ta chẳng gọi là ông Nhị đó sao?

- Nhị hay tam thì làm gì. Xin ông cứ gọi tôi là anh khóa Tiết cho nó tiện.

Khóa Tiết, Cửu Nhậm vốn đồng môn. Nhậm vẫn bị Tiết chê dốt nên họ hay châm chọc nhau như vậy. Mấy năm sau, Tiết đi theo cụ Đốc Ngừ. Phong trào khởi nghĩa của Đốc Ngừ bị tan. Cũng may, lúc thoái trào Đốc Ngừ thì Tiết bị sốt rét về nhà dưỡng bệnh nên không bị Tây bắt. Cũng có kẻ xấu bụng tố cáo, nhưng nhờ có cử Lễ lo lót, chạy chọt nên Tiết vẫn không việc gì. Sau đợt ấy, Tiết mở lớp dạy con em trong làng nên dân gọi là ông đồ Tiết.

Mấy năm sau, tới lúc anh em Chắt, Phác đi theo quân Đề Nghĩa rồi biệt tăm biệt tích, lúc bấy giờ người Pháp mới bắt cụ Tiết, nhưng cũng chỉ phải tù mất vài năm. Ông cử Lễ ngẩng mặt lên trời mà than:

- Hình ngục nan đào! Tử vi của chú Tiết là thế. Chỉ thoát một lần, nhưng lần thứ hai cũng không thể thoát.

Cụ Đình Công Trung thương con trai, ngã bệnh chết. Rồi bà Tiết thương chồng tù tội, nhớ mong hai đứa con trai bỏ làng biệt xứ, nên cũng héo hon mà qua đời.

Khi ông Tiết hết hạn tù, ông Hiếu điên điên rồ rồ bỏ ra chùa ở, ông cử Lễ nương hân ngôi nhà gia tiên để lại cho em trai. Phần nào cũng do lòng tốt của ông, song phần nào cũng do ông sợ cái hướng nhà. Nghe nói có lão đồ Mốc, thầy địa lý khét tiếng cả vùng, phán rằng mộ phần nhà họ Đình đều tốt cả, chỉ riêng dương trạch không ổn. Khí không tụ mà lại tán, sợ rằng phú quý tài lộc không dài lâu đến đời con, đời cháu, rồi thậm chí có người sa hình ngục. Cử Lễ ngẫm nghĩ thấy lão Mốc nói nhiều điều đúng, nhất là khi nghĩ đến cái chết của ông bố và cô em dâu sau khi ông Tiết bị tù. Còn Tiết sau khi đi tù về, ông lặng lẽ nói:

- Bác nương cho thì em xin nhận. Em xin giữ gìn tông nom của gia tiên, sao cho nó vượng lên. Riêng em, dù ngôi nhà của cha chúng ta có dữ thế nào, em cũng không cần. Bởi vì bản thân em đã đi tù. Vợ cũng đã chết. Hai con thì lưu lạc chân trời góc biển nào cũng chẳng ai hay. Đứa con gái lớn số phận chẳng ra gì. Chỉ còn mụn con gái út, bác đã lo cho rồi. Thế cho nên em không sợ. Và biết đâu đấy... bởi vì vật cực tắc phản mà (vật đi hết đường sẽ quay trở lại).

Cái lý lẽ của ông em trai có vẻ cùn, bất cần. Điều ấy làm ông cử Lễ áy náy. ông bảo em:

- Hay là ta bán quách nó đi, tậu cho chú khu đất khác.

- Không được. Của gia tiên không nên bán... Vả lại... em hiểu rồi. Bác áy náy vì sợ mang tiếng là đùn đẩy cái phần xấu, phần không may về cho thằng em hững hờ chịu chứ gì. Em nói thật với bác: Em không tin rằng số phận lại tiếp tục đẩy em tới chỗ tuyệt diệt.

Ông đồ Tiết không tin vào sự tuyệt tình của số phận. Ông vật lộn với nó, và trước mắt, ông phải làm cho cái trang trại của mình được hưng thịnh lên. Mặc dù đi tù về ốm yếu, ông vẫn hàng ngày cặm cụi vun xới khu vườn, chặt tỉa những cây già cỗi sâu bệnh, trồng thêm những cây mới. Thằng cháu Điều, tuy nhỏ tuổi, nhưng hăng hái cũng chẳng kém gì ông. Hai ông cháu lần hồi sống cùng vườn cây. Nhìn thằng cháu lớn lên từng tháng, từng năm, điều ấy cũng tiếp sức cho ông rất nhiều. Bây giờ, khu vườn đã hồi sinh hoàn toàn. Nó lại càng thêm sức sống khi hai bố con Huyền và Nhụ trở về.

Sớm nay, cụ đồ Tiết dẫn Nhụ đi thăm khu trại. Ông già rất yêu quý cô cháu gái. Bà cụ Tiết chết rồi. Cô con gái lớn, cô Mùi, tuy không chết cụ cũng coi là chết. Cô Loan, khi cụ mắc tù tội, được ông cử Lễ nuôi nấng, gả chồng cho lấy người làm nghề giáo học ở Hà Nội. Ba người đàn bà đi khỏi trang trại. Cái nhà tắm thiên nhiên xanh ngắt của cụ ở dưới chân đồi hầu như bỏ hoang, bởi vì thằng Điều không thích tắm nhà tắm, nó thích vùng vẫy bơi lội trên sông hoặc ngoài hồ Huyền. Những cây mây nơi nhà tắm bỏ hoang, được dịp tha hồ mọc bừa bãi. Cái nhà tắm xanh càng trở nên um tùm. Những ngọn mây như những con rồng vươn lên trời mà nhảy múa. Thấy có cô cháu gái, cụ Tiết lặng lẽ ra sửa sang, buộc buộc cho cái nhà tắm được gọn gàng. Nhụ trông thấy cái nhà tắm xanh, mắt sáng lên thích thú. Và ông lão lại được sung sướng, khi tiếng cười như pha lê của Nhụ lại cất lên ở đó, lúc cô dội làn nước mát lạnh lên đầu. Tiếng cười lanh canh từ cái buồng tắm thiên nhiên, từ cái vách lá mây xanh ngắt ấy vang lên, chợt làm hiện lại hình ảnh của người vợ, của những người con gái, những hình ảnh ấm áp của một gia đình

mà ông cứ tưởng rằng sẽ không bao giờ gặp lại. Cô cháu gái đã lấp đầy chỗ trống tình cảm trong trái tim ông, chỗ trống mà một con người cứng rắn như ông sẽ không khi nào chịu bộc lộ, thú nhận vì lòng kiêu hãnh.

Kìa, cô cháu gái đang đứng ở góc sân, dưới gốc cây thị thơm ngát. Cô cúi đầu, xoa tóc, rồi nắm lấy chân tóc ở sát đỉnh đầu mà quay vun vút cho nước vắng đã tạo thành một đám mưa bụi mát rượi bay cả vào thềm hè.

Tối hôm ấy có trăng. Nhụ mắc võng dưới cây thị, đưa võng kéo kệt mà hát rằng:

Cô rong chơi mười tám cửa ngàn

Ba mươi sáu động sơn trang các tòa...

Lúc đó, ông già ngồi uống nước với Trịnh Huyền. Cụ Tiết ngẫm nghĩ rất lâu rồi bảo con trai:

- Tôi có câu chuyện này, chả biết đã nên nói với anh chưa.

- Dạ, xin thầy cứ nói.

- À mà thôi, để sau hãy hay.

- Vâng ạ, lúc nào tiện thầy nói cũng được.

- Ừ... Mà... vì... con bé ngoan đáo để.

- Thầy bảo ngoan thế nào ạ.

- Thì... con cái Nhụ chứ còn ai. Con bé ngoan lắm.

Ông già nhắc lại câu nói. Nhìn gương mặt vui vẻ của cha, Trịnh Huyền cũng thấy vui lây. Anh cũng thật không ngờ đứa con gái của anh lại làm cho cha anh hài lòng như vậy. Anh chợt thấy việc trở về làng của mình là rất đúng.

Đứa cháu gái hầu hạ ông khéo lắm. Sáng sớm nào cũng đúng như chiếc đồng hồ, khi con chim dẻ quạt đen nhánh bắt đầu xòe đuôi vừa nhay vừa hót ở bụi trúc vàng đầu nhà là Nhụ mang lên ấm nước để ông pha trà: Cũng như mọi nhà nho khác, ông Tiết thích uống trà buổi sớm, nhưng trước đây, cảnh nhà lỵ tán, hết tai họa này đến tai họa khác đổ xuống đầu, nên hầu như ông già đã quên mất cái thú vui ấy. Nó chỉ trở lại khi cha con Trịnh Huyền về nhà. Ông già không nói ra, nhưng trong bụng rất cảm ơn cha con Huyền. Bởi vì, bằng những hành động nhỏ nhoi, họ đã nhắc lại cho ông niềm vui sống gần như bị đánh mất trong ông.

Uống trà xong, cụ Nho Tiết dắt cháu gái ra khu nuôi ong. Cụ nho quý những đàn ong của mình vô cùng. Trước đây, không một ai được bén mảng đến khu nuôi ong. Hình như trước cũng có một người được phép, nhưng người ấy đi rồi. Bây giờ, tự tay cụ chăm sóc lấy. Cụ không muốn theo lối cổ truyền nuôi ong bằng đõ như người miền núi. Cậu cháu Tuấn nhờ một người bạn học canh nông dạy cụ nuôi ong theo kiểu mới bằng thùng đóng hình hộp, rồi gài cầu vào bên trong cho ong làm tổ. Hôm ấy ông cụ bảo Nhụ:

- Xem ra cháu nuôi ong được đấy.

- Nuôi ong khó lắm phải không ông?

- Cũng khó mà cũng dễ.

- Cháu sợ ong đốt lắm.

Ông tươi cười nhìn cháu:

- Người nuôi ong phải biết kiên nhẫn, lặng lẽ và dịu dàng. Người nóng nảy, thô lậu khó có thể nuôi ong. Ong rất ưa sự khẽ khàng, mềm mại. Đến với ong phải giống như người mẹ đến với con mình. Ấu yếm, ầm áp. Ong cũng có thể cảm nhận được bàn tay nào yêu thương chúng, không muốn làm hại chúng. Ong cũng thích người có da thịt thơm tho. Sở dĩ ông không cho người khác đến nơi đây, bởi vì họ vụng về và thô thiển. Họ chưa đến đã nghĩ đến ăn mật. Hơn nữa, mùi khác lạ cũng làm ong sợ. Loài ong cũng biết đánh hơi. Có đàn ong rất sợ mùi mồ hôi dầu. Người có mùi này chỉ đứng cạnh, chưa kịp làm gì, đàn ong đã nhốn nháo như sôi lên, chỉ chực bay ra đốt kẻ địch.

Cô bé Nhụ ngây người, nghe ông kể về ong. Cô được phép núp sau lưng cụ Tiết đi vào khu nuôi ong. Năm thùng ong được đặt dưới những gốc nhãn, chung quanh một cái lều nhỏ. Những cây nhãn cổ thụ tỏa bóng che mát cả một vùng. Dần dà Nhụ đã dám từ sau lưng đi ra đứng cạnh ông già. Những con ong bay vù vù quanh người cô bé. Ông bảo:

- Đừng sợ, chàng đang tìm hiểu xem cháu là người thế nào. Cứ bình tĩnh, đừng hốt hoảng.

Mấy con ong sáp lại, đậu trên má Nhụ. Ông cụ lại nói:

- Mặc chúng? Đừng cử động mạnh. Ví dụ có con nào đốt cũng phải cắn răng mà chịu. Vả lại, loài ong ruồi không hung dữ. Chỉ khi nào thấy bị tấn công nó mới đốt lại để tự vệ...

Đi theo cụ Tiết vài hôm, Nhụ bắt đầu quen những đàn ong. Cô học dần dần để trở thành một thợ thủ đắc lực cho ông trong nghề nuôi ong.

Mới đầu, cụ Tiết nuôi ong để chữa bệnh. Ở tù ra, người cụ chỉ còn da bọc xương. Người ta bảo cụ mắc lao. Cụ đã uống mật ong liên tục ngày hai lần. Rồi còn dùng cả tắc kè sấy khô tán bột, lúc ăn trộn một thìa với mật ong. Ong thì nuôi. Tắc kè thì cụ Điều lặn mò bẫy trong rừng. Chẳng mất tiền thuốc mà sức khỏe của cụ Tiết cũng dần hồi phục.

Lúc này, khỏe rồi, cụ đồ vẫn say mê nuôi ong; bởi vì ở đây gần rừng nhiều hoa, hơn nữa ngoài chuyện bổ dưỡng, nó còn là một nghề, một mối lợi. Trong gian buồng đầu hồi, nơi cụ ở, lúc nào cũng thấy phảng phất hương mật ong.

Cuối xuân đầu hạ, hoa núi ê hề, trong rừng có hàng trăm thứ hoa đua nở. Những cây nhãn rừng, rồi dâu da rừng đơm hoa trắng xóa. Những cây mai vàng khắp tán lá trở hoa vàng ối làm sáng cả những góc rừng. Ở đây có cả khu rừng sấu, hoa ngà ti li nhưng rất quyến rũ ong vì hương của nó ngon ngọt; khi ngồi dưới khu rừng sấu mát rượi, ngửi mùi hương của nó, đến con người còn bị quyến rũ. Ngoài ra, ở những vạt đất thoáng ven suối, còn có bao nhiêu loài hoa dại: những bông hoa tím không tên, những bụi mẫu đơn đỏ rực, những bông hoa vông vang to như những cánh bướm vàng rung rinh, những bông hoa loa kèn trắng nõn nà... Bướm cũng nhiều vô kể. Chúng cũng cần mẫn chẳng kém gì ong. Hết vòn trên mặt đất, lại bay vút lên cao, nơi có những giò phong lan rực rỡ. Thiên đường hoa!

Vào mùa hoa như vậy, lũ ong thợ dậy rất sớm. Chúng rung cánh bay qua trắng cỏ trống đầy hoa dại để tới những khu rừng rậm rịt bên kia sông. Nhụ cũng dậy khi lũ gà trống gáy dồn. Cô ra chuồng gà nhặt trứng, sau đó đi một vòng quanh vườn xem có dấu vết gì của lũ cày cáo hay không. Tiếp đó, cô đến chỗ nuôi ong.

Mùa này mật mau đầy tổ. Lũ ong hầu như đã vào rừng hết cả, chưa kịp về. Tổ ong vắng vẻ. Chỉ thấy lừa thừa dăm chú ong thợ đậu ngoài cửa. Hai ông cháu bắt tay vào việc. Họ mở nắp thùng ong mà họ đã thăm dò từ mấy hôm trước. Các cầu ong đã đầy và bít nắp. Cụ Tiết dùng một lưỡi dao thật mỏng, sắc như dao cạo, khéo léo cắt những tầng ong nhiều mật, để lại những tầng còn đang xây dở dang, để lại cả những tầng có nhộng

con. Cọ lấy được bốn tảng đầy mật, cắt chúng thành những miếng nhỏ. Sau đó, lấy một chiếc chậu sạch và khô, đặt mấy chiếc đĩa dài lên miệng chậu, rồi đặt những miếng tổ ong lên đĩa ngáng. Nhụ bê chậu đặt ra giữa sân, chỗ dãi nắng. Cùng lúc ấy, mặt trời đã lên cao tới đầu ngọn tre. Mấy con gà trống trong chuồng trông thấy Nhụ cứ cục cục như van xin cô cho ra. Nhụ quay lại, cười:

- Hôm nay lấp mật. Bị nhốt hiểu không.

Đến trưa, lúc mặt trời đứng bóng, sáp bít miệng lỗ tổ ong chảy ra, mật theo lỗ tổ ong đã mở rơi xuống đáy chậu từng giọt. Mật trong chậu màu vàng nhạt, trong như hồ phách. Cọ Tiết bảo đó là mật thượng hạng dùng để chữa bệnh. Khi mật không chảy nữa, Nhụ mang những miếng tảng ong xếp vào nồi, đem lên bếp đun nhỏ lửa, sau đó mang ra lấy tay bóp nhẹ. Nước mật thứ hai theo kẽ ngón tay của Nhụ chảy vào liễn. Nước mật này màu nâu trông như mật mía thơm phức. Cọ Tiết bảo Nhụ đi chợ mua bánh đa quét mật nước hai này vào rồi cả nhà đến ngồi ở hiên vừa ăn bánh đa, vừa uống nước chè tươi, vừa ngắm trăng non. Ôi chao? Những quãng ngày này với Nhụ, với Điều, với Cọ Tiết, cả với bố Huyền nữa, sao mà đẹp thế.

Phần 2 - Chương 2

Nhụ thường xuyên bên Cọ Tiết, còn Điều lại luôn bám dính theo chú Trịnh Huyền. Có ông chú, cậu cháu khoái vô cùng. Khoái vì từ nay không phải làm việc một mình. Khoái vì ông chú là người từng trải, biết nhiều chuyện, biết làm nhiều việc. Làm nghề nông cũng giỏi mà đánh đàn cũng hay. Nghe lời Cọ đồ, ông Huyền đã sắm một cây đàn nguyệt, tối về ngồi ở thềm nhà nhẩn nhá. Tiếng đàn mềm mại uốn lượn thật tài tình. Điều ngồi sau lưng chú nghe tiếng đàn cứ ngẫm nghĩ: "Quái lạ? Bàn tay ấy gặt lúa cứ rào rào, toáng một cái đã xong sào lúa. Tưởng rằng những ngón tay của ông phải to bè, cứng quèo, ấy thế mà lúc này mình cứ tưởng như những ngón tay ông thật là thon thả mềm mại". Điều bảo ông:

- Chú Huyền dạy cháu đánh đàn với nhé.

- Cháu nghe có thấy thích không đã?

- Rất thích.

- Rất cơ à? Thế thì được, nhưng phải dần dần.

- Dần dần là thế nào?

- Đầu tiên phải học hát cho thật đúng. Sau rồi nghe. Nghe và hát cho thật nhuyễn. Điều hát thấm vào người lúc nào không hay. Lúc ấy mới học đàn thì mau lắm.

- Vậy chú dạy cháu hát đi.

- Không.

- Sao lại thế

- Cháu lạ cái Nhụ làm thầy. Nó sẽ dạy cho. Nhụ hát rất hay đấy.

- Không! Cháu không lạ cái Nhụ làm thầy đâu.

Ông Huyền cười to:

- Thế thì chịu. Giọng chú là giọng thuốc Lào. Làm sao dạy cháu được.

Nhà Cọ đồ chỉ có chừng mẫu ruộng. Trước kia, chỉ có mình Cọ Điều, sức vóc mới choai choai, lại chưa có kinh nghiệm đồng áng, nên làm không hết việc. Bây giờ có ông Huyền

giỏi giang, nhà lại có bò nên công việc nhanh lắm. Cày bừa, đập đất, trồng ngô xong, còn khối ngày nông nhàn.

Bữa ấy rồi rồi, chú Huyền và cháu Điều sang bên kia sông đi cắt tranh về lợp lại chuồng bò. Bề ngoài, tiếng là cháu Điều hướng dẫn chú Huyền, nhưng thực ra thì ngược lại. Chú bảo:

- Chú cháu mình chịu khó đi xa một chút. Vùng núi Đùng cỏ tranh tốt hơn. Cỏ tranh ở đó dài hơn.

- Hóa ra chú vẫn còn nhớ nhiều thứ nhỉ.

- Nhớ chứ. Ngày xưa chú vẫn vào cắt ở đấy...

Điều ra chuồng bò dắt con bò loang và con sừng hươu ra khỏi chuồng. Cậu nói:

- Có chuyện qua sông là khác ngày xưa.

- Khác thế nào? Mà sao lấy tranh lại dắt bò đi?

Thằng bé không trả lời. Chỉ khi ra đến bờ sông thằng bé mới nói:

- Ngày xưa, hồi của chú, đồn điền "Mắt Mèo" mới lập, chưa có lệ nộp tiền qua sông. Từ khi lão Julien làm chủ đồn điền, ông ta đặt ra lệ ai bơi đò qua sông phải nộp tiền. Ở đây có hai bến đò. Lão Julien cho cai thầu đò. Chủ đò bắt chẹt 2 xu một chuyến. Dân làm đò tự chở, lão Julien vẫn bắt nộp 1 xu một ngày. Ai không nộp, không cho sang sông. Dân kêu quan, quan bảo đất hai bên bờ sông nhà nước đã cấp cho Tây, thuộc quyền của đồn điền. Vì vậy nhà nào có bò, qua sông bằng bò để trốn tiền đò.

- Hóa ra là vậy!

Hai chú cháu cởi quần áo. Chú mặc chiếc quần đùi, còn cháu cởi truồng. Một tay giơ cái nón dựng quần áo lên trời, một tay nắm đuôi bò, họ bơi theo con vật qua sông. Hai con vật hiền từ ngheh cổ lên khỏi mặt nước, bơi xuôi dòng, chèo qua sông. Nước sông chảy xiết, lại thuận theo dòng nước nên họ qua sông rất dễ dàng. Được tắm nước mát, lại không mất sức, hai con bò lên đến bờ lắc đầu rũ lông rồi nhắm hờn núi Đùng tiến bước.

Nhìn ngọn núi cao, Điều hỏi chú:

- Sao lại núi Đùng chú nhỉ?

- Đó là câu chuyện ông Đùng bà Đà, dân ở đây ai chả biết. Mà cháu chưa biết sao?

- Cháu biết chứ. Nhưng bọn trẻ vẫn hay thích nhắc lại câu chuyện. - Cậu bé choai choai vừa nói vừa cười, rồi cậu thêm. - Cháu nghe nói hội Đùng vui lắm phải không? Chú đã được dự lần nào chưa?

- Chỉ mới một lần lúc chú mới lớn. Các cụ bảo hội làng mình tốn kém lắm, nên mười năm mới có một lần. Mấy chục năm nay làng mình mất mùa luôn nên đã lâu lắm không mở hội.

- Tốn kém đến thế nào mà lại không mở nhỉ?

- Tiếng là một hội nhưng thành ba hội. Bên kia sông mở hội ở đình làng. Bên này sông, ở đầu dòng mở hội trên núi Mẫu; ở cuối dòng nước mở hội ở núi Đùng...

Điều vẫn háo hức muốn biết thêm nhiều điều về ngày hội, những điều mà cậu không thể mở miệng hỏi ông nội, vì hỏi có thể bị mắng. Còn ông Huyền, ông lại tranh thủ nắm tình hình xóm làng, tình hình về những người ngày xưa.

- Ông Cửu Nhậm lên chức tiên chỉ từ bao lâu rồi?

- Mới được năm năm.
- Ông quản Boong là người thế nào?
- Ông này hay đến đánh cờ với ông. Ông chẳng tiếp, ông ta cũng cứ đến.
- Cháu có biết bà Váy bây giờ ra sao?
- Bà Váy nào nhỉ? Cháu chẳng thấy bà nào tên là Váy.
- À, các cụ ngày xưa hay đặt tên xấu xí cho dễ nuôi. Còn sau này, lên ông nọ bà kia, người ta đổi tên cho đẹp cho sang cả rồi.
- Chú có biết ông Cồn xóm Cửa Đình không?
- À lý Cồn phải không?
- Vâng, ông ấy có những ba vợ, bây giờ giàu lắm.
- Thế hử?

Câu chuyện bỗng làm cho ông Huyền như lạc vào quá khứ. Nhưng chẳng biết ông đang nghĩ gì. Vui hay buồn. Chỉ thấy mặt ông kín như bưng. Có con chiến chiến ở đôi sim chột bay bổng lên trời cao. Nó bay cao tít trời xanh, tới mức chẳng nhìn thấy bóng nó nữa. Chỉ còn nghe thấy tiếng hót ríu ran của nó ở trên đầu. Ông Huyền che mắt nhìn lên trời và cười với tiếng chim. Thấy ông chú lại vui vẻ dễ tính, Điều lại tiếp tục những câu hỏi về hội hè ngày xưa, những câu hỏi mà nó không thể đặt ra với ông nó được.

- Chú ơi! Thế "trái ỏ" là gì trong hội?
- À cháu chú muốn biết "trái ỏ" là cháu đã lớn rồi đấy.

Điều đỏ mặt. Nhưng chú Huyền không trêu lâu. Chú chỉ hiền hòa nói rằng:

- Đó là cái lệ làng rất đặc biệt ở Kê Đình. Ai ai cũng tò mò muốn biết cái lệ đó. Nhưng chẳng có ai cần giải thích bao giờ. Khi ngày hội đến, tự dưng từng người đều biết - nhất là đám trai trẻ.

Điều vẫn hiếu kỳ:

- Cháu muốn biết ngay từ bây giờ.
- Nôn nóng làm gì hử cháu. Có cái lệ làng đặc biệt như vậy thì hội làng càng thêm hấp dẫn, thú vị chứ sao.

Hai chú cháu nói chuyện suốt dọc đường thành thử đã đến núi Đùng tự lúc nào mà họ chẳng hay. Họ leo lên đến gần đỉnh mới gặp một vạt cỏ tranh rất tốt. Điều quần thừng quanh sừng bò, rồi thả cho hai con vật tự do gặm cỏ. Cỏ tranh cao lút đầu người. Hai chú cháu không nói chuyện nữa. Họ chuyên chú cắt nên chỉ một lát đã được hai gánh cỏ tranh dài sùnn sướt.

Hai chú cháu mồ hôi đầm đìa rủ nhau lên đỉnh núi Đùng nghỉ chân. Mặt trời đã lên cao, nhưng đỉnh núi mát rượi. Ở đó gió rất rộng và đặc biệt có năm cây thị như năm cái lọng che, quanh năm tỏa bóng, làm chỗ nghỉ chân cho những người đi rừng. Họ lên tới nơi đã thấy hai người đàn bà đi lấy củi về ngồi nghỉ ở đó.

Hai người đàn bà thấy bộ mặt quái gở nửa người nửa ma quỷ của Huyền, chặc lấy làm lạ, nên thỉnh thoảng cứ lăm lét nhìn. Thằng Điều thấy người đàn bà có chiếc ống bương đựng nước dựng ở gốc cây thị thì sáng mắt lên, nói liến thoắng:

- Cháu chào bà Ba? Ôi may quá! Cháu quên mang nước uống. Cho cháu xin một ngụm nhé.

Người được gọi là bà Ba là một người đàn bà có sắc đẹp lồ lộ ai trông cũng thấy ngay. Một cái đẹp của sức sống. Một cái đẹp của da thịt mỡ màng. Người đàn bà ấy trắng lấm. Có vẻ làm việc đồng áng giỏi mà da mặt vẫn trắng bóc. Con mắt đen lóng lánh. Đôi lông mày nằm ngang như hai nét mực tàu vẽ trên khuôn mặt tròn vành vạnh. Mớ tóc vấn khăn trên đầu cũng đen mượt. Ở bà ta, những chỗ nào da thịt hở ra cũng thấy ngồn ngộn ngọt ngào. Bà ta ăn vận xuềnh xoàng. Cái váy đen, cái áo nâu đã bạc lưng, cái yếm nhuộm vỏ đa màu hồng nhạt. Thấy Trịnh Huyền từ lúc mới gặp cứ nhìn chăm chăm, bà Ba ngượng ngùng cúi đầu xuống. Người đàn bà đi cùng, lại cho ta một hình ảnh trái ngược hẳn. Chị ta gầy guộc, da thịt sắt lại, quần áo ra chừng lam lũ? Chị ta bảo:

- Chị Ba này, ăn một miếng trầu, rồi chị em ta về kèo nằng.

Thằng Điều uống nước ừng ực. Nước từ cái ống bương chảy ra đổ cả xuống cằm, xuống cổ áo. Thỏa mãn cơn khát xong, nó càng nói liến thoắng như khướu:

- Bà Ba lòng dạ như tiên như Phật - Biết được con khát sắp chết nên dành cho con nước uống. Nước mưa ở bể nhà bà ngon ngọt thật. Như nước cam lồ của Phật.

Bà Ba vừa nhai trầu vừa mắng nó:

- Mày lém vừa vừa chứ. Đưa ống nước cho ông ấy uống.

Trịnh Huyền chỉ từ tốn uống một ngụm nước rồi trả lại cái ống bương và nhân tiện bắt chuyện với người đàn bà:

- Thằng cháu tôi nó lém thế, nhưng nó tinh đấy, đúng là nước mưa hứng ở cây cau cho chảy vào chum nên mới ngọt và thơm.

Người đàn bà chột sưng lại, nhìn vào mặt Trịnh Huyền. Nhưng cũng lúc ấy, Huyền nghiêng mặt đi chỉ để cho bà ta nhìn thấy nửa khuôn mặt sứt sẹo của mình. Bà ta ngập ngừng hỏi:

- Thế ông phân biệt được nước mưa hứng ở mái và nước mưa hứng ở cây cau sao?

- Biết chứ. Mái ngói cũ có nhiều rêu mốc, nước mưa sẽ ngai ngái. Phải để lâu ngày mới hết mùi. Còn nước mưa cây cau lại khác. Nó là mùi lá, mùi hoa. Thật đấy! Có lúc nó thơm mùi hoa cau...

Người đàn bà nhìn kỹ vào vết sẹo hồng hồng trên má Trịnh Huyền, rồi lại nhìn thấy con mắt phía má ấy cứ mở trừng trừng không biết khép lại, bà nhắm mắt, hình như hơi rùng mình nói buồn buồn:

- Ngày xưa, cũng có người tinh mồm biết phân biệt nước mưa như ông... Còn tôi, uống nước nào cũng thế. Chịu không phân biệt nổi... Mà này... hình như... Nhìn ông tôi cứ thấy ngọt ngọt.

- Sao... hả bà...

Thằng Điều rất tinh ranh, xen vào:

- Quên! Cháu chưa trình với bà Ba. Đây là chú Huyền cháu. Họ đằng bà cụ tổ ngoại, Ở Nam lên. Dưới ấy lụt lội, mất mùa liên miên. Nhà cháu neo người nên ông cháu cho gọi chú ấy lên, vừa để giúp đỡ ông cháu, vừa để bảo ban cháu làm ăn.

- À ra thế...

- Còn bà Ba là bà ba của ông lý Cồn, hôm nọ ông Lý có đến nhà mình đấy.

Khi hai chị em bà Ba đứng dậy đi về, Trịnh Huyền không kịp xoay người, nên bà Ba đã thoáng trông thấy cái nửa mặt còn lành lặn của ông. Chỉ thoáng thôi nhưng cũng đủ cho

người đàn bà nhú mày lại. Và khi đã bước chân đi rồi, bà ta còn ngoái nhìn lại lần nữa, nhưng Trịnh Huyền đã kịp giấu khéo cái nửa mặt lạnh lặn ấy đi. Hai người đàn bà đã khuất sau những lùm cây ở chân núi mà ông Trịnh Huyền vẫn cứ nhìn theo con đường mòn. Cháu Điều gọi: "Chú ơi! Chú ơi!". Ông Huyền giật mình, chợt tỉnh khỏi những dòng suy nghĩ. Cậu cháu tinh quái hỏi:

- Chú ạ, có phải bà Ba là cô Váy ngày xưa không?

Người chú cười:

- Cháu bảo làng Đình không có ai tên là Váy cơ mà.

Khoảng mười lăm, mười sáu năm về trước, cô Váy là bạn thời chăn trâu cắt cỏ của Huyền, tuy anh nhiều tuổi hơn. Cô Váy mặt tròn như cái đĩa. Nhà nghèo mà da lúc nào cũng trắng muốt. Cô mũm mĩm. Tính tình hồn nhiên như trẻ thơ. Vì nhà nghèo, lại là con gái, lại bé, nên cô luôn bị đám mục đồng bắt nạt. Anh Phác (tức là Huyền sau này) lớn nhất hội đã che chở cho cô. Do vậy, lúc nào Váy cũng bám lấy anh Phác như cái đuôi, đuôi cũng vẫn theo. Mãi rồi cũng thành quen, hai người cứ bám dính lấy nhau như đôi chim cu. Mới đầu Phác ngượng, nhưng khi Váy 13 tuổi, đôi vú đã thâm lầy, thì vắng Váy Phác lại thấy nhớ. Dân làng bảo: "Cái Váy phải lòng thằng Phác từ lúc lên mười".

Vậy nên khi lớn lên, cái đôi ấy "trái ỏ" cho nhau, dân làng chẳng lấy làm lạ. Thằng Điều hỏi ông Huyền "trái ỏ" là gì, ông Huyền không giảng. Bởi vì lớn lên khắc biết. Ngày hội sẽ giải nghĩa cho. Đám rước làng Đình cũng giải nghĩa cho. Rồi trăng sáng vàng vạc cũng là sự cắt nghĩa không lời.

Mùa trăng, mùa "trái ỏ" năm ấy, trong cái ỏ rơm thơm phức, Phác lần đầu tiên trông thấy đôi mắt đằm trắng vừa long lanh vừa háo hức của Váy. Cô gái mũm mĩm ấy có được ai dạy bảo gì đâu. Sao mà cô đằm thắm đến thế, sao mà cô đàn bà đến thế, sao mà cô ngọt ngào đến thế. Trăng khuya, sương khuya xóa nhoà mọi ranh giới. Trăng mùa "trái ỏ" trùm tấm áo khoác hoan lạc lên trên người họ, dạy cho họ vũ điệu tình yêu. Rồ dại và cuồng điên, họ tan biến trong nhau, để đến lúc khi an bình trở lại, Huyền mới biết tai mình đã chảy máu. Thần hoan lạc hay chính cô Váy, đã cắn rách tai Huyền mà đến lúc này họ mới biết. Váy rúc rích cười, lấy thuốc Lào rịt vào vành tai người yêu. Và một câu chuyện nói dối hoang đường đã xảy ra. Anh chàng Phác đã bảo bố là mình bị ngã từ trên cây táo xuống, cái gai táo rất to đã móc vào tai, làm rách vành tai. Câu chuyện hoang đường ấy vẫn được ông cụ Tiết tin cho đến tận bây giờ.

Hồi tưởng, rồi lại tự trách mình: "Tại sao ta lại nói tới chuyện nước mưa cây cau với Váy nhỉ. Khi còn trẻ, ta đã nói chuyện ấy với cô ta rồi thì phải. Có thể câu chuyện đó làm Váy nghi ngờ. Và nếu mọi người biết thì sao? Chồng cô ta biết thì sao? Nghe nói, lý Cồn, chồng của Váy hay ghen lại có quyền: Và theo như cha ta nói, việc giấu biệt tung tích của ta là cần thiết...".

Cháu Điều rất tinh. Hình như nó đoán ngay được ý nghĩ của Trịnh Huyền trên gương mặt ưu tư của ông:

- Chú đừng lo. Bà Váy không thể nhận được ra chú đâu Cháu tin là thế.

- Bà ta, khi đi rồi, vẫn còn ngoái lại.

- Ngoái lại không phải vì nhận ra chú, mà vì... vì khuôn mặt đáng sợ.

- Đáng sợ ư?

- Chú thử nghĩ xem, có khuôn mặt nào lại nửa là người, nửa là...

- Là quỷ chứ gì.

- Cháu nói thật, chú chớ có giận. Ai đòi vết sẹo thì căng bóng, dúm dó, đo đo. Con mắt thì, đêm cũng như ngày, luôn mở to thao láo. Ngay cả khi con mắt kia đã nhắm lại rồi, nó vẫn cứ mở. Ai biết rằng nó đã ngủ hay đang thức. Và cái khóe miệng nữa chứ, lúc nào cũng xéch lên như cười như chế giễu. Cháu nói thật, ai trông thấy mặt của chú cũng bị khiếp đảm ngay, cũng không dám nhìn thẳng vào. Vì vậy còn tâm trí nào mà nhớ lại. Bà Ba Váy cũng vậy. Bà ấy không nhận ra đâu. Cháu cam đoan. Bà ấy sợ thì đúng hơn.

- Bà ấy sợ ư? - Trịnh Huyền nhắc lại câu nói của cháu, và ông đứng dậy, bên phía mặt hiền hòa của ông, ta thấy một thoáng buồn.

Phần 2 - Chương 3

Trước kia, một mình Điều phải chăn năm con bò, hai con bò vàng, một con bò loang, một con bò đen và một chú bê con. Hai con vàng và con loang là ba con cái. Con đen là con đực. Lũ bò rất hiền, chăn chúng thật nhàn. Chỉ riêng con đực, chăn nó quá mệt. Chú bò đen này hăng lắm. Hai chiếc sừng của nó nhọn hoắt, đâm thẳng ra phía trước như hai con dao găm. Nó vạm vỡ, cao lớn, to gấp rưỡi những con bò thường. Khi đuổi theo những con khác, Bò Đen hùng dũng phi nước đại, đầu lao ra phía trước. Ba con bò cái, một con tên là Sừng Hươu, con thứ hai có tên Bò Loang, con thứ ba Điều gọi nó là Sừng Khoằm. Con bê là con của Sừng Hươu và Bò Đen, nhưng nó giống mẹ, lông toàn màu vàng. Bò Đen tuy đã có ba vợ, song vẫn chưa thỏa mãn. Nó vẫn còn dư sức để đi trắng hoa ngoài đàn. Hình như các cô bò cái trong làng đều thích nó. Cứ thoáng thấy cái bóng cao lớn của nó từ xa, các cô đã cất cao giọng chào mời. Thế là Bò Đen bỗng lòng lên, phi theo tiếng gọi. Giữ nó một như thế đấy, vì vậy lúc nào cu Điều cũng phải để mắt tới nó.

Còn bây giờ, đi chăn bò đã có thêm cái Nhụ, đi chăn đã có đôi, Điều chợt thấy như người cất được gánh nặng, chợt thấy nhẹ bỗng hẳn. Cái Nhụ thật chu đáo. Gặp hôm trời nóng nực, trước khi đi, bao giờ, Nhụ cũng ra bể, múc gần đầy chiếc ấm da lươn nước mưa.

Cái bể nước mưa của cụ Tiết cũng khá đặc biệt. Trịnh Huyền giỏi phân biệt được nước mưa cây cau với nước mưa mái ngói, điều ấy nhờ cụ đồ Tiết truyền dạy. Cụ Tiết nghiện trà và pha trà bao giờ cũng bằng thứ nước mưa ở bể nhà cụ. Cái bể nước mưa không to. Nước ở đó chỉ dùng để pha trà. Chung quanh bốn góc bể, trồng bốn cây cau mập mạp, thứ cau liên phòng ra hoa tứ thời. Bốn cây cau, tàu loe giữa trời, như bốn cái phễu ngửa lên hứng nước trời; thứ nước tinh khiết từ rừng, từ suối bốc lên, rồi rơi xuống bốn cái tán lá xanh tươi đó, rồi theo cuống phễu tức là bốn thân cây chảy xuống đến ngang tầm miệng bể, thì gặp bốn tàu cau buộc ngang thân cây ngăn lại, rót nước vào bể. Bốn cây cau đó luôn được cụ Tiết kiểm soát. Hễ động có con chim sẻ nào tha rác định làm tổ ở những bẹ cau, lập tức cu Điều phải như con mèo trèo lên ngay, để phá tổ, không cho phép chim đẻ con tại đó. Bởi vì, nước từ tổ chim sẻ chảy xuống bể, thì nước bể coi như tạp, ô ứ, không thể pha trà được nữa.

Cu Điều thấy ông bảo nước mưa ở cái bể rất ngon, rất quý. Nó chỉ nghe thế thôi chứ không biết ngon là thế nào. Tuy nhiên, hễ ông sai lên phá tổ chim sẻ, cu Điều thi hành ngay tấp lự, rất tích cực để bảo vệ sự tinh khiết của nước. Chỉ đến khi hàng ngày Nhụ lấy cái ấm da lươn múc nước ở bể, rồi hái dăm bông hoa nhài vứt vào, Điều mới hiểu cái quý báu của nước mưa ấy là thế nào. Cái ấm luôn được buộc vào cổ con bò loang. Con bò này rất khéo, nó bước đi khoan thai, nhịp nhàng. Cái ấm đựng đưa, lắc lư, nhưng nước chẳng sánh ra bao giờ. Có lần, Điều treo cái ấm vào cổ con Sừng Hươu

hay con Sừng Khoằm song Nhự không nghe. Nhự bảo hai con bò ấy cũng rất khéo léo chẳng kém gì Bò Loang, tuy nhiên Sừng Hươu còn đang trong thời kỳ cho con bú, còn Sừng Khoằm lại đang có mang; vì vậy không nên làm chúng mệt. Từ nhỏ, Điều chỉ được sống với ông nội, chưa hề được bàn tay phụ nữ chăm sóc bao giờ, cho nên nó lớn lên như cỏ hoang, rất vô tâm. Lần đầu tiên nó được biết thế nào là sự tỉ mỉ, chu đáo, ân cần của một người đàn bà. Đến trưa, khi mặt trời lên tới đỉnh đầu, Điều chợt thấy khát quá, quen như mọi khi, nó phăm phăm chạy ra chỗ ruộng sâu, định vốc nước ruộng lên uống. Nhự liền ngăn nó lại, đem ấm nước mưa ra cho uống. Cũng là lần đầu tiên, Điều được uống thứ nước mưa ướp hoa nhài. Nó tu ừng ực làn nước mát, ngọt lịm, thơm tho. Uống xong một lúc lâu còn cảm thấy mùi hoa thơm vẫn đọng lại trong cổ họng và phảng phất nơi ngực, trên tấm áo nâu cứng quèo mà khi uống nó làm vương ra.

Đàn bò lúc này đã nằm im dưới gốc cây chổi lói đang đâm hoa đỏ rực. Điều nằm thẳng cẳng trên đám cỏ, úp chiếc nón mê lên mặt. Nó nằm dưới bóng một cây sim già lá rậm rịt. Nhự vừa đi tát vũng về, bắt được một xâu cá rô. Nó nhóm lửa nướng cá. Mới đầu lá rừng, củi sim bén lửa, tạo thành một mùi thơm đặc biệt lan tỏa trong gió, vừa ngai ngái vừa thơm thoảng. Tiếp theo là mùi cá nướng, thơm sực nức ngào ngạt. Nhự vừa làm vừa hát. Lại là khúc hát đầu tiên Điều được nghe. Nó khác hẳn những khúc hát ở vùng này mà chú bé đã được nghe. Khúc hát tươi tắn, réo rắt, vừa nhún nhảy vừa lượn lờ.

A.....

Cô Chín ngự đồng dẹt gắm thêu hoa

Long ly quy phượng cô thêu ra đôi rồng châu.

A.....

Cô thêu đồ lặn ác tà

Thêu non, thêu nước, cô thêu hoa, thêu người.

Giọng hát của Nhự lạnh lót, ríu rít như tiếng con họa mi của ông nội mỗi khi ông mở tấm vải che lồng rồi vẫy tay ra hiệu cho nó cất tiếng. Điều hát cái nón che mặt, nhòm dậu bên gốc sim già. Nó nhớ lại cái chiều hôm chú Huyền và Nhự trở về nhà. Lúc ấy, ông nói chuyện riêng với chú. Điều đi rút rơm đun ở đồng rơm chắt sau lưng nhà nên đã bắt chợt nghe hết chuyện của hai người. Nó biết Nhự không phải con ruột của chú. Và cũng không hiểu tại sao nó lại thấy vui vui trong dạ. Khi trở lại bếp, dưới ánh lửa rơm lúc bùng mạnh lúc yếu, nó nhìn trộm đôi má ửng lên vì ánh lửa của cô em gái hờ mà lúc này nó chưa kịp nhận rõ mặt. Cũng là lần đầu tiên nó chú ý quan sát một cô con gái, tự dưng nó bỗng cảm thấy đôi tai mình cũng nóng ran.

Nhự còn đương ngân nga chưa hát xong câu hát, chợt thấy gáy mình nóng ran. Nó quay đầu lại, thấy Điều đã đứng ở phía sau.

- Em hát bài gì mà hay thế? Anh chưa nghe thấy bao giờ.

- À bài "Dẹt gắm thêu hoa", văn cô Chín.

- Cô Chín nào?

- Cô Chín Đền Sòng mà anh không biết ư?

- Anh không biết.

- Anh có thích không?

- Thích.

- Em dạy cho mà hát.

Điều lúng túng, rồi lắc đầu:

- Không, anh chẳng... học đâu.

Nhụ mở to đôi mắt:

- Sao lại không? Anh thích học đàn cơ mà. Phải học hát trước, rồi học đàn sau...

- Thôi. Anh chẳng học nữa.

- Vì sao?

- Vì... vì... học hát thì phải lạy em làm thầy.

Nhụ cười rũ rượi:

- Ai bảo anh thế?

- Chú bảo.

Nhụ vẫn cười rồi nói:

- Thế em không bắt anh lạy làm thầy, anh có chịu học không?

- Thế thì chịu.

- Anh có biết không? Ngày xưa, mẹ em cũng phải dạy bố em học hát trước đấy.

- Mẹ em có dạy em không?

- Không. Mẹ chẳng dạy. Mẹ bảo: Con đừng học hát. Đừng bao giờ học hát như mẹ. Em hỏi sao lại thế. Mẹ chẳng nói và mẹ cũng chẳng bao giờ nhắc lại chuyện ấy. Và em cũng chẳng học, nhưng không hiểu sao em vẫn cứ biết hát. Có lần em hát ngẫu nhiên ngoài vườn, ông ngoại và mẹ ngồi ở đầu hè nghe em hát cứ thờ người ra. Ông ngoại bảo: Con bé có cái giọng lạ quá. Còn mẹ thì thờ dài.

- Sao em hát hay mà mẹ em lại thờ dài nhỉ. Em kể nữa đi.

- Kể gì?

- Thì những chuyện như vừa rồi. Anh thích nghe lắm.

Nhụ cười... Kể gì nhỉ? Thực ra, những chuyện ngày xưa, người kể cũng thấy thú vị, người nghe, dù là những chuyện chẳng đâu vào đâu, cũng thấy lạ lùng, hay hay. Đôi mắt to và dài của Nhụ trở nên long lanh. Hàng mi chớp chớp như để gọi những hồi ức trở về. Những ký ức, tuy chưa lâu, mà đã trở nên xa lắc xa lơ trong tâm tưởng cô gái. Mẹ ơi... Cái người đàn bà đáng vóc gầy guộc mà sao giọng lại âm vang và long lanh đến như vậy. Chưa bao giờ Nhụ thấy người đàn bà nào hát hay như mẹ. Cái con người yếu điệu có sao gương mặt tại buồn buồn và triu mến đến lạ lùng như vậy. Gương mặt ấy sao giống như quê em, một biển nước mênh mông trắng xóa, thỉnh thoảng lại trôi lên một làng nổi xanh rì. Quê em, nó bơ vơ như những cánh chim bay vật vờ vào chiều mây xám, nó hết như con cò trắng so vai, lủi thủi lò dò... Điều bảo:

- Hình như quê em cũng giống như ở đây, tuy rằng nó có khác. Để bao giờ mùa đông, anh dẫn em vào rừng cỏ lam. Nó cũng mênh mông và trắng xóa. Nó cũng rập rờn như biển nước.

Nói chuyện phiếm mãi để cho đám củi sim tắt lúc nào chẳng hay. Nhụ lấy cành cây kéo đám sim khô vào giữa đống tro. Gió nhẹ thổi bùng lên vài ngọn lửa nhỏ, nó cháy lem

lém, sau đó lửa lại tắt lịm, chỉ còn để lại những làn khói trắng đặc quánh lúc thơm thơm, lúc hăng hăng. Khói cay xè làm Nhụ chảy nước mắt, nhưng cô bé lại cười:

- Mẹ em hát bài Văn cô Chín hay hơn em nhiều lắm. Nhất là khi mẹ hát, còn thầy đánh đàn. Mẹ bảo thầy em đánh đàn gần bằng được như ông. Còn ông thì bảo thầy đánh đàn chưa lâu nhưng tài hoa hơn. Em hỏi tài hoa là gì? Ông bảo tài hoa là thế nào thì chịu không giảng được. Mẹ bảo tài hoa giống như người lên đồng. Khi thầy đánh đàn bài Văn cô Chín, cô hiện hồn về nhập vào tay thầy, thầy đánh đàn hay cô Chín đánh đàn ai mà biết được, nhưng chắc chắn tiếng đàn sẽ rất tài hoa.

Điều lại hỏi:

- Cô Chín là ai?

- Mẹ em bảo cô Chín là người hầu của Mẫu.

- Mẫu ư? - Điều thì thăm hỏi.

Nhụ kính cẩn:

- Thầy em nói: Ở nước mình, chỗ nào cũng có Mẫu. Thế núi Mẫu làng mình ở chỗ nào hở anh?

Chú bé giơ tay, chỉ ra xa xa:

- Kia kia? Hòn núi cao cao, phía tay phải bên kia sông. Muốn đến núi Mẫu phải ra hồ Huyền, rồi từ hồ Huyền bơi ra sông Son, ngược dòng sông Son chừng nửa cây số là đến bến Mẫu. Đền Mẫu ở trên đỉnh núi.

- Mẹ em bảo đền Sòng cũng ở trên núi. Trên là núi, dưới là suối, chung quanh là rừng.

- Em đã bao giờ đến đấy chưa?

- Xa lắm! Ở mãi tỉnh Thanh. Trẩy hội, phải đi mấy ngày ròng rã. Em đi sao được.

- Vậy thì, hôm nào anh sẽ chèo đò đưa em lên đền Mẫu quê anh.

Mùi cá nướng bốc lên thơm lừng. Mãi chuyện, nên cá đã cháy. Chẳng sao, cá cháy càng thêm chín, thêm ngọt, thêm thơm. Hai cô cậu rút xương cá rô từ trong đồng lửa ra. Chúng cạo vẩy, rồi thổi phồng phồng, đưa lên miệng. Than đen dính đầy môi, đầy mép. Có cả những vết nhò trên má trên cằm. Trông hai đứa như hai con quỷ nhai than. Chao ôi? Sao mà thơm mà ngọt. Rồi chúng nhìn nhau cười khúc khích. Ăn xong, Điều đưa hai tay lên đầu, sau gáy làm gối; nó vừa nhìn những đám mây trời vừa nghe Nhụ kể những câu chuyện hoang đường song thú vị:

- Cô Chín là người hầu thân cận của Mẫu. Ở đền Sòng có một cây sung cổ thụ; gốc nó to người ôm không xuể. Bóng mát của nó tỏa rộng. Trên các cành, trên thân cây, quanh năm lúc lỉu những quả sung to bằng nắm tay; quả xanh mướt, quả đỏ chót, cả những quả chín đen màu mận chín. Sung chín, tỏa mùi thơm lừng gọi từng đàn chim bay về. Lúc nào, trên cây cũng nghe thấy tiếng chim rúc rích, líu lo. Lũ chào mào đỏ đít, lũ sáo đen mỏ ngà, lũ sáo đá loang lổ, lũ vành khuyên vàng ươm. Cạnh cây sung là cây doi, lá to như lá đa, quanh năm xanh um rậm rịt, đó là nơi lý tưởng cho lũ chim làm tổ.

Đức Mẫu Thượng Ngàn ngự chín tầng mây.

Cô Chín mắc võng ngự rày cây sung.

- Vậy là cô Chín cũng làm tổ trên cây sung.

- Làm nhà chứ ai gọi làm tổ. Cô Chín là thánh là tiên, chứ đâu phải là chim. Nhưng cũng có lúc cô hóa thành con vàng anh, con bách thanh chúa của loài chim. Cô chẳng mọc cánh mà vẫn biết bay:

Khi vui, cô Chín ngự chiếc xe rồng.

Khi buồn, phách trúc, đàn thông, cung tì bà.

Dập dìu yên ngựa, oanh ca

Thoắt thôi cô lại ngự về tòa sơn lâm.

Cô rong chơi mười tám cửa ngàn

Ba mươi sáu động sơn trang các tòa.

Cô Chín hát hay, đàn ngọt. Cô lại biết cả thù thù. Kể đến đây, Nhự cất lên tiếng hát, hát cái bài lúc nãy đã làm mê mẩn tâm hồn chú bé:

A... ới a

Dệt gấm thêu hoa...

Tiếng hát như ru người ta vào giấc ngủ. Điều lim dim đôi mắt, mừng tượng ra cảnh một cô tiên áo đỏ, đang ngồi vắt vẻo trên chiếc võng xanh; hai đầu võng mắc vào cành sung. Cô đánh võng bồng lên cao tít trời xanh. Vừa đưa võng cô vừa cất tiếng hát. Trên đầu cô, lũ chim lượn thành vòng tròn. Dưới khe suối sâu thẳm, bầy cá chép vàng cũng chụm đầu, nghe cổ, hướng về tiếng hát rồi lại tỏa ra để múa để bơi...

Điều còn đang mơ màng, đột nhiên tiếng hát của Nhự bỗng tắt lặng. Rất đột ngột như có chuyện gì lạ sắp xảy đến. Điều vội vàng nhồm dậy.

Từ xa, có hai con ngựa đang phi tới. Đi trước là một người Tây, đội mũ trắng, mặc quần áo trắng. Theo sau là một người Việt, mặc quần áo vàng. Hai đứa trẻ đứng dậy. Nhự nép sau lưng Điều. Đến gần hai đứa mặc đồng, hai con ngựa dừng lại. Điều lễ phép nói:

- Chào quan lớn.

Người Tây không xuống ngựa, giơ chiếc roi da hỏi:

- Hai em chặn bò cho đồn điền hả?

- Thưa vâng.

- Sao lại buộc bò ở gốc cây?

- Dạ, trưa nắng, phải cho bò nghỉ..

Người kia là anh lính khố xanh. Hấn xuống ngựa, đến gốc cây chới lói ngấm lũ bò. Người Tây hỏi anh lính:

- Thế nào? Láu?

- Dạ, lũ bò đều béo, lông mượt.

- Quan lớn khen hai đứa chặn bò tốt... Người Tây cất tiếng ồ ồ bằng cái giọng lơ lớ khó nghe và nhát gừng.

Từ nãy Nhự vẫn sợ hãi nép sau lưng Điều. Đây là lần đầu tiên cô đứng gần, hầu như đối mặt với một ông Tây. Cũng là lần đầu tiên cô biết thế nào là người da trắng, mắt xanh, mũi rõ, tóc vàng. Người Tây vẫn ngồi trên lưng ngựa, cất tiếng hỏi:

- Cô bé... này... ở đâu? Ta chưa thấy... bao giờ.

Điều cầm tay Nhự nói rất bình tĩnh:

- Dạ, nó là em con, vừa mới ở quê lên.

- Ra đây... Ra đây... Ta xem...

Nhự lú lú, bước chậm chạp đến trước mặt người Tây. Hai tay cô bé khoanh trước ngực, đầu cúi gằm.

- Đừng... có sợ... Ngẩng... cái đầu lên... cho ta xem.

Người Tây ngắm nghía Nhự rất kỹ lưỡng rồi mỉm cười:

- Tốt lắm... Tốt lắm... Trông... Ngoan lắm.

Rồi ông ta gạt gù cái đầu, móc tay vào túi lấy ra một đồng xu đưa cho cô bé:

- Tốt lắm... Chăn bò... Tốt lắm... Quan cho...

Nhự không chìa tay. Người lính bảo:

- Quan lớn thưởng cho đấy. Cầm đi.

Điều đứng bên cạnh lặng lẽ, mắt gườm gườm.

Hai con ngựa lại sổng đôi đi khỏi gốc cây chói lói.

Người Tây, tên là Julien Messmer nói với người lính hầu cận:

- Ông Láu có biết không... Ở bên Pháp người ta nói Đông Dương là bó hoa... đẹp nhất... trong các thuộc địa... của nước Pháp.

- Bẩm quan đúng như thế ạ.

- Và cô bé... Tương lai... cũng sẽ là... một bông hoa... rất đẹp... Tôi nói... có đúng không?

- Bẩm, quan lớn có con mắt rất tinh ạ. Rất đúng ạ.

Hai người vừa đi vừa cười. Người Tây lại nói:

- Cô bé ấy... mười ba... hay mười bốn... tuổi. Người An Nam các ông... gọi là... Tuổi gì nhỉ...

- Dạ, người dân An Nam chúng tôi gọi là tuổi "chum chúm núm cau" ạ.

- Cái gì?

- Chum chúm núm cau.

Người hầu cận vừa nói vừa chỉ tay vào ngực.

Đến lúc đó, người Tây chắc vỡ lẽ; ông ta cười to nhắc lại:

- Chum... chúm... Núm... cau... Ô la la? Người An Nam các ông nói hay thật. Hay thật? Mà này... còn thằng bé...

- Thừa quan sao ạ?

- Tôi thấy... mặt nó... cau cau... Tôi... không... ưa nó.

Khi người Tây đi xa, Điều đứng đã cau mày với Nhự:

- Sao em lại cầm tiền của nó làm gì?

- Em có muốn cầm đâu. Nó bắt em phải lấy chứ.

- Không thêm. Đưa đây cho tôi.

Nhụ đưa đồng xu cho Điều. Cậu bé nhìn đồng xu ngẩn ngía rồi cậu quăng nó đi thật xa. Đồng xu bay lên trời rồi rơi lẫ vào đám lau sậy ở chân đồi. Nhụ im lặng, cô bé cứ thấy như mình có lỗi. Cô liếc nhìn Điều. Cậu bé cũng không hiểu tại sao mình nổi cơn tức giận với người Tây đến thế. Cậu tức giận gì? Phải chăng vì con người quyền uy ấy đã nhìn quá chăm chú vào cô bé Nhụ?

Phần 3 - Chương 1

ĐÒN ĐIỀN MESSMER

Người Pháp đi xâm chiếm thuộc địa, việc đầu tiên họ làm là chiếm đất đai, khai thác đồn điền. Họ chú ý ngay đến nông nghiệp, bởi vì đầu tư nông nghiệp cần ít vốn, lại sử dụng được nhân công tại chỗ vốn đông đúc và rẻ mạt. Và lại, nhân công thuộc địa chỉ làm nghề nông, họ quen đất đai, quen khổ sở, lại không cần phải đào tạo tay nghề nhiều khi trồng thứ cây mới. Bóc lột nhân công, bóc lột đất đai là phương thức thu lợi nhanh nhất cho chính quốc. Chính vì lẽ đó nên đã hình thành đồn điền Messmer trên vùng đất Cổ Đình.

Làng Cổ Đình, cuối thế kỷ mười chín là vùng đất trải qua nhiều cuộc nhiễu loạn. Hồi cuối thời Tự Đức thì giặc cờ đen, cờ vàng quấy nhiễu. Lúc Tây chiếm Bắc Kỳ, thì liên miên hết phong trào Văn Thân lại đến cuộc khởi nghĩa Đốc Ngữ. Làng nằm giữa vùng xung đột. Ở đây có ao hồ đầm lầy, có rừng rậm, có núi non hiểm trở, dễ cho quân khởi nghĩa ẩn náu. Nhiều lúc nó đã là căn cứ của nghĩa quân. Quân của ta thoát hiện, thoát biến, trong chốc lát có thể lẫn vào rừng già, núi non.

Quân khởi nghĩa rút, tiếp sau đó là địa bàn hoạt động của quân Pháp và lính khổ đỏ khổ xanh. Chúng đuổi theo nhưng rồi đến lượt chúng lại cũng rút đi.

Cuối cùng, lũ giặc cướp xuất hiện. Kẻ cướp là đám nông dân đói khát lưu vong, đám du thủ du thực, đám tuổi trẻ táo tợn nổi loạn. Họ chẳng có phương hướng gì hết. Họ bảo nhau: "Trai thời loạn. Lúc này là thời của kẻ mạnh, kẻ ngỗ ngáo". Ban đêm, họ tụ tập nhau lại thành từng toán, tay dao tay gậy, đốt đuốc rừng rực, xông vào các xóm làng giết người, cướp của. Ban ngày là cảnh lũ lính khổ xanh khổ đỏ trắng trộn hăm hiếp đàn bà con gái. Ban đêm là cảnh đuốc rực trời, và tiếng trống ngũ liên tiếng phèng la vang dội, cùng những tiếng khóc lóc kêu cứu từ những mái tranh nghèo.

Sợ hãi vì sự giành giật; kiệt quệ vì sự tàn phá cướp bóc, người Cổ Đình đành bỏ đất, đi tha phương cầu thực. Đất bỏ hoang. Hàng ngàn mẫu ruộng biến thành những cánh đồng cho cỏ mọc, đó là nơi trú ngụ của lũ chuột, lũ rắn rết, cây cáo. Hàng ngàn quả đồi bát úp màu mỡ biến thành những đồi mua, đồi sim, hoặc những cánh rừng tạp không giá trị, chỉ toàn những bụi cây lúp xúp; bên cạnh đó, là những đồi lau bạt ngàn, trắng xóa lúc đông về.

Người Pháp chia những xứ thuộc địa trong đế chế của họ ra làm hai loại: Thứ nhất là những vùng đất để di dân như Algérie, Tân Calédonie; thứ hai là những xứ để khai thác, làm giàu cho chính quốc, ví dụ Maroc và Đông Dương. Vậy nên, nếu dân chúng bỏ ra đi thì tốt quá, đất đai của dân bỗng dưng biến thành đất hoang. Và căn cứ vào bộ luật thuộc địa, đất hoang có thể cấp không cho bất cứ người Pháp nào đến thuộc địa còn đất để khai thác, để lập đồn điền.

Đồn điền Messmer do ba anh em nhà Messmer: Philippe, Pierre, Julien tạo dựng ở vùng Cổ Định cũng có nguồn gốc như vậy.

Người anh cả Philippe Messmer là thiếu úy quân đội, sau gần hai mươi năm chiến trận ở Đông Dương. Năm 1895 ông được giải ngũ. Lúc đó ông trạc 37 tuổi.

Ông đại tá già chỉ huy, con người đầy từng trải gọi Philippe lên và hỏi:

- Anh có sợ hãi cái xứ sở nóng nực khủng khiếp này không?

- Thừa đại tá, tôi đã quen với nó.

- Tốt! Vậy, anh muốn trở về Pháp, hay ở lại xứ Bắc Kỳ này?

- Tôi ở đâu cũng được, miễn là có cơ hội làm giàu.

- Rất tốt! Vậy thì đây là một cơ hội làm giàu. Nhà nước thuộc địa sẽ cấp cho anh đất, sẽ cho anh vay vốn. Anh có thích công việc nhà nông không?

- Tôi rất thích. - Anh ta giơ cánh tay bắp thịt cuộn lên để khoe. - Tôi tin rằng mình tôi có thể làm thừa sức 5 héc ta đất.

Ông đại tá già bỗng cười to, lắc đầu:

- Ôi! Sao mà cạn nghĩ thế. Sao lại chỉ có 5 héc ta. Nhà nước sẽ cấp cho anh 100 héc ta, nếu anh đủ tài, 1000 héc ta cũng được. Anh sẽ là một điền chủ, một nhà quý tộc.

Ngừng một lát để suy nghĩ, sau đó viên đại tá tiếp tục nói, càng nói càng hùng hồn:

- Anh phải nhớ, người Pháp sang cái xứ An Nam này không phải chỉ để kiếm một mảnh đất con con rồi tự tay trồng trọt. Người Pháp sang đây cốt để chỉ huy, để khai sáng cho một xứ sở tối tăm. Việc của anh là việc sai khiến người bản xứ. Anh phải ghi nhớ: anh là ông chủ, là một nhà chinh phục, là một nhà thực dân về đất đai.

Phần 3 - Chương 2

Philippe Messmer là con người ưa phiêu lưu mạo hiểm. Ông sinh đúng vào cái thời mà các nước châu Âu đua nhau đi chiếm thuộc địa. Trở thành một conquistador (nhà chinh phục), đi chế ngự những dân tộc dã man, đi khai hóa văn minh cho những con người sống trong tăm tối, vác cây thánh giá lên vai, đem ánh sáng của Chúa đến cho những con người tà giáo, đó là ước vọng của Philippe. Khi còn là một thiếu niên, đọc trên báo thấy thiếu úy Francis Garmer chỉ có một nhóm năm mươi quân lính, phối hợp cùng đoàn thủy thủ vong mạng quốc tế của Đồ Phở Nghĩa, nói tóm lại, chỉ chừng 200 người mà đã chinh phục được Bắc Kỳ, chiếm thành Kẻ Chợ (Hà Nội), Philippe thấy kính phục Francis Garmer vô cùng. Đối với cậu bé Philippe lúc ấy, ông ta là người anh hùng.

Do vậy, khi đủ mười tám tuổi, cậu tình nguyện gia nhập quân ngũ. Cậu được học một lớp hạ sĩ quan, rồi được điều ngay sang Đông Dương. Sang đến nơi, cậu lại được chuyển ra xứ Bắc Kỳ. Thật phỉ chí! Thật hạnh phúc! Chàng thanh niên đầy nhiệt huyết đêm ngày chỉ mơ thấy những chiến công.

Philippe được đóng quân ngay tại Kẻ Chợ, một thành phố cổ, xưa kia là kinh đô của một cái nước mà những nhà nghiên cứu gọi là nước Đàng Ngoài.

Tại Hà Nội, Philippe đóng quân ở khu Nhượng địa. Sau lần người Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất, sau khi Francis Garnier bị quân Cờ Đen chặt đầu, hiệp ước Philastre được ký. Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ, nhưng trong hiệp ước ấy, có điều khoản phía Việt Nam phải dành hai khu Nhượng địa cho Pháp, một ở Hải Phòng và một ở Hà Nội. Triều đình

cổ thương thuyết để Pháp không có mặt tại Hà Nội, song phía Pháp cứ nhất quyết đòi bằng được. Sau nhiều lần đàm phán, sau nhiều sức ép và mưu mẹo, cuối cùng triều đình Huế phải chấp nhận để cho Pháp một khu đất có diện tích 185.085m² ở phía nam thành phố.

Đó là khu đất theo dọc bờ sông, chạy dài suốt từ Nhà Hát Lớn đến bệnh viện Hữu Nghị ngày nay. Thời xưa, người Hà Nội gọi đó là Đồn Nam hay Đồn Thủy vì đó là nơi đóng quân phòng giữ phía nam thành phố. Lúc đó vùng Nhà Hát Lớn và trường đại học vẫn là vùng đầm lầy.

Được mảnh đất chiến lược này, người Pháp rất hài lòng, vì từ Đồn Thủy có con đường nối liền qua phố Hàng Khảm, đến Cửa Nam, vào trong thành (nay là đường Tràng Tiền - Tràng Thi). Vả lại, ở địa điểm này còn có cái lợi là sát ngay sông, dễ tiếp tế và chuyển quân; từ Sài Gòn, qua Hải Phòng, rồi ngược sông Hồng là tới ngay vị trí Đồn Thủy. Lúc đó là năm 1875.

Nhà chính khách Pháp Jules Ferry nói:

"Nước Pháp cần phải ủng hộ một đế chế thuộc địa, cần phải hiện diện ở khắp mọi nơi, ở những nơi mà những quyền lợi lớn của thế giới xung đột với nhau. Đường lối thuộc địa là con đẻ của đường lối công nghiệp, là chiếc van an toàn của một cỗ máy khổng lồ mà nhịp điệu sản xuất có thể trở nên đáng sợ".

Người Pháp đã có ý đồ, nên tháng 4 năm 1882, thống đốc Nam Kỳ cử thiếu tá Henri Rivière ra Hà Nội. Trước khi Henri lên đường, thống đốc Le Myre de Viler nói với ông:

- Trái cây đã chín; đã đến lúc ta phải hái. Nếu ta không làm điều đó, hoặc những kẻ khác sẽ hái lượm thay ta, hoặc là cái xứ Bắc Kỳ chín mồm ấy sẽ rơi vào cảnh tan rã. Hãy chiếm lấy tất cả những gì ta có thể giữ được. Hãy thiết lập vị trí của chúng ta một cách mạnh mẽ. Hãy tránh sự bất ngờ và hãy chờ đợi thời cơ.

Tại sao ngài thống đốc sủng ái Nam Kỳ lại chọn Henri Rivière ra Bắc Kỳ? Bởi vì ngài không muốn lặp lại cách giải quyết hấp tấp vội vã như mười năm về trước khi Francis Garnier ra Bắc Kỳ đánh chiếm thành Hà Nội. Francis Garnier dù sao cũng mang tính chất võ biên, phiêu lưu chủ nghĩa, ham đánh thắng mà quên mất chính trị. Còn Henri Rivière, ông là một đại úy thủy quân mới được phong thiếu tá, đã 55 tuổi, vừa là nhà sử học, nhà tiểu thuyết, lại còn là nhà thơ. Ông ta giao du với giới trí thức tinh hoa của nước Pháp như Gustave Flaubert, Alexandre Dumas - con... Một sĩ quan như thế ắt hẳn sẽ vừa là nhà quân sự, vừa là nhà chính trị tinh tế.

Philippe Messmer rất sung sướng khi anh ở đội lính danh dự đón chào thiếu tá Rivière đến nhậm chức cùng với hai trăm binh sĩ tại khu Nhượng địa Đồn Thủy. Thiếu tá trông thấy gương mặt thông minh lanh lợi của chàng hạ sĩ Philippe, ông rất ưng. Ông hỏi:

- Anh đến xứ Bắc Kỳ bao lâu rồi?

- Dạ thưa thiếu tá, tôi phục vụ ở khu Nhượng địa mới được một năm.

- Như vậy, ở cái xứ sở kỳ lạ này, anh đã là ma cũ rồi.

Thiếu tá liền chọn Philippe vào tiểu đội cận vệ luôn ở bên cạnh mình. Philippe vô cùng sung sướng khi ngài thiếu tá và ngài lãnh sự Kergaradec ngồi bàn luận, anh được đứng sau lưng hầu cận.

Ngay sau hôm đến nhậm chức, thiếu tá cùng ngài lãnh sự đến phố hội Truyền giáo để chào đức Giám mục Puginier ngay. Phố hội Truyền giáo nằm xé Trường Thi (tức phố Nhà Chung bây giờ), Philippe cũng được cưỡi ngựa đi bảo vệ ngài lãnh sự Kergaradec và thiếu tá. Ngôi nhà thờ của hội Truyền giáo trông như một cái chùa An Nam. Cũng

những cột kèo đầy dây bên trong. Cũng những hình chạm trổ khéo léo tinh vi trên cột kèo. Chỉ khác là ở đầu hồi nhà có cây thập tự và bên trong ban thờ có tượng Đức chúa. Giám mục tiếp khách trong căn nhà riêng ba gian lợp lá, giống như những căn nhà xinh xắn của một gia đình khá giả người bản xứ.

Ngài chỉ huy Henri Rivière gửi lời thăm hỏi biết ơn của thống đốc Le Myre de Viler tới đức giám mục và giáo dân Bắc Kỳ vì những tin tức quý báu mà hội Truyền giáo đã cung cấp để soái phủ có những căn cứ gửi báo cáo về Paris xin ý kiến chỉ đạo. Sau đó, thiếu tá trao tận tay đức giám mục lá thư của thống đốc. Xem thư xong, cha Puginier một con người với dáng vẻ phúc hậu hiền từ, ngược đôi mắt rất sắc của mình nói với Henri Rivière:

- Thưa ngài thiếu tá, súy phủ Nam Kỳ cũng cùng ý kiến với chúng tôi. Xứ Bắc Kỳ vốn là nơi cội nguồn của dân An Nam, của nền văn hóa xứ này. Ở đây không như Nam Kỳ. Đảng Văn Thân rất mạnh. Người dân cũng rất trọng vua quan của họ. Lễ dĩ nhiên, ta phải đánh chiếm lấy. Nhưng như tôi đã nhiều lần trình bày, gửi về nước và tới súy phủ; Hình thức cai trị ở đây nên khác hẳn: Cái đó tôi gọi là chế độ bảo hộ. Điều ấy có ý nghĩa ta phải dùng sức mạnh chiếm lấy xứ này. Sau đó, ta phải trao lại cho quan của họ để họ tự cai trị. Tiếng là họ cai trị, nhưng thực chất vẫn nằm trong tay ta. Như vậy phản ứng của dân họ sẽ dịu hơn.

Ngài thiếu tá rất lễ phép:

- Thưa giám mục, những điều này chúng tôi cũng đã được thống đốc dặn dò kỹ lưỡng. Tuy nhiên, điều chúng tôi đang cần biết là tình hình hiện nay của phía An Nam.

- Theo nguồn tin đáng tin cậy của tôi, từ trong thành Hà Nội mật báo, thì hiện nay tổng đốc Hoàng Diệu đang cấp tốc chuẩn bị súng thần công. Quân sĩ đang chuẩn bị súng ống giáo mác. Dân chúng trong khu phố buôn bán, nhiều người đã cho đàn bà con trẻ về quê. Những tin tức từ Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh đều nói những nơi ấy cũng đang chuẩn bị nghênh chiến khi nghe tin thiếu tá mang tàu chiến, súng đại bác và mấy trăm quân về khu Nhượng địa.

Thiếu tá Henri cười:

- Có lẽ mấy hôm nữa tôi phải vào tận trong thành Hà Nội để thăm viếng ngài tổng đốc, làm cho họ yên lòng. Vả lại, tôi cũng muốn tận mắt xem cái thành của xứ An Nam xem nó ra sao.

* * *

Về thành Hà Nội thì từ mười năm về trước lúc Francis Garnier chiếm, người ta đã mô tả tỉ mỉ, thậm chí đã vẽ tỉ mỉ. Henri Rivière đã có trong tay tấm bản đồ đó. Người ta bảo thành đó xây theo kiểu Vauban, kiểu Tây, do những kỹ sư Tây phò tá vua Gia Long vẽ kiến trúc. Nhưng lần giờ lịch sử, thấy lúc vua Gia Long chiếm Thăng Long thì các kỹ sư Tây đã chết hoặc bỏ đi hết, làm gì còn Tây kỹ sư mà vẽ. Vì vậy người ta đồ rằng thành Hà Nội là một kiểu thành nửa Tây nửa ta, do các vị quan An Nam dựa vào thành cũ, tham khảo kiểu thành Vauban, rồi lại dựa vào phong thủy mà tạo nên.

Ngay ngày hôm sau, thiếu tá Henri Rivière tổ chức cuộc đi viếng thăm có tính chất ngoại giao tới dinh ngài Tổng đốc Hoàng Diệu, viên quan cai trị cao nhất của Hà Nội. Khác với cuộc viếng thăm đầu tiên của Francis Garnier, mười năm về trước, ông ta đã thị uy ngay bằng cách đưa cả đại bác cùng theo. Lần này, Henri Rivière hoà nhã hơn, nhưng không

kém phần cứng rắn. Thiếu tá muốn cho dân Kẻ Chợ biết sự oai vệ, sự hùng mạnh của nước Pháp. Đoàn người ăn mặc quần áo thật choáng lộn. Thiếu tá cưỡi trên con ngựa hồng cao lớn dẫn đầu. Vai đeo lon, đầu đội mũ sĩ quan, bên lưng đeo gươm dài. Tiếp sau là bốn con ngựa của đoàn tùy tùng. Rồi đến đội trống, một trống cái, bốn trống con. Sau cùng là một trung đội bộ binh vai bồng súng.

Đoàn quân diễu trên con đường đất nổi từ khu Nhượng địa tới cổng thành Đông Nam. Từ khu Nhượng địa Đồn Thủy đi ra, đầu tiên Philippe bắt gặp một chiếc cổng tên là cổng Tràng Tiền. Đó là một tòa kiến trúc cổng lớn trên có lan can; chiếc cổng nằm giữa hai trụ cao trên có hai con sư tử đá. Chiếc cổng phương Đông này đơn giản nhưng đẹp và oai nghiêm. Từ đây đến cổng Nam thành Hà Nội gọi là phố Hàng Khảm vì phố toàn những cửa hàng của thợ thủ công làm đồ khảm, một thứ đồ mỹ nghệ rất tinh xảo.

Qua chiếc cổng trứ danh đó, phía trái là Tràng Tiền, một khu đất nằm giữa đầm lầy, nơi đúc tiền của nhà vua, muốn đi vào phải qua một chiếc cầu. Tiếp đến, phía bên phải là Hồ Gươm. Những căn nhà gạch quay mặt ra phố quay lưng ra hồ; đó là những cửa hàng khảm nổi tiếng. Cạnh đây là khu phố Truyền giáo với cây thập tự nhô lên trên trời từ ngôi nhà thờ nhỏ bé bằng gỗ. Xế đối diện với khu Truyền giáo là Tràng Thi trứ danh, nơi quân Pháp đã ở mấy năm trước khi đến khu Đồn Thủy.

Con đường phố Hàng Khảm là đường đất, rộng chừng năm, sáu mét. Đoàn quân của thiếu tá hùng dũng đi đều bước theo nhịp của những chiếc trống. Tiếng trống rung nhịp nhàng oai nghiêm. Đó là một cảnh chưa từng xảy ra ở xứ Bắc Kỳ. Chắc chắn nó gây ấn tượng rất mạnh và nếu như ở một thời hòa bình, nó đã kéo ra đường nhiều đám đông, nhiều đàn bà, con trẻ háo hức đi xem như đi xem hội. Nhưng ở các phường, nhân dân đều đã nghe lệnh của quan tổng đốc rằng quân Pháp đã mang tàu chiến kẻ quân từ súy phủ Nam Kỳ ra, chắc chắn họ có âm mưu và nhân dân phải đề phòng. Do đó, đường phố Hàng Khảm vắng tanh. Những cửa hàng khảm ven hồ Hoàn Kiếm đều đóng cửa im ỉm. Chỉ còn vài hàng ăn, hàng tạp hóa của người Tàu là vẫn mở cửa. Philippe nghĩ bụng chắc đằng sau những cánh cửa đóng kín kia, người dân vẫn ghé mắt nhìn qua khe. Thì nhìn đi! Nhìn mà thấy rõ sự hùng cường của nước Pháp nổi tiếng hoàn cầu. Thì nhìn đi! Nhìn để mà khiếp sợ mà quy phục một nền văn minh vĩ đại. Chúng ta chẳng nhiều đâu. Chỉ vài trăm quân, nhưng cũng đủ để chinh phục cái xứ sở lạc hậu này. Philippe cưỡi ngựa đi sau người chỉ huy mà anh kính phục; ông ta là một sĩ quan văn võ song toàn. Ông Henri Rivière nghiêm trang ngẩng cao đầu trên lưng con ngựa hồng, ông không khiêm nhường, càng không hãnh diện đến mức lố lằng. Không như những thuộc cấp, những người chỉ nhìn sự vật một cách đơn giản, ông biết rằng ở xứ Bắc Kỳ này còn có những người văn thân mà đức cha Puginier gọi là đảng Văn Thân - Gọi là đảng tức là họ đồng, họ có mặt ở khắp nơi, họ có những lý thuyết, những tư tưởng lâu đời.

Đoàn quân đã đứng trước cửa Đông Nam mà nhân dân Hà Nội vẫn gọi tắt là Cửa Nam. Đó là cái cổng lớn hình vòm, bên trên tòa cổng cao xây một nhà lầu canh xinh đẹp. Chạy dài trước mặt cổng thành và dọc theo tường thành là một con đường rồi đến một con hào rộng chừng 20m, đó là một con sông nhỏ để ngăn sự tấn công. Dẫn vào Cửa Nam là chiếc cầu gạch xây vắt qua hào, hai bên có lan can trông rất duyên dáng. Thiếu tá cho binh lính dừng trước cổng thành. Viên sĩ quan trợ lý và cha phiên dịch tên là Colombert đến trao danh thiếp và thông báo ngài thiếu tá Henri Rivière có nhã ý đến chào thăm hỏi ngài tổng đốc Hoàng Diệu.

Sau khi ngựa chạy vào dinh tổng đốc, có quan án sát Tôn Thất Bá ra tận cùng đón khách. Chiếc kiệu đỏ của quan án sát dẫn đoàn người ngựa của thiếu tá gồm bốn người

vào dinh tổng đốc nằm ở phía đông thành. Henri Rivière với con mắt nhà quân sự chú ý quan sát những điểm bố phòng của đối phương. Thành Hà Nội là khu đất hình vuông rất rộng nằm giữa bốn bức tường lũy cao. Ở trong đó, có đủ ao hồ, vườn cây, lối đi, vườn hoa và những tòa nhà mái cong kiểu đông phương nằm trên những nền cao. Một con đường lớn dẫn họ tới một tòa nhà xung quanh nhiều cây cối. Trên cái sân rộng lát gạch phía trước nhà, có hai hàng lính gươm giáo tề chỉnh đứng hai bên cửa chính đón khách. Không biết vô tình hay hữu ý, có hai con voi cao lớn đứng dưới gốc cây muỗm cạnh sân, chân cứ dậm thình thịch, rồi tung vòi lên mà hí dài.

Quan tổng đốc ra đứng trên thềm đón khách. Ông thiếu tá và hai người lính Tây (trong đó có Philippe) đứng nghiêm chào theo kiểu nhà binh. Cha Colombert làm phiên dịch thì chấp tay cúi đầu chào theo kiểu An Nam. Quan tổng đốc Hoàng Diệu cũng lễ phép chào khách rồi mời vào ngồi trên ghế tràng kỷ. Khách một bên, chủ một bên. Henri Rivière và cha phiên dịch ngồi cạnh nhau. Sau lưng họ là hai vệ sĩ, một là Philippe, người kia là một sĩ quan tham mưu. Phía tràng kỷ đối diện chỉ có một mình tổng đốc Hoàng Diệu. Sau lưng ông là hai võ sĩ An Nam to lớn vạm vỡ, ngoại khổ so với tầm vóc người Nam vốn nhỏ bé; nhưng so với người Tây vốn có tầm vóc cao to hơn, thì hai võ sĩ này cũng vẫn ăn đứt. Họ đứng khoanh tay trước ngực, mắt chăm chăm nhìn vào khách. Cứ có cảm giác họ có thể vịn gậy cổ ngay đối phương. Bây giờ, Rivière đã có thể khẳng định được những cảm nhận tiêu cực của mình. Ông hiểu, hai con voi dưới gốc cây muỗm ngoài kia, và hai người lính thị vệ khổng lồ kia là những ý ngầm được bộc lộ rõ ràng.

Quan tổng đốc và ngài thiếu tá trao đổi với nhau những câu khách sáo và lịch sự. Henri nói:

- Chúng tôi tới Bắc Kỳ hoàn toàn với thiện chí. Chỉ vì những tàu buôn của chúng tôi có giấy phép của nhà vua mà cũng không có hiệu lực. Ông Courtin và Villeroi được giấy thông hành lên Vân Nam nhưng đến Lào Cai thì giấy phép cũng không giá trị.
- Thưa ngài việc ấy chúng tôi đã được biết. Cản trở là do số giặc khách, tàn quân Thái Bình Thiên Quốc từ bên Tàu tràn sang.
- Đó chính là điều chúng tôi muốn thương thảo cùng các ngài. Nên chẳng ta dùng binh lực mà dẹp chúng cho yên. Người Pháp chúng tôi muốn giúp triều đình.
- Thưa ngài, việc dẹp loạn là việc nội trị của chúng tôi. Việc quý quốc muốn trợ giúp, chúng tôi phải xin ý kiến của triều đình trước đã.

Thiếu tá Henri Rivière trang trọng và nghiêm nghị. Một thái độ rất lịch sự:

- Tuy nhiên chúng tôi thấy rằng, từ khi chúng tôi đặt chân lên Hà Nội, chúng tôi chỉ thấy quá nhiều sự thù nghịch. Dân chúng nhiều người đã rời khỏi Kẻ Chợ. Có nhiều đạo quân xuất hiện quanh Hà Nội. Chúng tôi trân trọng nhắc lại với ngài tổng đốc: Chúng tôi, người Pháp, tới xứ Bắc Kỳ này hoàn toàn thiện chí. Tôi cũng mong nhận được sự thiện chí ở các ngài. Nghĩa là tôi muốn các ngài hãy rút binh sĩ về vị trí cũ.
- Tôi nghĩ rằng ngài chỉ huy quá nghi ngờ. Việc điều động binh lính từ chỗ này sang chỗ khác là quá bình thường trong việc quân. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin ghi nhận ý muốn tìm thiện chí ở các ngài.

* * *

Thiếu tá Henri Rivière suy nghĩ rất lung. Ông lãnh sự Kergaradec truyền đạt ý kiến của sứ phủ Nam Kỳ. Người ta muốn chiếm thành Hà Nội nhưng lại muốn tránh nổ súng.

Chung quy là tại ở chính quốc người ta vẫn chưa dứt khoát có nên chiếm Bắc Kỳ hay không. Đức giám mục Puginier cho rằng tình hình đã chín mùi lắm rồi. Giặc khách từ bên Tàu tràn sang. Giặc cướp nổi lên tứ tung. Người nông dân điêu linh, nhất là những người nông dân theo đạo Thiên chúa. Còn quan lại và triều đình Huế thì tỏ ra bất lực, không tài nào làm chủ được tình thế. Ông càng khó chịu khi các quan An Nam và dân chúng công khai tỏ ra chống đối người Pháp. Ông cưỡi ngựa đến phố Truyền giáo mà suốt dọc đường chẳng thấy một bóng người. Dưới con mắt một nhà quân sự lão luyện, khi vào thành gặp ngài tổng đốc, nhìn những khẩu pháo cổ lỗ của họ chỉ đáng đưa vào nhà bảo tàng, nhìn những khẩu súng hỏa mai và giáo mác của những binh lính An Nam, ông hiểu rằng việc đánh chiếm thành Hà Nội chẳng có gì là khó khăn. Tuy nhiên, ông cũng hiểu rằng đánh cái thành này thì dễ, nhưng bình định, rồi chiếm toàn bộ xứ Bắc Kỳ lại chẳng phải sự dễ dàng.

Trong khu Đồn Thủy, binh lính Pháp nóng lòng muốn được chiến đấu lập công. Ngài thiếu tá rất thận trọng trước khi ra quyết định. Ngài làm việc, nắm chắc tình hình, qua các cuộc nói chuyện với các cha xứ, giáo dân từ Nam Định, Bắc Ninh và Sơn Tây đến. Ngài lại trao đổi kỹ với đức giám mục Pugimer và lãnh sự Kergaradec. Cuối cùng, Henri Rivière ra tay quyết liệt.

Ngày 25 tháng tư, nghĩa là khoảng một tháng sau khi đến Hà Nội, thiếu tá sai một sĩ quan cùng Philippe đến trao cho tổng đốc Hoàng Diệu một bức thư. Đó là tối hậu thư trong đó yêu cầu bốn điểm:

- 1- Nước Nam phải nhận cho nước Pháp bảo hộ.
- 2- Phải nhường thành phố Hà Nội cho nước Pháp.
- 3- Đặt thương chính ở Bắc Kỳ.
- 4- Sửa lại việc thương chính ở các tỉnh và giao quyền cho người Pháp cai quản.

Và việc trước mắt yêu cầu tổng đốc Hoàng Diệu phải lập tức giải binh. Các quan võ của An Nam phải ra khu Nhượng địa Đồn Thủy đợi lệnh. Hạn của tối hậu thư là đến 8 giờ ngày 25 tháng tư năm 1882.

Lẽ dĩ nhiên, bức tối hậu thư đòi hỏi quân Nam đầu hàng một cách nhục nhã như thế, ngài tổng đốc Hoàng Diệu đời nào chịu.

Hết hạn tối hậu thư, sáng hôm ấy đúng tám giờ sáng, quân Pháp nổ súng đánh thành Hà Nội lần thứ hai. Quân Nam đánh trả không hiệu quả. Tổng đốc sai án sát Tôn Thất Bá treo thang ra điều đình. Tôn Thất Bá ra khỏi thành nên bỏ trốn. Quân Pháp với vũ khí tối tân, đánh đến mười một giờ trưa đã hạ được thành. Tổng đốc Hoàng Diệu đau buồn vì không giữ được thành đã treo cổ lên cây tuần tiết. Đánh xong, Henri Rivière liền trao lại quyền cho quan lại nước Nam nhưng vẫn để một đại đội lính Pháp đóng ở trong thành. Nghỉ ngơi xong, thiếu tá quay trở về khu Nhượng địa Đồn Thủy.

Ngày 2 tháng năm, Henri Rivière viết thư cho Alexandre Dumas - con, tác giả Trà hoa nữ:

“Tôi đã chiếm thành phố hơi muộn, nhưng chẳng phải lỗi tại tôi. Đó là tại ngài tổng đốc trấn thủ tòa thành này đã tăng cường phòng thủ một cách quá ư công khai để chống lại chúng tôi, nên tình hình như vậy không thể kéo dài... Khi tôi vào phía trong tòa thành, tôi hơi mệt tí chút, và tôi phải nằm dài trên chiếc chiếu trong nhà một vị quan. Người ta quạt cho tôi, dội nước mát lên đầu tôi. Điều đó làm tôi hồi lại sức nhanh chóng, đến nỗi tôi có thể ăn gần hết sạch một con gà luộc. Đó là bữa ăn sáng mừng chiến thắng. Tôi đã dùng bữa ăn này trong dinh quan tổng trấn, nơi mà ba tuần trước đây, họ đã đón tiếp tôi lần đầu. Tôi gặp lại nơi này với một chút thích thú và một chút giận hờn. Tôi còn nhớ lúc

đó sau lưng tôi có hai chàng lực sĩ cao lớn người Nam như có nhiệm vụ, nếu cần, thì bóp cổ tôi. Còn nhớ cả hai con voi trận như có ý định giày xéo hoặc xua đuổi hai người lính cận vệ của tôi bằng cái vòi... ".

* * *

Sau cuộc chiến lại đến lượt các nhà ngoại giao, chính trị, dùng âm mưu, thủ đoạn, ngôn từ lao vào thương thuyết. Pháp cử ông Rheinart từ Paris sang. Họ nói rằng đánh thành Hà Nội không phải chủ ý của nước Pháp. Họ đề nghị triều đình Huế cử quan chức ra mà cai trị dân. Triều đình cử ông Trần Đình Túc làm chánh khâm sai, Nguyễn Hữu Độ làm phó khâm sai ra đàm phán với Henri Rivière.

Nói chung đó là thời gian hưu chiến, bề mặt đàm phán nhưng sau lưng hai bên đều chuẩn bị. Phía Pháp đưa ra những yêu cầu mà bên Nam không thể chấp nhận được; ví dụ nước Nam phải nhận sự bảo hộ của nước Pháp, phải nhượng hẳn Hà Nội cho Pháp... Ông Túc và ông Độ bảo rằng các ông không quyết được, phải xin ý kiến của triều đình.

Tuy vậy, thời gian ngừng chiến ấy kéo dài khoảng một năm cũng là thời gian khá thư nhàn cho thiếu tá và quân Pháp.

Lúc đó, ở Hà Nội chỉ có hai chiếc xe ngựa rất sang trọng và đẹp đẽ. Một chiếc bằng gỗ, kiểu Ấn Độ dành cho đức giám mục Puginier dùng. Chiếc thứ hai là chiếc bốn bánh, kiểu Victoria. Chiếc Victoria có hai chỗ ngồi đằng sau, thấp, khá thoải mái, và một chỗ ngồi cao đằng trước dành cho xà ích. Chiếc xe mũi trần được sủy phủ Nam Kỳ gửi ra hai con ngựa lông trắng làm ngựa kéo. Trông chiếc xe đi trên đường Hàng Khảm đến thẳng Cửa Nam, vượt qua cầu gạch, rồi vào thành đến đỗ trước dinh tổng đốc, người dân đi đường và binh lính ai ai cũng phải dán mắt vào, bởi vì chiếc xe lịch sự quá, duyên dáng quá, quý phái quá. Nó không chói lọi vàng son như kiệu phương Đông, nhưng nó thật uyển chuyển, lộng lẫy một cách kín đáo, đường nét hoàn hảo một cách tuyệt mỹ. Nó cho người của cái xứ man rợ này biết thế nào là sự sang trọng tinh tế của người phương Tây. Cả Philippe, người xà ích thô thiển ngồi trên ghế cao, với cái roi ngựa thật dài, cũng cảm thấy kiêu hãnh vì ông chủ mình và cả vì chiếc xe nữa. "Đấy! Ngài Henri Rivière tuyệt vời, ông chủ của tôi đấy! Đừng tưởng ngài chỉ võ biền. Không! Ngàn lần không! Ngài còn là con người cực kỳ tinh tế".

Không chỉ riêng chàng hạ sĩ quan Philippe sùng bái người chỉ huy của mình; thực ra tất cả hơn bốn trăm người lính ở khu Nhượng địa đều coi thiếu tá như một vị thần. Võ thì quyết đoán, quả cảm, mưu lược. Mà văn cũng đâu phải xoàng. Trong thời gian ấy, Henri Rivière viết một tập truyện ngắn có tên là Édith và đang viết dở một cuốn tiểu thuyết tên là Đồi bại (Perversité). Hai cuốn sách được viết trong một ngôi nhà xinh xắn quét vôi trắng toát, chung quanh có hàng hiên rộng, trong một khu vườn với hoa trúc đào nở hồng, hoa cau trắng thơm ngát và hoa xương rồng vàng ươm.

Có thể nói, lúc ấy, Henri Rivière là một nghệ sĩ nhiều hơn một binh sĩ. Ông viết thư về Paris:

"Ở đây, mối bận tâm lớn của tôi không phải là người An Nam hay người Tàu như người ta vẫn nghĩ. Thực ra, thi thoảng tôi có nghĩ tới họ khi cần phải nghĩ, và chỉ có thế thôi.

Hôm nay, tôi đọc nhà văn Renan, cuốn sách viết về những kỷ niệm thời thơ ấu và thời thanh niên của ông".

Cứ tưởng người chỉ huy của Philippe như một con mèo lười đang lim dim phơi nắng. Thực ra, lim dim thể thôi nhưng tai vẫn rất thính. Henri Rivière vẫn tinh tường theo dõi những hoạt động của phía triều đình Huế. Ông biết rằng vua Tự Đức đang sai người sang cầu cứu bên Tàu. Ông cũng biết quân Cờ Đen đã về đầu hàng tướng Hoàng Kế Viêm. Ông cũng chẳng lạ gì quan tổng đốc Bắc Ninh đang rục rịch kéo quân về phía Hà Nội.

Song tất cả những chuyện đó chỉ dồn dập xảy ra vào đầu 1883; còn năm 1882, khi người Pháp mới chiếm xong thành Hà Nội thì khu Nhượng địa đang hờ hững sống trong không khí chiến thắng. Nhiều sĩ quan vui vẻ thử sống theo kiểu phương Đông. Có người thuê phu vớng để di chuyển bằng vớng như các ông quan An Nam. Lương sĩ quan Pháp từ 200 đến 300 phờ rãng, và thuê người hầu chỉ bốn quan (phờ rãng) một tháng, nên có người thuê tới ba, bốn người hầu An Nam. Ra đường, một người cầm ô che, một người cầm quạt lông phe phẩy suốt dọc đường, thậm chí còn thêm một người xách nước mang thuốc lá (các ông quan An Nam thì dùng người này vào việc ôm tráp trà thuốc). Binh lính, sĩ quan Pháp rất nôn nóng muốn ra quân đánh chiếm ngay toàn bộ xứ Bắc Kỳ, bởi vì họ thấy đánh dễ quá. Họ biết mười năm về trước có khi đánh một tòa thành to đồ sộ mà Francis Garnier chỉ dùng tới ba người lính Pháp, Pháp đi đến đâu là quan quân chạy bán sống bán chết. Tuy nhiên, sứt phủ Nam Kỳ thì tình tảo hơn. Thống đốc Le Myre de Viler viết thư ra:

"Tôi biết rằng nhiều người ở Hà Nội tỏ ra sốt ruột. Người ta cho rằng uy thế của người Pháp bị tiêu tan vì chúng ta không tiến lên, không mỗi ngày chiếm một thành, không luôn thắng trận. Đó chỉ là ý kiến của những người trẻ tuổi quá hăng say chiến đấu... chúng ta phải hành động cực kỳ thận trọng..."

Cuối cùng đến đầu năm 1883, Henri Rivière đã phải thoát ra khỏi cái vỏ kín bất động. Ông được tin một công ty Anh - Trung Hoa muốn nhòm ngó khai thác mỏ than Hòn Gai. Ông liền cử ngay một đội quân ra chiếm Hòn Gai vào ngày 16 tháng ba. Tiếp ngay sau đó, ông đem quân đi chiếm thành Nam Định.

Và đến lúc này, những sự kiện đã liên tiếp diễn ra hàng ngày, hàng giờ; binh lính Pháp đã hết sốt ruột.

Từ đầu thời vua Tự Đức, loạn Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Hoa bị tan. Dư đảng Thái Bình do Ngô Côn cầm đầu tràn sang nước ta. Ngô Côn bị Ông Ích Khiêm tiêu diệt. Các tướng của Ngô Côn là Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Sùng Anh, Bàn Văn Nhị chia làm ba toán giặc: Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng, đã cướp bóc, tàn phá xứ Bắc Kỳ. Quan quân phải vất vả mới dẹp xong giặc Cờ Vàng, giặc cờ Trắng. Riêng giặc Cờ Đen do Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu xin hàng triều đình. Giặc Cờ Đen dưới quyền điều khiển của tướng Hoàng Kế Viêm đóng ở Sơn Tây. Hoàng Kế Viêm cho quân Cờ Đen làm đạo quân tiên phong tiến về bao vây Hà Nội.

Quả thực, chỉ đến tháng năm năm 1883 Philippe mới thật hiểu thế nào là đời lính, thế nào là chiến tranh, thế nào là người chinh phục.

Đó là những ngày quân Cờ Đen vây Hà Nội. Những người lính Pháp muốn lập chiến công, muốn làm anh hùng bây giờ đã có cơ hội thực sự. Quân Cờ Đen là lính thiện chiến, là giặc thực sự. Họ đã chặt đầu Francis Garnier hồi mười năm về trước. Họ đã mổ bụng những người lính bị bắt. Họ đã cắt tai cắt mũi kẻ thù trước khi giết. Như vậy, đánh nhau không còn là cái thú trò chơi phương Đông nằm vớng người khiêng, rồi đi khệnh khệnh trên phố với lũ người hầu che ô, che quạt nữa. Bây giờ phải quần quật cả ngày lẫn đêm. Ngày thì đi phát quang chung quanh khu Nhượng địa, rồi chặt gỗ chôn bả

sung những cây cọc nhọn chung quanh, đắp đất tăng cường những ụ súng bảo vệ. Còn ban đêm thì đánh nhau thực sự. Quân Cờ Đen reo à à suốt đêm, bắn súng suốt đêm quanh khu Nhượng địa. Họ không sợ Pháp, ban đêm, quân Cờ Đen kiểm soát toàn thành phố.

Khu phố buôn bán của người An Nam vắng teo. Nhà nào cũng mang hết gia đình về quê. Các cổng phố đóng chặt. Chỉ còn lại người ở mấy phố khách, vì họ là người Tàu nên không bị quân Cờ Đen cướp phá.

Khổ nhất là khu phố Truyền giáo, trước cửa Tràng Thi. Người theo đạo Thiên chúa đến tụ cư tại đó khá đông. Có thể nói đó là một làng Thiên chúa giáo toàn tòng. Chỉ có khác là làng chung quanh không có lũy tre, mà chỉ có một hàng rào cọc tre vót nhọn khá kiên cố bao bọc. Đức giám mục Puginier, vốn ở tại nhà thờ Kẻ Sở, nhưng từ khi ông Francis

Garnier đánh thành phố Hà Nội lần thứ nhất năm 1873, ngài thấy Hà Nội là nơi trung tâm chính trị của Bắc Kỳ; lãnh sự Pháp ở đây, quân đội Pháp ở đây và cả đại diện triều đình Huế cũng ở đây nên sự luôn có mặt của ngài tại nơi này là cần thiết, bởi vì nhiệm vụ của ngài không phải là của một cha xứ bình thường mà là của một giám mục.

Ở khu phố Truyền giáo có một nhà thờ nhỏ bằng gỗ lim, theo kiểu chùa An Nam, là nơi hành lễ. Lúc đại úy công binh Du Pommier xây dựng nhà trong khu Nhượng địa, hội Truyền giáo cũng nhờ ông xây giúp một căn nhà gạch hai tầng làm nơi ở và làm việc cho các cha bề trên.

Trong tháng năm năm 1888 ấy, quân Cờ Đen tấn công khu Truyền giáo mấy lần. Cha Landais, người rất có công với khu phố Truyền giáo đã dự đoán trước tình hình. Ông yêu cầu thiếu tá Henri Rivière cấp súng. Ông phân phát súng cho 150 thanh niên công giáo khỏe mạnh. Đêm 12 tháng năm quân Cờ Đen tấn công. Cha Landais chờ cho quân địch tới gần mới nổ súng. Bị chống cự bất ngờ, quân Cờ Đen thua, rút lui.

Hôm sau thiếu tá Henri phải cho mấy chục người lính sang bảo vệ khu Truyền giáo. Chàng hạ sĩ quan Philippe cũng trong số người đó. Đêm ngày 16 tháng năm, một trận huyết chiến xảy ra. Quân Cờ Đen rất đông xông vào cướp phá nhà dân, đốt nhà thờ gỗ, bao vây ngôi nhà gạch bắn nhau đến sáng mới rút lui.

Hôm sau, tất cả mọi người ở khu Truyền giáo phải đi lánh nạn hết.

* * *

Thành phố Hà Nội xơ xác tiêu điều. Ra đường không một bóng người. Ban ngày quân Pháp làm chủ tình thế. Tuy nhiên, từ khu Đồn Thủy ra ngoài, vẫn phải đi nhiều người, ít nhất một tiểu đội. Ban đêm quân Cờ Đen làm chủ. Họ tiến sát khu Nhượng địa, nổ súng vào những trạm gác, gào thét đe dọa, thỉnh thoảng lại đốt một căn nhà gần đấy để ánh lửa hắt qua cả hàng rào cọc gỗ khu Đồn Thủy. Henri Rivière ra lệnh phát quang, triệt hạ, làm thành bình địa phía ngoài hàng rào. Trong vòng ba trăm mét phải đốt sạch, phá sạch. Người chạy loạn vào khu Nhượng địa khá đông. Những người buôn bán nước ngoài, các cha xứ, thầy giảng chủng sinh và nhiều dân công giáo có quan hệ mật thiết với người Pháp. Những làng chung quanh Hà Nội không bóng người, vì vậy sự cung cấp lương thực không có nguồn. Viên sĩ quan hậu cần phải trình thiếu tá phương án phát thức ăn theo khẩu phần.

Không thể để tình hình kéo dài. Phải đánh nóng ra, đuổi quân Cờ Đen quay trở về sào huyệt, tức Sơn Tây. Thiếu tá triệu tập họp các sĩ quan. Có người bảo: "Nên thận trọng.

Nên rút kinh nghiệm của Francis Garnier, mười năm về trước". Thiếu tá Henri Rivière phân tích:

- Mười năm về trước Francis Garnier ra Cầu Giấy chỉ có trong tay hơn chục người. Thua là phải. Còn lần này chúng ta sẽ đánh đuổi quân Cờ Đen bằng một lực lượng hùng hậu: 500 quân.

Sáng ngày 19 tháng năm, năm 1883, đoàn quân Pháp rời khỏi khu Nhượng địa Đồn Thủy. Một đội hình dài dằng dặc, trung đội nọ tiếp trung đội kia hành quân trên con đường phố Hàng Khâm đi về phía Cửa Nam.

Thiếu tá chỉ huy, quân phục chỉnh tề, lưng đeo súng ngắn lại ngồi trên chiếc xe Victoria trứ danh có hai con ngựa trắng kéo. Quân sĩ "hóa ra" hoan hô chủ tướng.

Viên đội Philippe Messmer vẫn làm xà ích. Anh đeo khẩu súng trường chéo đằng sau lưng, tay cầm chiếc roi dài. Anh vút roi ra lệnh. Đội ngựa bắt đầu cất bước.

Trời còn sớm nhưng đã sáng rõ mặt người. Chẳng thấy một bóng người đón đường. Mãi đến khoảng hồ Hoàn Kiếm mới thấy mấy con chó hoang từ vườn chùa Ông Thương chạy ra sủa ăng ăng. Con chó sủa dai quá. Một viên sĩ quan nổ phát súng ngắn làm chúng hoảng sợ cúp đuôi chạy mất tích miệng vẫn ăng ăng khiếp hãi. Đến Cửa Nam đoàn quân đi chệch theo con đường tới Cầu Giấy. Khoảng 6 giờ sáng đến nơi.

Đây là con đường đất nổi từ chiếc Cầu Gạch bắc qua một con sông nhỏ dẫn tới tỉnh Sơn Tây. Quân thám báo cho biết trước quân Cờ Đen có mặt ở khu vực này. Tuy nhiên, tất cả vẫn giống như quãng đường lúc mới xuất phát, nghĩa là tất cả đều vắng lặng chẳng nhìn thấy một ai. Đội quân mở đường vào lòng sục những căn nhà ven đường song chẳng thấy gì. Đoàn quân cứ tiến thẳng qua cầu ở đoạn đường đất này hai bên đường là những xóm lều tều. Khoảng chín giờ mới dừng độ một toán địch nhỏ. Chúng bắn vài phát súng rồi rút chạy vào một xóm. Một trung đội Pháp vội truy kích. Đến chỗ khác, lại lẹt đẹt vài phát súng. Lại có người đuổi theo. Chừng hơn một tiếng đồng hồ sau, lần này súng lại nổ chặn ở phía sau lưng. Rồi súng nổ vang ở khắp phía. Không biết quân Cờ Đen nấp ở đâu, bỗng xuất hiện hết toán này đến toán khác, lúc đầu nổ súng, còn về sau toàn đánh giáp lá cà.

Thiếu tá Henri Rivière đánh nửa ngày chiếm thành Hà Nội, lại đánh nửa ngày khác chiếm thành Nam Định. Đó là những trận vây thành, ông có thể dùng súng đại bác, có thể phát huy uy lực của vũ khí tối tân hơn hẳn đối phương. Còn ở trận này, người cầm mã tấu đánh với người cầm súng cầm lưỡi lê. Một trận cọ xát mặt đối mặt, giết nhau theo kiểu trung cổ, vũ khí tối tân hết tác dụng, ai khỏe hơn là thắng, ai đông hơn là thắng. Đó là trận phục kích không thấy sách giáo khoa trong trường sĩ quan Tây phương.

Viên đội Philippe và Henri Rivière nhảy khỏi chiếc xe Victoria trứ danh. Philippe Messmer cầm lưỡi lê vào nòng súng bảo vệ chỉ huy trưởng. Một tiểu đội Pháp cũng đứng chung quanh sẵn sàng chiến đấu. Một lính cờ đen cầm mã tấu hét lên xông tới. Thiếu tá Henri bắn gục, mười người lính cờ đen, rồi đồng loạt những lính cờ đen xông tới. Có tiếng hét:

- Thăng chỉ huy đây. Giết nó đi.

Tiếp sau đó là xoang xoảng gươm giáo mã tấu, là tay cụt, máu tóe, hò hét. Henri Rivière hết đạn. Cả tiểu đội lính bảo vệ bị chết hết. Cả anh đội Philippe cũng bị chém xả vai nằm chồng lên những cái xác khác. Quân Cờ Đen còn bắn trói Henri Rivière bắt giải đi nên không thèm để ý xem đối phương ra sao. May mắn, một người lính Pháp, sau trận đánh, phát hiện ra Philippe Messmer còn sống nên đưa anh ta về khu Nhượng địa.

Chín giờ tối, những lính Pháp còn sống sót mới trở về hết. Gần 100 quân bị chết, bị thương. Thiếu tá Henri Rivière, đại úy Jacquin, trung úy Briset bị quân Cờ Đen bắt, chắc là đã chết. Đại úy Berthe de Villers bị thương về đến nhà thì chết.

* * *

Philippe Messmer phải nằm bệnh viện mất gần một tháng. Sau trận chiến Cầu Giấy, quân Cờ Đen làm chủ Hà Nội cả đêm lẫn ngày. Quân Pháp lui cả về cố thủ trong khu Nhượng địa. Hàng rào gỗ chắc chắn vây kín các mặt, trên sông Hồng lại có tàu chiến trang bị đại bác nên quân Cờ Đen tuy dám đi lại ban ngày trong thành phố nhưng cũng không dám tấn công khu Đồn Thủy. Thế là giữa đại đội đóng trong thành và đội quân trong khu Nhượng địa bị đứt liên lạc, tách làm hai. Tại Đồn Thủy, người ta chia thức ăn theo khẩu phần.

Nghe tin Henri Rivière bị sa vào tay quân Cờ Đen, sếp phủ Nam Kỳ vội cấp tốc gửi quân ra Bắc. Ở Pháp, tại quốc hội, phe chủ chiến muốn đánh Bắc Kỳ đã thắng. Người ta đưa tướng tá binh lính sang. Bây giờ, trên con đường Hàng Khảm nối từ Đồn Thủy đến thành Hà Nội, có thêm hai đồn binh: đồn Tràng Tiền và đồn Tràng Thi. Các cha cố, dân công giáo lại trở về khu phố Truyền giáo. Quân đội Pháp mở những cuộc hành quân đánh đuổi quân Cờ Đen.

Philippe đã hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Người ta giao cho anh nhiệm vụ ra khu Cầu Giấy tìm thi hài của thiếu tá. Philippe cầm chiếc hộp khảm trong đó đựng tập truyện ngắn Édith lên. Chiếc hộp khảm trai rất đẹp. Người thợ khảm ở bờ Hồ Gươm là người thợ tài năng nhất phố. Thiếu tá chỉ thích ông ta khảm cho một cảnh vật đậm đặc chất An Nam để làm kỷ niệm. Thì đây, một khóm trúc, một dòng sông, một con thuyền... vẫn còn đây, nhưng người chủ thì đã ở cõi nào. Henri Rivière rất thích chiếc hộp khảm này. Lúc mua nó về, ông cứ ngắm nghía không chán, rồi gật gù: "Người An Nam lạc hậu đến thế mà lại có một tâm hồn tinh tế đến thế...". Philippe còn nhớ, có lúc ông nói với anh: "Xứ sở này tăm tối quá. Ta phải đem ánh sáng đến cho họ". Ở con người này vừa có cái cảm xúc tế nhị của một nghệ sĩ, lại vừa có sự cao ngạo của một con người đi chinh phục. Philippe hơi rùng mình khi thầm nhắc tới từ chinh phục. Anh lại chợt liên tưởng tới Francis Garnier. Mười năm về trước, ông này cũng bị quân Cờ Đen giết. Họ chặt đầu ông ta. Lúc tìm được xác thì không thấy đầu. Cái đầu mất biến. Một con chó hoang nào đã tha mất rồi chăng, hay một người dân nào đó thương tình đã vùi lấp hộ chăng. Thành thử lúc chôn ông ta, không có đầu. Ông ta biến thành thừ ma không đầu. Chắc chắn Henri Rivière cũng vậy. Trăm phần trăm là ông ta đã bị chặt đầu. Luật lệ phương Đông đối với kẻ tử thù là như vậy. Thiếu tá ơi! Bây giờ thân xác người ở đâu? Linh hồn người ở đâu? Bây giờ đầu của người đang ở chỗ nào? Người phương Đông coi trọng cái đầu hơn là cái mình. Họ cho rằng người chết mất mình là khổ, nhưng mất đầu còn khổ hơn, bởi vì tinh hoa của con người, tất cả nằm ở cái đầu, trí khôn cũng ở đấy mà hồn vía cũng ở đấy. Philippe không mê tín như người phương Đông nhưng cũng nghĩ, thà mất cái mình hơn là mất cái đầu.

Philippe suy nghĩ rất nhiều, nên đầu tiên anh tìm đến gặp giám mục Puginier. Đức cha đang ở nơi dựng lại nhà thờ. Cha đang có dự định làm một ngôi nhà thờ thật to, nhưng để có nơi hành lễ ngay, phải dựng tạm một ngôi nhà thờ lợp lá. Thấy Philippe, cha bảo:

- Cầu chúa ban phước lành cho người chỉ huy anh hùng của con. Chắc lúc này, thiếu tá đang ở trên xứ thiên đàng, bên cạnh Chúa.

Philippe trình bày nhiệm vụ của mình. Đức giám mục hiền từ nói:

- Con tìm ta là đúng. Một mình con không tìm thấy đâu. Mà cho dù có hàng trăm quân lính cũng khó tìm ra. Bởi vì chúng ta là người nước ngoài. Để ta cho một người bản xứ đến giúp con.

Người công giáo đến giúp Philippe trạc gần bốn mươi tuổi, dáng người rắn chắc, mặt mũi sáng sủa. Chẳng thấy ông ta cười bao giờ, nét mặt hiền từ nhưng khắc khổ, trầm tư. Ông ta nói được tiếng Pháp nhưng không sôi nổi. Người ta bảo ông là người tâm phúc của tòa giám mục. Tên ông là Cam. Ông Cam nói khẽ khàng bằng một giọng nói chắc nịch sau một hồi lâu suy nghĩ:

- Ông đợi ạ. Ông cứ ở nhà. Để tôi đi một mình.

- Ông Cam ơi! Thiếu tá mất tích như vậy đã hơn hai tháng. Lòng tôi chẳng yên chút nào khi chưa tìm được người.

Hình như ông khó nói, nhưng cuối cùng ông cũng nói ra được.

- Sự thực bây giờ là đi tìm xác. Ông đợi là người Pháp. Mà ông biết đấy, người dân quê tôi bây giờ trông thấy người da trắng, lập tức họ trốn chạy, hoặc im lặng chẳng nói gì cả.

Trong giọng nói của ông Cam, Philippe thấy buồn buồn, nhưng anh phải công nhận ông ta nói phải. Ngoài ông Cam tự nguyện nhận giúp ra, Philippe còn thuê mấy người dân quê khác đi tìm. Anh trả công họ thật cao, lại còn hứa nếu tìm được sẽ trọng thưởng.

Một tháng trôi qua vẫn chẳng thấy tăm hơi gì. Một buổi chiều, anh thấy một người nông dân cời trần đóng khố đến tìm. Anh ta gánh hai cái rổ, phủ rơm. Lại gần mới nhận ra đó là ông Cam. Ông ta bảo tìm thấy đầu thiếu tá rồi. Ông Cam bỏ rơm ra. Cái đầu lâu da đã bột bột biến hình, mắt bị chuột khoét, tai bị chuột gặm, nhưng Philippe vẫn nhận ra chủ. Có lẽ cái để Philippe nhận ra là mớ tóc. Mớ tóc vàng, dài xõa đến vai, mớ tóc nghệ sĩ độc nhất mà chỉ mình thiếu tá có trong khu Đồn Thủy. Ông Cam cẩn thận đã lượm về mớ tóc ấy. Philippe muốn ông Cam kể tỉ mỉ tình hình cho nghe, song ông ta không muốn nói, chỉ lặng lẽ nhặt mấy con đĩa từ lỗ tai cái đầu lâu chui ra. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc.

Ông bác sĩ của khu Nhượng địa phải pha dung dịch phóc môn đem ngâm cái đầu lâu trong khi chưa làm lễ an táng được.

Ông Cam chẳng nói gì nhưng những ngày đi tìm của ông thật khốn khổ. Ông Cam giả làm người đi đào hang bắt chuột. Ông đóng khố, vác cái thuổng trên vai, lưng buộc mấy cái đó, tay cầm mồi rơm phe phẩy. Những cánh đồng chung quanh khu Cầu Giấy đã trở thành những cánh đồng hoang, vì dân bỏ đi hết. Ruộng đất đã trở thành những khu rừng lau sậy. Phải nói đi tìm một cái đầu lâu trong bao la rừng lau sậy thật chẳng khác đi tìm kim đáy bể. Đất đai đã trở thành nơi trú ngụ của lũ cây cỏ. Người dân quê trong lúc loạn lạc đói khát đi bắt chuột để sống qua ngày không phải chuyện hiếm. Một tháng trời lẩn mò không hiệu quả cũng làm ông nản. Một lần, ông gặp một ông bạn cùng cảnh: Hỏi ông ta bắt có được nhiều chuột không. Ông ta không nói, chỉ gật đầu một tay bịt mũi, còn tay kia chỉ trở vào một khu ruộng rậm rịt. Khi ông ta đi khỏi. Cam mới vào khu lau sậy um tùm đó. Khi ông đến, một bầy chuột chạy tủa ra. Ông là người đi đạo nhưng cũng khấn:

- Ông Rivière ơi! Ông sống khôn chết thiêng thì đưa lối chỉ đường cho tôi tìm ra ông nhé!

Và thế là ông đã tìm ra đầu thiếu tá. Nhưng còn thân thì sao? Có tìm không? Hay là chỉ chôn cái đầu. Giám mục bảo:

- Thiếu tá là người anh hùng. Ta nên cố gắng tìm cho thi thể được toàn vẹn.

Cũng lại phải nhờ ông Cam mới tìm ra nốt thân thể thiếu tá. Ông ta nghĩ: "Kẻ tử thù thường hay bị vớt xác trôi sông, để đầu một nơi, thân một nẻo, để cho kẻ ấy không thể tái sinh trở lại dương thế làm điều ác nghiệt". Do những suy nghĩ ấy, ông vác dậm đi theo dòng sông gần đấy, ông thấy một đàn quạ đậu đen ngòm trên một cây gạo. Ông mừng rỡ, bởi vì lũ quạ là những con chim đánh hơi mùi xác chết giỏi nhất. Xác Henri cụt đầu dập dềnh trong một bụi cỏ lác ven sông.

Tháng 10 năm 1883, giám mục Puginier làm lễ cầu siêu cho thiếu tá Henri Rivière tại ngôi nhà thờ lợp lá, trên khu phố Truyền giáo.

Phần 3 - Chương 3

Cuộc nói chuyện quan trọng với ông đại tá của philippe Messmer có tính chất quyết định vận mệnh cuộc đời anh. Ông đại tá già nói:

- Phải suy nghĩ thật kỹ, vì tập đồn điền tức là xác định ở xứ sở Bắc Kỳ này lâu dài. Các quan chức, các nhà chính trị, nhà kinh doanh... đến một thời gian rồi lại đi. Chỉ riêng nhà thuộc địa đất đai (colon), những ông chủ đồn điền sẽ ở lại.

Philippe gật gù, nhưng anh không nghĩ ngợi lâu, bởi vì anh ưa sự mới mẻ, sự mạo hiểm. Anh thích kiểu người phóng khoáng quyết đoán như thiếu tá Henri Rivière. Anh nói:

- Chí tôi đã quyết. Tôi sẽ làm bằng được.

Viên đại tá cũng là con người nhiệt tình, cuồng tín với niềm vinh quang của tổ quốc, ông càng nói càng hùng hồn.

- Anh là con người mà nước Pháp tin cậy. Anh là người đã tham gia từ ngày đầu tiên trong công cuộc chinh phục. Anh đã chiến đấu từ thời khu Nhượng địa, rồi đánh nhau ở Lạng Sơn, rồi cả trong chiến dịch dẹp quân Đốc Ngữ. Thực ra, làm chủ đồn điền anh có lợi, mà nhà nước bảo hộ cũng có lợi. Anh phải có ý thức cao rằng người Pháp chúng ta làm chủ xứ sở này, tức là làm chủ về mặt kinh tế, chính trị và cả quân sự nữa. Khi nhà nước cho anh vùng đất ở đây, điều đó có nghĩa là nước Pháp đã cử anh làm đại diện quyền lực của nước Pháp tại đây

- Thừa đại tá, tôi hiểu.

- Phải học. Bây giờ phải biết làm chính trị và kinh tế. Muốn thế, phải có tay chân, có nhiều con mắt, có nhiều đồng minh.

Trong thời gian ở với thiếu tá Henri Rivière, anh hiểu muốn trụ lại ở xứ sở này, điều trước tiên phải dựa vào nhà thờ, điều thứ hai phải dựa vào những người bản xứ. Chỉ riêng việc đi tìm xác thiếu tá Henri Rivière, Philippe cũng hiểu vai trò người bản xứ giúp việc quan trọng thế nào. Đúng là mình rất cần một người thân tín bản xứ. Nghĩ đến đây, Philippe đã nhắm điểm lại những gương mặt bản xứ mà ông quen biết. Philippe đã có chủ kiến.

Tuy nhiên, việc đầu tiên ông làm không phải việc đi tìm con người ông đã nhắm tới, mà là việc đến thăm cha xứ Cổ Đình cũng có một nhà thờ nhỏ. Đó là một xóm nhỏ nằm tách riêng trông ra hồ Huyền. Cái xóm chỉ chừng ba chục nóc nhà nghèo nàn nhưng ăn ở trật tự ngăn nắp lắm. Giữa xóm có một con đường to, rồi từ đó tỏa ra hai bên những

ngõ nhỏ như hình xương cá. Con đường giữa xóm dẫn tới ngôi nhà thờ bằng gỗ lợp tranh, vách trát đất. Ngôi nhà thờ cao hơn mọi nhà chung quanh. Mặt là hồi nhà, trên đầu hồi có cây thánh giá bằng gỗ cao to để từ xa mọi người đã nhìn thấy.

Nhà ở của linh mục nằm phía sau nhà thờ. Một ngôi nhà ba gian xinh xắn quét vôi trắng, đằng trước có một giàn nho. Linh mục Colombert từ trong nhà bước ra đón khách. Đó là một ông già nhỏ bé râu tóc bạc phơ. Ông giang rộng hai cánh tay hơn hờ:

- Xin chào cố nhân! Được tin ông lập đồn điền ở đây, tôi vui mừng quá. Biết rằng người đồng hương thế nào cũng tới chơi.

Philippe ngạc nhiên vì sao ông già lại gọi mình là cố nhân. Ông cứ nhìn mãi ông già người Pháp nhỏ bé ấy, cuối cùng mới nhớ ra được đó là người phiên dịch cho thiếu tá Henri hôm họ vào thành Hà Nội đến thăm dinh quan tổng đốc. Philippe cũng hân hoan không kém.

- Mừng quá! Mừng quá? Ông là người giúp việc cho đức giám mục nhà thờ Kẻ Sở. Tôi chưa nhận ra vì ông để râu, và tóc bạc quá.

Ông già vẫn tươi cười:

- Tôi mới 54 tuổi nhưng do khí huyết nên tóc bạc nhanh quá!

Rồi ông già nói nhỏ vào tai Philippe:

- Thế ông có biết một giáo sĩ da trắng đến Đông Dương sống trung bình được bao nhiêu năm ở xứ này không?

- Làm sao tôi biết được.

- Chỉ có 5 năm thôi nhé. Họ không chịu đựng nổi sốt rét, kiết lỵ, dịch tả... Thế mà tôi sang xứ Bắc Kỳ đã 25 năm lại đã được 54 tuổi. Thật là điều đáng mừng.

Ông già rót hai cốc rượu vang. Họ chạm cốc, uống cạn một hơi rồi cười vang. Sự yêu đời, vui tính của ông linh mục làm những lo lắng lúc đầu của Philippe bỗng tan biến. Khi nghe Philippe trình bày mong muốn của mình, linh mục Colombert gật đầu:

- Ý định của ông tìm những người bản xứ để giúp việc là đúng. Và định tìm người bản xứ có đạo chứng tỏ ông có nhãn quan sâu sắc rộng rãi, bởi vì tổ quốc của chúng ta có bình định được xứ này hay không là phải nhờ vào mức độ công giáo hóa xứ này đến đâu. Một người công giáo sẽ không phản bội chúng ta. Tôi giới thiệu ông với ban điều hành giáo xứ. Cụ thể sẽ gặp ông chánh trưởng, một người bản xứ ngoan đạo. Phải nói không nhờ ông ta thì tôi không còn sống đến hôm nay.

Nhà ông chánh trưởng là ngôi nhà ngói cổ, mà người ở xứ này gọi là nhà bức bàn. Ngõ, sân, nhà, vườn tược đều sạch như li như lau. Tường người xa lạ, hóa ra cũng vẫn là người quen. Đó là ông trưởng Cam, con người đi tìm xác thiếu tá Rivière lúc hơn mười năm về trước. Cha xứ cười vang:

- Không nói trước, là để dành cho ông niềm vui thích bất ngờ khi gặp người quen cũ.

Ông trưởng Cam bây giờ đã bước vào tuổi già tóc đã bạc, gương mặt ông vẫn như xưa, thoát nhìn Philippe đã nhận ra ngay. Chỉ có một điều hoàn toàn khác: Đó là trước kia không bao giờ thấy ông ta cười, còn bây giờ ông rạng rỡ, tươi tỉnh, môi ông luôn nở một nụ cười nồng hậu. Đôi mắt của ông long lanh, cả đôi mắt ấy cũng biết cười.

Chủ khách vào ngồi trên bộ tràng kỷ. Ông trưởng Cam kể vắn tắt tình hình của mình:

- Tôi theo hầu đức giám mục đã ngoài ba mươi năm cho tới lúc người qua đời cách đây hai năm. Sau khi ông rời khỏi Hà Nội, đức giám mục dành bao nhiêu công sức cho việc

xây Nhà Thờ Lớn. Trước khi nhắm mắt người còn nắm tay tôi và bảo: "Sau khi ta chết, ông hãy về giúp cha Colombert. Được làm việc đạo cho đến hơi thở cuối cùng là niềm hạnh phúc to lớn nhất. Cầu Chúa ban phước cho mọi người".

Câu chuyện về đức giám mục Puginier làm không khí cuộc nói chuyện chợt như lắng lại. Cũng may, lúc đó bà chủ nhà chợt xuất hiện. Bà trưởng Cam từ nhà ngang bước lên pha nước mời mọi người. Philippe chợt ngạc nhiên đến sững sờ khi thấy người phụ nữ đó. Một thiếu phụ xinh đẹp mà ông ít gặp. Bà ta mặc chiếc váy đen và chiếc áo nâu, tất cả đều là lụa. Bà để tóc trần quấn quanh đầu. Đôi mắt to và dài. Đôi môi mỏng không tô điểm mà vẫn đỏ đẫm. Cái mũi dọc dừa xinh xinh, khác hẳn những chiếc mũi to thô mà ông vẫn thấy ở những người đồng hương của bà. Chiếc yếm lụa bạch, chiếc thắt lưng hoa lý, những thứ trang điểm rất bản địa, mà ông thường không thích, sao ở người đàn bà này lại thích hợp đến thế. Nó làm tôn cái vóc dáng thắt đáy lưng ong, cái vóc dáng rất chuẩn của người đàn bà mà từ đông sang tây đều ưa thích. Bà ta lại đi dép nữa chứ, cái thứ dép bằng gỗ sơn mài cong cong kỳ lạ. Trông bà ta như một bức tranh tổ nữ tô màu, một thứ màu sắc đậm bạc, nền nã nhưng vẫn nổi bật. Rõ ràng bà ta không phải một thứ người chân lấm tay bùn, những người nông dân nghèo khổ mà anh vẫn gặp. Philippe nghĩ: Bà ta có lẽ là con gái quý tộc. Về quý phái phương đông mà lần đầu tiên anh bắt gặp.

Cử chỉ của bà ta khác. Bà đưa những ngón tay dài thon cong cong, đặt từng chiếc chén đến trước mặt từng người với vẻ mặt tươi tắn nhưng đoan trang. Xong việc bà cúi đầu rồi lặng lẽ bước ra ngoài. Vị linh mục giải thích cho Philippe hiểu:

- Ở xứ này, người phụ nữ không ngồi tiếp khách. Bưng nước ra chào là cử chỉ tôn trọng khách.

Nhìn người đàn bà đẹp cao quý như Đức Mẹ rồi lại nhớ tới ông Cam ngày xưa đóng khổ tay cầm cái thuổng, tay cầm cái mồi rơm lặn lội đi tìm xác ông thiếu tá Henri Rivière, chợt Philippe nghĩ chắc người đàn bà này phải có một lịch sử đặc biệt chi đây. Ông Cam cất tiếng nói đã cắt dòng suy nghĩ của Philippe:

- Đức cha nói ông muốn tìm người giúp việc bảo đảm thân tín.

- Vâng.

- Thật không tiện khi phải giới thiệu người họ hàng thân thuộc của mình, nhưng tôi nghĩ cái đức tính thật thà chung thủy là cần nhất, nên mạnh dạn xin giới thiệu cháu tôi với ông.

Cha Colombert gật gù liên tục, mắt sáng lên:

- Ông Trưởng định giới thiệu anh Liễn phải không? Được như vậy còn gì bằng. Cậu ấy linh lợi tháo vát. Chính tôi đã dạy học cho Liễn biết chữ quốc ngữ. Cũng nói chuyện đơn giản bằng tiếng Pháp được. Đức giám mục lúc còn sinh thời có ý định đưa Liễn vào trường dòng để đào tạo lâu dài, nhưng lại thương cả dòng họ chỉ còn mình anh ta, nên lại thôi.

- Vâng, cháu Liễn năm nay hai mươi tuổi. Ông có thể hoàn toàn tin cậy ở nó. Nó là con độc nhất của người anh trai tôi. Bố nó đã mất rồi. Tôi có bổn phận gây dựng cho nó.

* * *

Philippe không ngờ mọi sự lại diễn biến thuận lợi đến thế. Thực ra, ông đã quen Liền từ mấy năm về trước, lúc anh còn là anh binh nhì trong đội quân mà người Pháp tuyển để đi dẹp quân khởi nghĩa được người Pháp gọi là giặc Đốc Ngữ. Quân Đốc Ngữ rất táo bạo. Họ đã huy động tới 500 nghĩa quân đánh úp đồn Chợ Bờ. Trận ấy Pháp thua to, nhiều sĩ quan Pháp bị chết. Khổ xanh, khổ đỏ chạy hết. Đang đêm, thiếu úy Philippe bị thương, may nhờ anh lính khổ đỏ tên là Liền dìu xuống bờ sông, rồi chèo thuyền cứu thoát. Thật cũng may, dòng sông Đà thác dữ, nước xiết, nếu không có Liền thì không biết tính mạng Philippe ra sao.

Sau trận ấy, Liền được thăng chức lên cai. Cai tức là hạ sĩ, một chức rất nhỏ nhoi trong quân Pháp, nhưng đó là vinh dự với một người lính khổ đỏ. Lúc đó Liền còn ở quê gốc, một xã ven biển Nam Định, anh đã xin nghỉ phép về quê để làm khao, tức là làm lễ mừng được thăng chức. Philippe đã về tận quê Liền dự. Buổi tối hôm ấy, Liền mời cả cô đầu về giúp vui. Một người đàn bà răng đen, khá xinh, gõ hai chiếc dùi lên một thanh tre bóng nhoáng, miệng hát chậm rãi ngâm nga ư ư... a a... Giọng hát lạ tai phức tạp, Philippe không hiểu hết, nhưng cũng khen là có tình ý. Rồi một người đàn ông gảy một chiếc đàn vuông, âm thanh trầm và đục. Một ông trung niên ngồi vắt vẻo chân chữ ngũ thỉnh thoảng lại gõ tom tom.

Philippe không ngờ những kỷ niệm ấy lại tạo bao nhiêu thuận lợi cho cuộc đời làm ông chủ của mình ở xứ thuộc địa này. Khi Liền biết Philippe còn là chỗ thân quen với chú Cam của mình từ xưa thì mối thân tình giữa hai người càng thêm keo sơn.

Liền chỉ mới hai mươi tuổi nhưng anh đã là một nhà nông giỏi. Liền bỏ ra hẳn một tuần, cưỡi ngựa đi cùng Philippe khắp vùng Cổ Đình. Họ đi thăm những khu ruộng nước, những vùng đồi mà Philippe chiếm hữu ở hai bên bờ sông Son.

Sau khi đã xem xét, tính toán kỹ lưỡng, Liền bảo:

- Như vậy, ông có khoảng một trăm mẫu ruộng nước, và hơn một nghìn mẫu vừa ruộng cao, vừa đồi. Việc đầu tiên, ta khai thác ruộng nước. Trước hết hãy thúc người phá hoang ruộng nước. Phá hoang xong, đem tất cả ruộng nước cho dân Cổ Đình cấy rẽ.

- Cấy rẽ là thế nào?

- Tức là đem ruộng cho dân thuê. Hoa lợi chia đôi, họ một nửa, ta một nửa.

- Ai quản lý việc này?

- Ta không quản lý. Thuê lý dịch làng Cổ Đình làm. Như vậy họ có lợi, sẽ gắn bó với đồn điền, còn ta thì rảnh. Ta nói tay một chút, bọn lý dịch sẽ hết lòng với quan Tây. Họ sẽ làm tai mắt cho ta.

Liền tỏ ra là người quản lý giỏi giang. Anh còn cho nuôi bò rẽ, cho trâu hai bên bờ thuộc khu vực đồn điền, và khai thác gỗ. Nói tóm lại, cái gì làm được ra tiền anh làm tất.

Ý kiến của Liền thật hay. Như vậy, Philippe vừa là một ông chủ đồn điền hiện đại, lại vừa là một nhà quý tộc. Ông ta vừa khai thác ruộng như một ông địa chủ An Nam, vừa như một ông tư bản phương tây. Nhà nước thuộc địa cho không ông mấy trăm héc ta đất, ông lại đem đất ấy cho nông dân bản xứ cấy thuê. Chưa cần làm gì mới mẻ, ông đã tự nhiên có vài chục tấn thóc và tiền hàng năm.

Philippe về Pháp bán hết gia sản cha ông để lại, rồi vay thêm tiền làm vốn để khai thác lớn.

Liền về tận Nam Định mộ phu đồn điền. Có mấy chục người theo anh lên Cổ Đình. Trong số người đó, Liền chú ý tuyển năm gia đình trẻ người đạo gốc. Thế là một xóm đồn điền hình thành, ở đó năm gia đình công giáo hợp thành một họ đạo nhỏ. Liền còn

ước mong từ năm nhà dần dần sẽ trở thành một xóm đạo đông đúc. Philippe tán thành tất cả những sáng kiến của Liền. Ông biết Liền đang tìm những người nòng cốt thân tín cho đồn điền.

Bây giờ, đi vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn trồng chè, trồng cà phê, giai đoạn chính thức để vùng đất này trở thành một đồn điền thịnh vượng. Philippe cũng đã thấy một số đồn điền thất bại. Ông hiểu rằng chỉ có cách quản lý đúng, kỹ thuật cao và phải đổ mồ hôi, rồi tiết kiệm ông mới mong thành công.

Phần 4 - Chương 1

HỌ VŨ, HỌ ĐÌNH

Làng Cổ Đình có hai họ nổi tiếng: họ Vũ, họ Đình. Mả nhà họ Vũ Xuân phát về đường hào lý: Chánh tổng, tiên chỉ, lý trưởng làng này đều nằm hết trong tay họ Vũ. Họ Đình Công thì nổi tiếng về đường đỗ đạt và cá tính ương bướng. Thời vua Minh Mạng, có một khoa thi mà cả ba cha con họ Đình Công đỗ liền một lúc: một cử nhân, hai tú tài. Thời đó cả làng rộn lên ca tụng: tam phụ tử tịnh đẳng khoa. Thời gần đây, nhà ấy còn có ông cử Lê và ông đồ Tiết. Thực ra, cùng lứa ấy nhà Vũ Xuân cũng có người đỗ đạt nhỏ, đó là cụ tú Vũ Xuân Cao. Còn cái cá tính bướng bỉnh thì trong làng người ta vẫn đồn câu: Cha Đốc, con Đề. Ý câu ấy muốn nói về chuyện cụ đồ Tiết đi theo cụ Đốc Ngừ còn hai người con thì theo cụ Đề đi đánh Tây rồi biệt tích.

Làng chỉ bằng cái bàn tay, nên hai họ nổi tiếng ấy có chuyện gì xảy ra, tức khắc có lời đồn ngay. Trăm mắt người ta đổ dồn vào mà. Vậy nên khi hai cha con Trịnh Huyền xuất hiện, lập tức có ngay xì xào. Không những người lớn đồn, mà trẻ con cũng đồn. Đám choai choai rĩ tai nhau:

- Nhà thằng Điều có con bé kháu đão để.

Trẻ mục đồng làng Đình thường đi chăn trâu bò chung với nhau. Đồi trọc nhiều, tha hồ trâu bò ăn, song cứ phải đi chung với nhau vì đất mênh mông, lũ trẻ mãi chơi có khi bò lạc còn có người giúp đi tìm. Nhà ông lý Cỏn có những hơn mười con, thường ngày vẫn do thằng Tũn thằng Tĩn đi chăn. Hôm nay, bà ba Cỏn cho hai đứa Tũn, Tĩn sang làng bên ăn cỗ, nên cất thằng Bòi và anh Cò đi chăn thay. Cò là con lớn nhất của bà Ba, năm nay 17 tuổi. Con cái ông lý Cỏn chẳng ham học, nhưng không hiểu sao lại nầy nòi một thằng bé sáng dạ và chăm học đến thế. Nó đã đậu bằng Prime (hết tiểu học) nói tiếng Tây được và suốt ngày cầm quyển sách trên tay. Học xong prime, Cò ra Hà Nội học. Nghe nói Cò học giỏi lắm.

Nay mai sẽ thi Đíp lôm. Hè nào, Cò cũng về làng ở hai tháng với bố mẹ.

Khi ra bãi thả trâu, Cò tách riêng một mình. Anh ra nằm dưới gốc một bụi sim đọc sách. Cò không chơi với đám mục đồng vì anh đã gần như người lớn. Vả lại, từ hồi anh ra Hà Nội học, hình như đã có một khoảng cách giữa anh và lũ trẻ. Đám mục đồng cũng ngại ngần chẳng thích gần anh.

Cò tập trung vào sách nhưng không tài nào đọc được.

Hôm nay, đám trẻ không chơi những trò âm ỉ như mọi ngày, chúng ngồi túm tụm với nhau nghe một cô bé hát. Cô gái có một giọng hát trời cho, véo von lạ thường. Đầu tiên, cô hát điệu hát Xá rộn ràng, câu hát về bà Chúa Thác Bờ.

Cảnh thanh xuân thiếu quang soi tỏ

Chúa Thác Bờ tiên nữ giáng sinh
Họ Mường, áo trắng, đai xanh
Lưng đeo xà tích, bên mình dao quai
Đôi mắt phượng, hoa cài, trâm giắt
Vàng trán xinh, vẻ mặt càng tươi
Môi son như đóa hoa cười
Thanh tân lịch sự, mắt ngời thụ ba.

Cò nghe nói có hai cha con người tỉnh Nam lên ở nhà cụ đồ Tiết. Người cha đánh đàn rất tài tình, và cô con gái có giọng hát rất hay. Tiếng đàn của người cha thì Cò đã vô tình được nghe. Còn giọng hát của người con, hôm nay Cò cũng lại ngẫu nhiên được thưởng thức. Cô gái đã chuyển sang một câu hát mộc mạc, một biến điệu của giọng Cờn trữ tình.

... Nón kinh vai quấy lẳng hoa
Khi vào Ba Dội, lúc ra Ninh Bình
Bóng hồng dừng đỉnh non xanh
Trắng in vẽ bạc, long lanh suối vàng
Cô rong chơi mười tám cửa ngàn
Ba mươi sáu động, sơn trang các tòa.

Ở Hà Nội, có lần một ông thầy đàn đã tấu khúc nhạc này là giảng giải cho anh nghe. Cờn là một điệu hát văn trữ tình đặc biệt. Người cung văn thường hát giọng này mỗi khi có các châu bà, các cô tiên nữ xinh đẹp loan giá về ngự đồng. Giọng hát đắm say, xao xuyến của cô gái vút lên, gây cho chàng thiếu niên cảm giác một bóng trắng trắng, mờ ảo đang chập chờn chon von trên một đỉnh núi cao. Hình như Cò thấy rừng mình. Sao lại vậy? Anh không hiểu. Mà cũng lạ! Hai cha con người đàn hát này có quan hệ gì tới anh đâu, cứ sao anh lại xúc cảm vì họ thế nhỉ? Phải chăng vì Cò là kẻ quê mùa, rừng rú, cho nên đã ra chốn phồn hoa thành thị rồi, nhưng cứ nghe thấy điều gì liên quan tới chốn sơn lâm là trong lòng lập tức lại xoắn xang máy động.

Cò nằm che quyển sách lên mặt ngẫm nghĩ. Câu hát này đang nói về một cô thị tì duyên dáng, người hầu cận trung thành luôn có mặt bên cạnh Mẫu thượng ngàn. Cô tiên nữ thị tì này dĩ nhiên xinh đẹp, phóng khoáng, nhưng chắc đồng đánh lăm. Cô gánh hai lẵng hoa mà rong chơi mười tám cửa ngàn. Người thiếu niên tự cười thầm với những ý nghĩ của mình. Những ý nghĩ bông lông, bông bênh... cái giọng hát đầm thắm của điệu Cờn Luyện, điệu Cờn biến điệu trữ danh... hình ảnh một người đàn bà xinh đẹp quấy hoa đi trên mây... tất cả trộn vào nhau mơ màng như một câu hát ru êm đềm kéo anh vào giấc ngủ... mong manh.

Chợt có tiếng dặng hắng. Giấc ngủ tan biến ngay. Đám hát đã chấm dứt tự lúc nào chẳng hay. Cò nhóm ngay dậy. Đứng trước mặt anh là một cô gái chừng mười bốn, mười lăm. Cô gái sắp dậy thì. Má hây hây. Đôi mắt đen láy, lóng lánh. Cô hồn nhiên ngồi xuống bên anh. Cò cất tiếng hỏi trước tiên:

- Lúc nãy, là cô hát phải không? Cô hát hay lắm. Cứ như người mẹ ru con.

Cô gái chần bò cười:

- Thế ư? Còn anh, đang đọc gì đấy?

- Đọc truyện.

- Có hay không?

- Hay!... Này, có phải cô đang ở nhà cụ Đồ?... Cô là con ông đánh đàn... có cái má...

Cò ngừng nói, lấy tay xoa xoa lên má mình, ý muốn nói tới nửa khuôn mặt kỳ dị của ông Huyền. Tuy mới chỉ nói nửa lời, Cò đã cảm thấy mình sỗ sàng quá. Thực ra, câu hỏi ấy cứ tự nhiên bật ra khỏi miệng. Chẳng hiểu tại sao. Ủ! mà tại sao anh lại chú ý tới một con người chẳng liên quan gì tới anh? Mà lạ thật! Tại sao một gương mặt lại có thể nửa đẹp nửa xấu? Những ý nghĩ ấy chỉ đột hiện rồi lại biến mất ngay. Cò thấy những ý nghĩ của mình thật vô lý, bởi vì trước mắt anh, cô gái tỏ ra rất hồn nhiên. Cô nói:

- Thầy em bị bỏng khi cứu nhà cháy. Cái nửa mặt ấy trông thế thôi... Thực ra, thầy em hiền lắm...

- Tôi hiểu chứ - Cò vội vàng nói như muốn xin lỗi.

- Tôi nghe tiếng đàn nguyệt của ông, tôi biết chứ. Tiếng đàn thật tuyệt vời. Đến lượt cô gái lại ngạc nhiên:

- Thầy em đã bao giờ đánh đàn cho ai nghe đâu?

- Chả là... Tôi đứng ngoài bụi tre nghe trộm tiếng đàn... - Cò hơi đỏ mặt, và vội vàng lái câu chuyện sang hướng khác - Tên cô là gì nhỉ?

- Em tên Nụ, nhưng ai cũng gọi là Nhụ.

- Nhụ... Nhụ... cái tên hay đấy.

- Sách nói gì?

- À, truyện bên Tây. Kể về những người khốn khổ.

- Hay nhỉ. Những người khốn khổ mà cũng viết thành sách.

- Có thích đọc không? Tôi cho mượn.

- Em không biết chữ.

- Tiếc nhỉ!

- Sao lại tiếc.

Cò ngẫm nghĩ rồi hăm hở:

- Nếu cô chịu khó, tôi sẽ dạy. Nhanh lắm!

Vừa đúng lúc ấy, Điều chạy lại, gọi giật giọng:

- Nhụ! Nhụ!

- Anh Điều gọi gì em?

- Lại đây! Lại đây! Đứng đây với của ấy.

Cò đứng dậy tức tối:

- Sao cậu lại bảo là đây.

- Thích thế đấy! Không đây là không đây.

Thằng Điều tỏ một thái độ rất sùng sộ. Tuy nhiên, Cò là người điềm tĩnh. Anh nuốt giận, không chấp, nhưng từ lúc đó Cò đọc sách, chữ không vào đầu nữa. Kể từ phút ấy, mặt Điều cứ hầm hầm. Có lúc cậu vặc vớ Nhụ:

- Không thích thì thôi. Ra đẩy với nó đi.

Nhụ âm thầm im lặng, Nhụ biết tính Điều. Cô không muốn chọc tức anh.

Chiều xuống, đàn trâu bò nối đuôi nhau về làng. Lũ súc vật đã no nê. Bọn trẻ mục đồng quần thừng quanh sừng trâu bò. Chả cần dắt, con nào cũng thuộc lối, chúng biết về đúng nhà mình. Có những cô bé, cậu bé suốt buổi đùa nghịch cũng đã thấm mệt, chúng nằm úp sấp người trên lưng trâu, hai tay hai chân giang ra ôm lấy mình con vật. Lũ vật đi đủng đỉnh lác lác làm chúng thấy buồn ngủ. Nhưng chợt chúng choàng cả dậy vì nghe thấy tiếng người cãi vã nhau. Hóa ra vẫn là chuyện xích mích giữa Điều và Cò. suốt dọc đường về nhà, thằng Điều gây sự, cạnh khỏe thằng Cò:

- Cứ ra về ta đây cậu ảm, ta đây kẻ chọc. Ôi dào! Mả nhà nó có táng vào cái bút cái nghiên đâu. Học cũng toi cơm thôi.

- Này, Điều, mày xỏ xiên ai đấy?

- Tao nói giữa đường, đứa nào cấm được tao... "Để rồi anh dạy cho em!". Học được mấy bò chữ mà ghê thế.

- Hãy ăn nói cho tử tế. Tao chẳng động chạm tới mày, mày cũng đừng nên động chạm tới tao.

Điều vênh mặt.

- Tao cứ nói đấy.

Thế là hai đứa xông đến trước mặt nhau. Lúc đó, ở ngay gốc đa đầu làng. Người đi làm đồng về rất đông. Cò hơn Điều hai tuổi. Nó lớn hơn nhưng lẻo khoẻo. Điều lam lũ từ nhỏ nên khỏe mạnh, lanh lẹ và dẻo dai.

Thằng Bồi bên anh Cò, hét tướng lên:

Họ Vĩ, làm chủ làng Đình

Họ Đình, mà rình cơm nguội.

Bọn trẻ thấy sắp đánh nhau, thích quá cũng phụ họa theo:

...

Họ Đình mà rình cơm nguội.

Thằng Điều hét lên, ứng khẩu trả miếng luôn:

Họ Vĩ là cú là cáo.

Họ Đình là dinh ông nghề.

Hai bên tha hồ tô vẽ cho mình và bôi xấu đối phương.

Rồi chửi nhau. Rồi ôm lấy nhau vật. Rồi đấm đá. Nhụ òa lên:

- Anh Điều ơi! Đừng đánh nhau nữa.

- Mày bệnh nó phải không?

Điều tức giận một cách vô lý. Nó như điên cuồng, vớ được cục gạch, ném vào ngực Cò. Thằng Cò nhớn hơn, không nỡ thẳng tay với Điều, nhưng bị trúng hòn gạch, đau, nó điên tiết đánh thẳng cánh. Nó thực mấy quả thật mạnh vào mặt thằng Điều. Máu ở mũi Điều chảy ra ròng ròng. Quệt tay thấy máu, thằng Điều vớ được chiếc đòn gánh của bà làm đồng phang túi bụi. Thằng Cò cũng vớ đòn gánh phang trả. Bà Ba Cỏ đi ăn cỗ về, thấy người đông nghịt ở gốc đa, liền chạy tới, tru tréo lên:

- Ôi trời ơi là trời? Cái gì thế kia?

Tưởng bà bệnh con, ai ngờ bà lại tự đâm vào ngực rồi đẩy thẳng Cò ra, sau đó bà mắng:

- Cò ơi là Cò! Sao lại nở thế hở con? Sao anh em lại đánh nhau? Sứt đầu mẻ trán ra thế này hở con?

Phần 4 - Chương 2

Nhà ông hương Ất là nơi tụ họp đám đàn ông đủ loại trong làng. Chủ yếu đám trung niên. Sở dĩ thế vì ông hương nghiện thuốc phiện. Xưa kia, gia thế cũng khá giả song cái bàn đèn đã làm ông dần sa sút. Tuy thế ông vẫn là người vai vế trong làng. Vai vế bởi vì ông là người họ Vũ Xuân. Vai vế, bởi vì bà vợ ông vẫn giữ chặt lấy một mẫu ruộng. Của hồi môn của bà đấy. Ông đồ ngon đồ ngọt thế nào bà cũng không cho bán. Bà bảo: "ông có giết tôi, tôi cũng không rời đâu. Bán đi thì mẹ con tôi đi ăn mày à?". Bà hương còn đưa chuyện này trình lên các cụ cao tuổi trong họ, nhờ các cụ giúp. Hương Ất tuy thế vẫn sợ các cụ trong họ một phép, vì rằng ông biết họ mà tấy chay, trừng trị thì ông hết đường. Ông cũng hiểu rất rõ ông còn được hương nọ hương kia, được cả làng vị nể cũng vì ông là người của họ Vũ Xuân. Khi cả họ Vũ Xuân vứt ông đi, tức là ông hết đời. Vả lại, tiên chỉ Nhậm, ông chú họ, là tay rất hách. Ông tuy là hương trưởng đấy, tuy đã ngũ thập đấy, nhưng tiên chỉ Nhậm mà đã ra oai là ông rụt vùi lại ngay. Hương Ất đành xoay sở kiếm tiền bằng cách cò con vạy thôi. Có mấy cách xoay tiền để hút. Thứ nhất: dân làng có đứa nào đánh nhau, cào mặt ăn vạ, thì ông sai ngay tuần đinh đắp chiếu vào thangka ăn vạ rồi để đấy ông để cho nằm đắp chiếu một ngày một đêm, để cho muỗi đốt no đủ, lúc bấy giờ ông mới xử. Thangka ăn vạ cũng chết, thangka bị ăn vạ cũng chết. Khôn hồn có vài hào bỏ ra, ông mới tha. Thứ nhì: làm thầy dùi kiện cáo, xui nguyên giục bị. Trong làng có nhà nào mục mã, anh em tranh nhau hương hỏa là ông thích nhất. Càng kéo dài, ông càng có thuốc hút. Thứ ba: dất dúi vài anh rừng mớ đến bàn đèn nhà ông tập hút. Lúc đó, họ cứ hút hai điếu là ông được một điếu. Thứ tư: lấy hồ đánh chắn. Tối nào cũng có một chiếu chắn ở cái phản một gian bên cạnh bàn đèn v.v...

Hương Ất là tay mưu mô có hạng. Có lúc, ông đã gãi nách sồn sột mà tuyên bố rằng: Bàn đèn nhà ông là trường học đào tạo tổng lý trong vùng. Cũng chẳng ngoa đâu, vì thời trẻ, ông đã liền mười lăm năm cấp tráp đi sau ngựa cụ chánh Thi bố vợ lý Cồn. Giấy tờ của cụ chánh Thi đều qua tay ông hết. Vì vậy, mọi mưu mẹo trong nghề hào lý, ông thuộc như cháo chảy.

Sáng nay, lý Cồn đến nhà hương Ất. Cồn kém tuổi hơn nhưng thuộc chi trên, nên là anh. Tháng nào cũng vậy, vào mồng năm đầu tháng, các bậc kỳ mục lại đến nhà hương Ất họp. Các buổi sáng ấy, những khách thường dân đều hiểu không đến nhà hương Ất.

Lý Cồn đến đã thấy một ông phó, ông trưởng bạ, ông Ký có mặt từ trước. Ngồi chưa nóng đít đã nghe thấy tiếng oang oang như lệnh võ ngoài ngõ. Một người cao lớn bước vào vừa đi vừa nói rối rít:

- Kính các cụ! Kính các cụ!

- Xin chào cụ quản Boong.

Ông ta tên thật là Bính, dân vẫn gọi là Bính Boong. Sau lại bỏ chữ Bính đi, chỉ còn giữ chữ Boong. Cái tên kêu coong coong như giọng nói của ông. Ông nghe mãi quen đi, chấp nhận cái tên ấy. Ông Bính Boong đi lính chào mào sang Tây hồi Thế chiến thứ

nhất. Có nghề này, nên về nước ông được phong chức quản. Ông làm quản tù tận Sơn La rồi về hưu.

Ông là dân ngụ cư, thứ dân bị coi thường nhất ở chốn thôn quê. Cũng vì bị coi rẻ nên ông đã đăng lính. Ở quê, xếp hạng thứ nhất là quan tước phẩm hàm, thứ nhì là hào lý, thứ ba là học trò. Như vậy, ra đình ông đã được ngồi vào hàng chiếu nhất rồi. Do vậy, mặc dầu biết bị bọn lý dịch cánh Vũ Xuân coi thường, nhưng ông không lùi. Buổi họp kỳ mục nào ông cũng có mặt. Vừa mới ngồi xuống phản, quản Boong đã hỏi lý Cồn:

- Ông Cồn ơi! Thế có chuyện gì mà thằng Cò nhà ông lại đánh nhau với thằng Điều nhà cụ Đồ? Khốn khổ! Nghe nói máu me tung tóe. Thằng bé nhà ông có việc gì không?

Lý Cồn chưa kịp trả lời thì tất cả đã đều đứng dậy. Người ta chào ngao nhao:

- Lạy cụ ạ!

- Cụ Tiên đã đến rồi ạ!

Tiên chỉ Nhậm đã đi vào đến giữa sân. Ông hương Ất bước ra thềm, hai tay xoa vào nhau rồi rít:

- Con chào ông ạ!

Tiên chỉ Nhậm cũng người họ Vũ Xuân, ở chi Lương. Về thế thứ, ông là chú của hương Ất.

Tiên chỉ Nhậm có tiếng là hách trong vùng. Lão vừa giàu lại vừa sang. Ngày xưa, cùng đồng môn với cụ Tiết, cụ Tú Cao, song không đỗ đạt gì cả. Thuở trẻ, ông Nhậm thử vận may ra Hà Nội làm ăn. Lấy được bà vợ hai giàu có Hai vợ chồng đang phát to, thì dùng một cái bà hai lần ra chết. Ông trở về làng tậu ruộng. Có trong tay hơn mười mẫu. Cái giàu đến thì cái sang cũng đến theo. Ông chạy được chân chánh tổng, rồi chạy được cả phẩm hàm Cửu phẩm bá hộ. Ông Nhậm có chữ, lại không rượu chè, cờ bạc gì, nên dân Cổ Đình nể sợ lắm. Ông đã giàu lại khéo léo, luôn nói lời đạo đức, thành thử quan tín nhiệm mà dân cũng tín nhiệm.

Mới trông thấy cái bóng ông từ xa, có thể nói người dân hàng tổng ai cũng nhận ngay ra ông. Béo tất phương phi. Nói năng đĩnh đạc. Luôn cười con ngựa trắng. Ông đặc biệt thích màu trắng. Quần trắng, áo dài trắng, cái ô cũng trắng. Chỉ có đôi giày Gia Định và cái khăn xếp là đen thôi. Đến thềm nhà, ông cụp ô, hương Ất ra đỡ lấy, móc lên cửa. Tiên chỉ Nhậm vào nhà, ngồi trên cái đệm cạnh bàn đèn. Chủ nhà pha trà mời. Ông uống một tách đặc quánh, chíp chíp cái miệng mấy cái rồi mới nói:

- Chắc các ông biết cái chuyện thằng Cò, thằng Điều đánh nhau ở đầu làng rồi chứ.

Quản Boong đế vào:

- Thừa cụ tiên, chuyện chỉ nhỏ bằng cái móng tay, nhưng máu me ghê quá. Ông Lý nên khéo khu xử. Kể cũng khó đấy, một đảng là con, một đảng cụ đồ Tiết trước đây lại là thầy học ông Lý.

Lý Cồn cau mặt:

- Làm gì có máu me, sao ông quản xé ra to thế. Được rồi. Việc này tôi sẽ khu xử.

Hương Ất gật gù:

- Anh ký Diệp nhà tôi vẫn nhắc nhở đừng để xảy ra như cái chuyện thằng Mường ngày xưa ấy.

- Lại anh ký Diễm

Lý Cồn và hương Ất vốn hay xích mích tuy cùng họ đồng tông với nhau. Có bận, hai ông đã to tiếng, sừng cò với nhau cả ở ngoài đình. Chuyện như thế này: Hôm ấy, có tiệc của các cụ kỳ mục, hương Ất ra muện. Lý Cồn nói đùa:

- Ông Hương hôm nay đến muện thế nhĩ Hay là... còn bận "lên tiên".

Các vị kỳ mục nghe thế cười ầm cả lên. Tích lên "tiên" do cánh trai tráng tuần đình nói ra. Ở cuối làng có quán bà đi Ong, dưới gốc cây gạo. Chồng bà đi Ong mắc ho lao, nhưng vợ lại để được thằng cu xinh đẹp đão đẽ. Ông Lý ra quán, bế thằng bé lên, hỏi tên nó là gì. Bà đi Ong bảo:

- Ông ấy là Ong, tôi định đặt tên cho nó là Bướm.

- Bướm hả? Con trai sao lại đặt là Bướm. Nghe nó tức cười. Hay thế này, tôi đặt tên hộ cho. Gọi nó là Điệp thì hay hơn. Nguyễn Văn Điệp. Đúng! Chữ nho điệp cũng nghĩa là Bướm. Bà đi Ong cảm cái ơn ấy nên để ông hương nhận Điệp là con nuôi. Ông hương không có con trai, chỉ độc mụn con gái, nên cũng khoái. Tiếng là nhận con nuôi, nhưng ông hương có nuôi Điệp ngày nào đâu. Thằng Điệp được cái học hành sáng láng. Bà đi Ong nuôi nó đỗ được bằng Sép phi ca. Ông hương đi đến đâu cũng khoe nhặng lên: Thằng Điệp nhà tôi đỗ bằng Sép phi ca, ngang như các cụ ngày xưa đỗ tú tài. Người làng vẫn ngờ cái vụ con nuôi này lắm. Đến mấy năm sau, ông chồng bà Ong ốm nặng, suốt ngày đêm trùm cái chăn chiến đờ nằm trên giường. Rồi một đêm, ông học ra một đồng máu mà chết. Các bà chép miệng:

- Khổ! Vợ thì cứ phây phây. Chồng lại ho lao thổ huyết. Chết là phải.

Cánh trai tuần đình cười hì và kể:

- Có phải lão thổ máu vì ham mê vợ đâu. Còn sức đâu mà làm.

- Lão ấy không làm thì đã có ông tiên làm hộ. Một đêm ông tiên mò vào nhà lão Ong, lên giường với mụ Ong. Lão Ong nằm ở giường bên cạnh đã ngủ thiếp rồi.

Lão tiên cùng mụ Ong ôm nhau ở giường sát bên, lấy cái chăn rách trùm lên người. Lão Ong đang ngủ cứ thấy bên giường vợ cực kịch. Lão bỏ chăn trùm đầu ra. Ánh ngọn đèn dầu lạc tuy mù mờ nhưng cũng đủ để lão trông thấy cái chăn rách cứ nhô lên, hụp xuống liên tục. Lão hỏn hển, định ngồi dậy bắt quả tang, thì lại nghe tiếng vợ lão rên lên ầm ầm:

- Sao thế này? Tôi lên tiên, ới ông tiên ới? Lên tiên!

Lão Ong tức quá, hét to, thế là học máu ra ồng ộc, ngã vật xuống chết tươi.

Một đứa hỏi:

- Ông tiên là ai trong làng nhĩ? Chẳng lẽ là cụ tiên chỉ?

-Mày ngu ới là ngu. Mày vu cáo cho cụ tiên chỉ là người đạo cao đức trọng trong làng, mày có muốn chết không?

Hãy nghĩ đi. Thằng Điệp là con của ai? Ông Ong ho lao như thế, một bữa ăn chẳng hết một bát cơm, liệu có thể ham hồ được không, liệu có thể có con được không? Mà tại sao thằng Điệp lại được nâng đỡ như thế. Riêng mình nó, được làng cho cấy hai sào ruộng học, thuộc loại nhất đẳng điền. Ở cái làng này, đi học, có ai được như nó không?

- Ừ nhĩ có thế mà em không nghĩ ra.

Mấy năm vừa rồi, quả là ông hương, lúc phân chia học điền, có chút ưu ái cho thằng Điệp thật. Mới đầu, người ta nghĩ Điệp là con nuôi hương Ất, nhưng đến nay thì người ta nghĩ khác hẳn đi rồi.

Lý Cồn nói "lên tiên" với hương ất chẳng qua chỉ là nói đùa. Ai ngờ hương ất nổi đóa lên. Lão nghĩ về lý Cồn:

"Cái thằng này, chính tay mình bày mưu tính kế cho, nâng đỡ vận động cho, mới được cái chức lý trưởng. Thế mà nay nó ăn cháo đá bát. Nó về hứa với bọn đầu trâu mặt ngựa nói xỏ mình".

Ông hương, ông lý lời qua tiếng lại, đi đến chỗ to tiếng ngay chốn đình trung. Cụ tiên chỉ Nhậm đến sau, thấy thế, quát to:

- Láo xược! Các anh không coi quốc pháp, gia pháp ra gì nữa sao. Anh lý, anh hương im ngay, lại đây tôi bảo... Thôi, tôi biết cả rồi, không phải kể dài dòng cho thêm xấu ra... Đến ngay, đứng trước mặt tôi...

Ông tiên chỉ, tay trái chống nạnh, tay phải cầm ba toong giơ lên. Ông ta thật oai vệ, thật hách. Lý Cồn, hương ất im re. Cả đám hào lý cũng im re. Ông lấy ba toong quạt cho hai người, mỗi người ba gậy thật đau rồi quát:

- Các anh về nhà ngay. Không được nói một lời nào nữa. Tí nữa về, tôi sẽ bảo.

Rồi cụ tiên chỉ quay ra, nói với mọi người:

Còn các cụ, các ông, tôi cũng xin đấy. Làng mình có lịch, có lễ. Những chuyện đồn đạo nhảm nhí như thế từ nay phải dẹp. Phải giữ lấy lễ nghĩa, trên dưới, phép tắc, nếu không thì làng ta loạn mất. Nhà nào nhà nấy phải bảo con bảo cháu, cấm tiệt chuyện ngồi lê mách lẻo, đồn đại nhảm nhí...

Sau bận ấy, làng im hẳn chuyện "lên tiên", song cấm là cấm nói chứ ai cấm được nghĩ trong bụng.

Cậu Điệp số son thật. Không hiểu bà đỡ Ông chạy chọt ra sao, cậu được lên huyện làm thư ký. Cậu con nuôi này vẫn được ông hương khen là người biết lễ nghĩa. Hàng tháng đều đặn, cậu vẫn quà cáp biểu ông hương bố nuôi một hộp đồng thuốc phiện. Và có chuyện gì trong huyện cậu cũng đều báo cho ông hương biết.

Hôm nay, khi lý Cồn nói câu "Lại anh ký Điệp", hương ất đã nóng tai định vặc lại, nhưng cụ tiên chỉ lườm lườm rồi nói:

Chuyện anh Mường năm xưa bên nhà cụ đồ Tiết, nói thực, ta giải quyết không ổn. Cụ đồ Tiết với tôi ngày xưa vốn là đồng môn. Gia đình họ Đình bên ấy cũng là nhà đáng nể. Tuy nhiên, tình là một nhẽ, lý lại là nhẽ khác. Ai cũng biết, trên tỉnh, trên huyện, người ta vẫn để ý tới nhà ấy. Mà không để ý đến sao được. Ông bạn đồng môn của tôi đi tù ở đảo Côn Lôn về cơ mà... Chuyện hai đứa trẻ đánh nhau tôi nghĩ không quan trọng. Cái quan trọng là ở chỗ khác. Ông lý nhỉ. Thế cái người cháu họ ngoại của ông đồ Tiết tên là gì nhỉ?

- Dạ, hần ta tên là Huyền.

- Họ đã đến gặp ông lý chưa?

- Dạ, cụ đồ đã dẫn đến, nhưng con đi vắng nên chưa gặp mặt.

- Đấy, tôi nhắc anh lý, chuyện ấy mới quan trọng.

Nghe đâu anh ta từ dưới Nam lên, định xin ngụ cư. Anh lý xem xét kỹ. Người ngụ cư cần phải xét kỹ, nhất là đến nhà ông đồ. Anh là người nhất lý chi trưởng. Việc xét không kỹ, phần trách nhiệm sẽ đổ xuống đầu anh. Là người cai trị dân, cần phải tinh vi ở những chỗ ấy. Tuy nhiên, cũng phải trấn tĩnh nhá.

Tiên chỉ Nhậm ăn nói thật chặt chẽ, thế mà lúc về ông còn nói riêng với lý Cồn:

- Anh phải dạy em chị Ba nhà anh. Hai đứa đánh nhau. Ừ thì mình là người lớn, đứng giữa can chúng ra, chuyện ấy không sao. Đẳng này, cô vợ anh đã không bênh con, lại còn đâm vào vai thằng Có mà than: "Con ời là con, sao mày đánh nó, không được đánh nó!". Hóa ra chị ta bênh người họ Đinh mà không bênh con anh. Lạ thật? Lạ thật?

- Thừa ông làm gì có chuyện ấy?

- Thì người ta mục kích tận mắt, về kể cho tôi.

- Thế hả ông?

Lý Cồn không về nhà vợ cả mà đến nhà vợ ba ngay. Ông kéo bà Ba vào trong buồng. Bà Ba nghĩ: "Quái! Mọi khi bao giờ cũng ban chiều. Hôm nay dờ chứng hay sao mà lại đòi vào lúc sáng". Bà Ba vào buồng, vội nằm lên giường, tốc váy lên. Lý Cồn xua tay lia lịa:

- Hạ xuống! Hạ xuống? Không phải chuyện ấy.

- Thế thì chuyện gì? Sao mặt ông hầm hầm thế kia?

- Không biết tội à?

- Tội gì?

- Tội mày to lắm.

- Chuyện gì thế không biết được?

- Thằng Điều... Thằng Cò...

- Tưởng gì. Tôi đã can chúng nó ra.

- Bà can, nhưng thực ra là bênh người họ Đinh.

- Dờ hơi? Can mà lại bảo là bênh. Điên rồi hay sao?

- Đúng! Tao điên đấy. Mày không được phép nghĩ đến người họ Đinh. Ông thì giết! Ông thì giết!

Lý Cồn run đôi tay. Bà Ba lùi bước cho đến sát tường.

Đã có mấy lần hấn như vậy. Nhìn thấy dáng điệu của lý Cồn, bà Ba vừa thấy thương, thấy tức, lại thấy sợ. Sợ là phải, vì hấn xông tới, túm lấy tóc vợ. Hấn thâm thì "Đứng yên". Rồi hấn lấy hai ngón tay cấu vào vú bà Ba. Ai dạy hấn cách hành hạ vợ như thế? Không biết được! Chỉ biết rằng, lúc ấy, hấn chỉ muốn xé cho nát hai cái bầu sữa của vợ, đôi vú mà cả làng Đình này đều cho là đẹp. Bà Ba kêu:

- Ối ối! bỏ ra! Bỏ ra!

- Cầm được kêu! Cầm hòng lại

Mắt lý Cồn đỏ ngầu, long sòng sọc. Đôi mắt làm người vợ sợ chết khiếp. Bà không kêu nữa. Nước mắt ràn rụa.

Bà rên. Bà Ba nghiêng răng chịu đựng. Lần này là lần thứ hai, lý Cồn đã hành hạ bà theo kiểu như thế.

Thường thì lý Cồn rất lạnh, lại còn biết âu yếm nữa.

Nhưng lúc này, hấn như có ma nhập vào. Hấn ghen đấy.

Nhắc đến người họ Đinh là hấn lên cơn như thế. Lần trước cũng vậy, hấn đã hành làm đôi vú của bà bị thâm tím. Đau gần một tháng trời mới hết. Lần này, hành hạ vợ xong, lý

Còn ngồi trên chiếc ghế dựa, thờ người ra, hai tay thống thượt. Còn bà Ba, bà nằm nghiêng trên giường, tóc xỏ tung. Hai tay ôm mặt, bà khóc thút thít.

Phần 4 - Chương 3

Họ Vũ Xuân là một họ to, danh giá trong làng Đình.

Vũ Xuân Cồn, ngoài chức lý trưởng, còn là trưởng họ Vũ đời thứ 20. Trưởng họ đời thứ 19 là Vũ Xuân Cảo, bố ông Cồn. Dưới ông Cảo còn có hai người em. Ông em thứ nhất là Vũ Xuân Cao, đỗ tú tài nên dân làng vẫn gọi là ông tú Cao. Ông tú trước kia ở Hà Nội, sau khi gả chồng cho cô con gái độc nhất, đã trở về làng. Cụ tú Cao là người đỗ đạt, tính tình ôn hòa, lại có nghề bốc thuốc nên được dân làng quý mến, trọng vọng. Ông em thứ hai của ông Cảo là Vũ Xuân Nhân, chỉ làm nghề buôn bán thôi, nhưng trước kia cũng học cả chữ nho, cả chữ quốc ngữ, dân làng coi trọng nên phong cho ông là ông ký Nhân, mặc dù ông chưa làm thư ký bao giờ. Thì cũng như người bán rượu ty, người ta gọi là ông ký rượu; hay người mở cửa hàng bán sách vở trên huyện, người ta gọi là ông ký sách.

Cái bệnh thèm làm quan, thèm danh, thích phân chia ngôi thứ ấy là căn bệnh cố hữu ở người Nam đã từ nhiều đời ông Vũ Xuân Cảo, bố ông Vũ Xuân Cồn cũng như vậy. Người ta gọi ông Cảo là chánh Cảo, thực chất là chân chánh hương hội mua. Làng bán chức chánh hội để lấy tiền sửa đình. Ông Cảo chắt bóp cả đời mới được bảy mẫu ruộng. Chẳng lẽ cứ làm anh bạch đình, làm bố cu mẹ ấi suốt cả đời hay sao. Giàu mà chẳng chút chức tước gì dân làng sẽ khinh. Do đó, ông đành bán đi hơn mẫu ruộng mua chức chánh hờ.

Ông Cảo là người anh cả gương mẫu thuở xưa. Cha mẹ mất, ông cáng đáng nuôi hai người em. Năm ông Cao mười lăm tuổi, ông Cảo cưới vợ cho em và giả nó ba sào ruộng mà bố đã dặn dò khi mất. Cao lấy con gái cụ tú Đụp. Cụ tú Đụp sinh con một bề nên cố gây dựng cho con rể. Thấy Cao mặt mũi sáng sủa, cụ nghĩ "thằng này học được"; cụ cho con gái hai sào ruộng, và bắt con đầu tấi mặt tối lao động trên năm sào ruộng đó, để nuôi chồng ăn học, dù ăn đói mặc rách cũng cam chịu vất vả cho chồng đỗ đạt. Cao học đêm học ngày. Ông tú Đụp vừa là bố vợ, vừa là thầy học. Ông như con tằm cố rút ruột nhả tơ, truyền hết cái sở học mong cho con rể nổi được cái ước mơ khoa bảng mà cả đời ông theo đuổi nhưng không đạt được. Tiếc thay, Vũ Xuân Cao sáng láng thế, cố gắng thế, nhưng cũng chỉ đỗ tú tài như ông. Điều rủi ro tiếp theo, đó là nhà nước thuộc địa bãi bỏ nho học, bãi bỏ thi hương. Cụ tú Đụp suy sụp, chán nản vì nho học đã đến lúc tàn, lại càng buồn vì sinh con một bề. Tất cả hy vọng ông đều dồn vào con rể, nay con rể bỗng bị tuyệt đường tiến thủ; cụ tú Đụp nghĩ ngợi quá lâm bệnh rồi qua đời. Ông tú Cao cũng buồn đời, cùng vợ chuyển nhà ra Hà Nội làm nghề bốc thuốc. Ở Hà Nội có ông em là Vũ Xuân Nhân, ông này được ông chú họ nuôi và gây dựng cho ông theo Tây học. Ông cũng chỉ học dở dang trung học, nhưng cũng đủ trình độ đi làm kế toán cho hãng bia Ô Mền. Dân ta không phân biệt nghề nghiệp tử mỉ, nên cũng gọi luôn là ông ký Nhân.

Ở Cổ Đình, khi đó, chỉ còn lại một mình ông anh cả Vũ xuân Cảo, ông là người chân quê đặc. Chăm chỉ mưa nắng, chắt bóp hà tiện, đó là đặc tính của ông. Bà vợ ông Cảo cũng là người khỏe mạnh, làm lụng giỏi giang, chịu đói chịu khát chẳng kém gì chồng. Khi đầu hai vợ chồng chỉ có hơn mẫu ruộng. Có thể no đủ đấy, nhưng hai vợ chồng quyết chí gây dựng cơ đồ. Họ hà tiện đến mức keo kiệt. Cả một đời, ông bà chỉ ăn cơm độn cùng với dưa cà.

Ngoài ngày tết, ông bà chưa hề ăn cơm trắng bao giờ. Ngày thường, chỉ trừ lúc kiếm được con cua, con tép ngoài đồng, chưa khi nào ông bà bỏ tiền ra mua thịt cá. Chắt bóp dành dụm được đồng nào, ông bà Cảo lại đem tậu ruộng. May mắn trúng mùa năm năm liền, ông bà Cảo đem số thóc dôi dư cho vay lãi. Lãi mẹ đẻ lãi con. Cái may mắn cứ nối nhau chảy về nhà ông như nước chảy chỗ trũng. Chẳng mấy chốc ruộng nhà ông đã đến bảy mẫu.

Giàu đến thế rồi mà mở nồi cơm nhà ông ra, không khi nào thấy màu trắng, chỉ thấy màu vàng rục của ngô độn.

Ông Cảo có hai con trai: Cồn và Tèo. Vũ Xuân Cồn là con người khác hẳn cha. Cồn được học chữ thánh hiền với cụ đồ Tiết. Sau đó lại học cả chữ quốc ngữ. Cồn không to lớn lực điền như cha, giống mẹ, vóc dáng loắt choắt, nhưng tinh ma có hạng. Xuân Cồn nghĩ bụng: Cha mình chẳng qua chỉ là anh thợ phú, giàu mà khổ, suốt đời bóp mồm bóp miệng. Cồn bảo phải giàu nhưng phải sướng. Cồn cương quyết không làm giàu bằng cách chắt bóp, anh muốn làm giàu bằng con đường danh giá. Một hôm, Cồn bảo cha:

- Thầy ạ, con định bán đi hai mẫu ruộng, chạy chân lý trưởng.

Ông Cảo rên lên:

- Mày xem gương bố đây. Bán đi hơn mẫu ruộng để được gọi là ông chánh nhưng có nước non gì đâu.

- Đây là cụ đại, mua thứ danh hão. Con nói thực, chức chánh của bố có cho con cũng chẳng thèm. Con mua là mua chân lý trưởng thật hạt. Lý có quyền hẳn hoi. Ông Cảo lắc đầu:

- Nhưng mà tốn kém quá. Ngày xưa ta chỉ chạy mất một mẫu, còn bây giờ mày chạy chọt phải mất những hai mẫu rưỡi.

-Đắt, nhưng là của thật. Đắt nhưng mà có lợi thật.

Ông Cảo vẫn không bằng lòng:

- Mày có biết mua một mẫu ruộng, tao mất bao nhiêu mồ hôi không, phải chịu khổ cực đói rách mất bao nhiêu năm không? Mày là thằng phá gia chi tử.

Lúc đó, ông Cảo đã ốm yếu rồi; quyền chi phối gia đình nằm cả trong tay Vũ Xuân Cồn. Mặc cho cha phản đối, Cồn vẫn tìm đủ mọi cách bán ruộng để được ra là lý trưởng. Cũng thương thay cho ông Cảo, chỉ vì tiếc hơn hai mẫu ruộng, bệnh ông nặng lên rồi chết.

Cồn rất lanh lợi tinh ranh. ông luồn lọt lập được quan hệ với huyện, với tỉnh. Đối với dân làng, ông chăm chút nhưng lại luôn tỏ ra mềm dẻo không cạn tài ráo máng nên làng cũng chẳng đem lòng ghét. Chỉ bốn năm sau khi làm lý trưởng, Cồn đã tậu lại đủ số ruộng ông bán.

Hôm giỗ bố, Cồn đem văn tự hai mẫu ruộng đặt lên bàn thờ rồi khấn:

- Thầy ơi? Con là thằng bất hiếu đã làm thầy đau lòng trước khi chết. Những tờ giấy này chứng tỏ rằng con nghĩ không sai. Con hứa sẽ dạy dỗ lũ con để chúng cũng biết quý ruộng như thầy. Và chúng sẽ phải biết sống như thế nào để số điền sản nhà ta ngày càng nhiều thêm...

Vũ Xuân Cồn đã làm đúng như lời hứa trước vong linh ông bố. Quả thật, cách làm giàu của hắn bài bản hơn và nhanh hơn bố. Có mấy khoản thu nhập. Khoản thứ nhất là khoản lúa tô ruộng cho cấy rẽ. Khoản thứ hai của lão là cái triện. Ai cần bán ruộng, bán

nhà, đi kiện... Nói tóm lại ai cần đến cái triện của lão đóng vào tờ giấy thì xùy tiền ra. Rồi còn tiền chấm mút vào ruộng công, thuế má... Lão khôn lắm, tùy mặt mà đối xử. Làm sao người ta mở hầu bao ra mà vẫn không oán hận. Người cùng quần quá thì đừng đẩy người ta đến chân tường... Khoản thu nhập thứ ba của lão nhờ vào việc lý Cồn đứng ra làm quản lý gần một trăm mẫu ruộng của đồn điền Messmer. Cồn đem số ruộng ấy phát canh cho dân làng. Đến vụ thu hoạch, lão thu tô nộp cho đồn điền. Trong việc này, lão cũng theo cách của mình: nới tay một chút. Của người phúc ta. Tội gì riết róng để mang thêm oán thù. Như thế, lợi đơn lợi kép. Ở giữa được ăn hoa hồng. Đồn điền cảm ơn, vì công việc trôi gọn đỡ phức tạp. Dân làng cũng cảm ơn vì sự nường nhẹ của lý Cồn.

Số của lý Cồn, có thể nói, son hơn ông bố nhiều. Họ Vũ có một bà tổ cô lấy chồng bên đạo. Đó là bà vợ ông trưởng Cam. Ông trưởng qua đời; Lý Cồn sang bên xóm đạo rước bà về phụng dưỡng. Lý Cồn nói với cha xứ Colombert:

- Thừa cha, người Nam chúng con khi đã già, thường muốn về ở gần với tổ tiên.

Cha Colombert không cho là phải, bởi vì bà tổ cô đã nhập đạo Thiên chúa. Mà là người công giáo thì ở gần Chúa quan trọng hơn là ở gần tổ tiên. Bà tổ cô bảo cha xứ:

- Xin cha thương mà nghề cho sự cô đơn của tôi. Tôi không có con. Ở đây, ông ấy chết đi, tôi không có người ruột thịt chung quanh. Anh Lý đây là người được nhà nước tin cậy. Ở bên ấy, tôi có con cháu hàng đàn, hàng lũ Tôi sẽ bớt cô quạnh hơn, và lại còn có người săn sóc.

Nghĩ đến sự cô đơn của bà lão, cha Colombert đành ưng thuận. Thực ra, lý Cồn đón bà về hoàn toàn do danh dự, do sự sĩ diện dòng họ. Cả họ Vũ rất tôn sùng bà tổ cô. Nay bà cô đơn như thế, lý Cồn lại giàu sang như thế, ông ta đón bà về là phải. Lý Cồn cũng không nghĩ đến và không ngờ rằng bà tổ cô về nhà ông lại đem cho ông thêm mấy mẫu ruộng. ông cứ tưởng bà về nhà mình, thì ruộng đất của ông trưởng Cam sẽ sung vào nhà thờ. Cha Colombert là người chu đáo. Hôm giao giấy tờ ruộng cho lý Cồn, ông cha xứ nói:

- Bà cụ già rồi. Đáng lẽ bên đạo chúng tôi lo. Song chiều theo ý của cụ, chúng tôi để cụ về gia đình. Tuy nhiên, cụ cần được chăm sóc chu đáo. Cụ không cần phải nhờ vào tiền bạc của con cháu, bởi vì cụ vẫn còn mấy mẫu ruộng.

Do chuyện bất ngờ này, lý Cồn có thêm ba mẫu ruộng.

Và hơn chục năm sau, số ruộng của ông ta lên tới ba mươi mẫu. Bây giờ, lý Cồn là người giàu nhất làng. Cái lẩm thóc của lý Cồn bây giờ không phải nhỏ. Nó đã là tòa nhà nằm gian lợp ngói. Người ta bảo kho nhà lão lúc nào cũng phải có tới ba nghìn thúng thóc.

Ông hương Ất có lần bảo:

- Em xin bái phục ông bác rồi đấy. Bác ít tuổi hơn em mà giỏi thật. Chăn dắt dân làng ta ngọt như mía lùi. Mà gia sản thì phát lên đùng đùng. Lý Cồn khiêm nhường:

- Ấy là cũng nhờ vào phúc ầm tổ tiên, cũng nhờ vào uy danh họ Vũ nhà ta. Chú có biết không, cái bận tôi và chú bị cụ tiên chỉ đánh cho mỗi người mấy cái ba toong, tôi và chú chẳng dám cãi, im thin thít ra về. Cứ nghĩ là mất thể diện, hóa ra lại có thể diện. Sau bận đó, dân làng lè lưỡi Họ bảo: ông lý ông hương, họ người ta cũng dám đánh ba toong giữa đình. Xem ra họ này có trên có dưới. Không đùa được với họ Vũ Xuân đâu.

Lý Cồn cười nụ, có vẻ khoái chí. Hương ất nửa nạc, nửa mỡ:

- Bác nói thế vẫn thiếu. Phải nói rằng bác oai lên còn phải nhờ vào cái bàn đèn nhà em nữa chứ. Trường học tổng lý là nơi đây mà.

Lý Cồn gật gù:

- Thực ra, chỉ nhờ vào đôi chút thôi.

- Thì ai chả biết, cái chính là do bác khôn ngoan. Nhưng này, em bảo, làm tay cự phú, quyền khuynh thiên hạ, mà không biết chơi với nàng phù dung tiên tử thì xoàng lắm.

- Ấy chết? Cái gì chứ cái đó thì tôi xin kiếu.

Hương ắt muốn dụ lý Cồn hút thuốc phiện. Lão tinh quái lắm. Lão muốn dùng cái bàn đèn để dụ phần thể lực, và nếu có thể, khuynh loát được lý Cồn thì tất quá.

Nhưng lý Cồn không chơi. Mặc dầu vậy, thỉnh thoảng Cồn cũng cho hẩn hộp thuốc ty hoặc ít tiền. Lý Cồn đời nào chịu sự chi phối của ai. Hẩn chi phối hương ắt thì có. Hẩn biết, đối với kẻ nghiện, chỉ thuê dăm đồng bạc việc gì hẩn chẳng làm theo.

Ông thầy tướng xem cho lý Cồn bảo rằng số hẩn đa thê. Phải năm bà vợ là ít. ông thầy nói càng nhiều vợ, hẩn càng giàu thêm. Lý Cồn dự định sẽ có năm vợ, nhưng hiện nay mới chỉ có ba bà.

Người vợ thứ nhất do bố cưới cho. Con nhà giàu có, danh giá hẩn hoi. Bố cô ta làm chánh tổng. Bà hơn chồng bốn tuổi. Con nhà tổng có khác. Ông chồng bận việc làng việc nước, tất cả việc nhà đều do một tay bà quán xuyến hết. Bà chỉ huy việc ruộng nương. Bà Hai, bà Ba, người làm, người ở trong nhà đều sợ bà một phép. Tuy nhiên, bà là kẻ cả, là người rộng lượng, không chấp những chuyện lật vặt vì thế, lý Cồn nể bà lắm. Tuy cứng tuổi hơn chồng, nhưng bà cũng sinh cho ông hai con trai: Long và Ly. Ông định có với bà bốn con cho đủ số tứ linh: Long, Ly, Quy, Phụng; nhưng bà chỉ để với ông hai đứa rồi thôi luôn.

Người vợ thứ hai là đào hát. Người xương xương, nhỏ nhắn. Người đàn bà nỡn nà xinh đẹp, ăn nói khéo léo, biết chiều chồng, khéo ăn ở với người xung quanh. Bà hát rất hay, ăn mặc đằm dáng nên được ông Cồn yêu quý nhất, quanh năm suốt tháng ông chỉ ở với bà. Ông thầm chê bà cả chỉ biết chém to kho mận, bà Ba thì ăn xó mó niêu, riêng có bà Hai mới biết đem lại cho ông cái lạc thú của sự ăn uống; cách nấu nướng của bà Hai vừa có cái nhuan nhị của chốn quê, vừa có cái tinh tế, cảnh vẽ của người thành thị. Lý Cồn khác hẩn ông bốn điểm này. Bà Hai chỉ để được cho ông mỗi một cậu con trai. Bà thêm để thật nhiều con với ông, nhưng trời không cho. Ông đặt tên cho cậu quý tử là Tùng (trong tứ quý Tùng, Cúc, Trúc, Mai).

Bà Ba, ông Lý lấy được, rất ngẫu nhiên, âu cũng là duyên trời. Có một người trong làng nợ ông hai chục thùng thóc, người này đem con gái gán nợ cho ông. Cô ta mới mười bảy tuổi. Cô trắng một cách lạ lùng, trắng như cục bột. Một cô bé hầu như ông chưa bao giờ biết tới, nhưng về sau ông lại chú ý dò hỏi để biết hết về cô. Cái tên cũng thật buồn cười: cái dĩ Váy. Cô bé có gương mặt tròn vành vạnh, vai cũng tròn, những bàn tay thì bụ bẫm như tay trẻ con. Đôi mắt ối ối, hừa hẹn sẽ rất to và tròn.

Lấy về, ông Cồn bắt dĩ Váy phải mặc quần, nhưng ông cứ ra khỏi nhà là dĩ Váy cởi quần ra ngay, rồi lại mặc váy vào. Cô bảo rằng mặc quần vừa vướng, vừa rậm, vừa nóng. Còn bảo rằng mặc váy nó thơi thới, thoải mái, mát mẻ. Bất mãi không nổi, ông lý Cồn đành chịu thua để cho cô mặc váy. Điều này làm ông bức mình, bởi vì mặc váy trông quê mùa quá. ông bảo: "Vua Minh Mệnh ngày xưa ra chiếu chỉ bắt con gái phải mặc quần, cũng có cái lý của nhà vua chúa. ông thấy mặc váy không đẹp, nên tất cả đàn bà con gái nhà ông đều mặc quần tuất.

Kể thì không hợp mắt lý Cồn, song cũng có sự thuận tiện. ông thấy cô gái còn trẻ măng ấy cũng xinh xinh và hay đáo để. Ở cô gái, ông chợt tìm thấy sự săn chắc, sự hùng hực ngút ngát của tuổi trẻ mà ông không tài nào tìm thấy được ở bà Cả và bà Hai. Điểm yếu

của cô Váy là không biết nấu nướng, không biết chiều chuộng, vì thế cho nên rất hiếm khi ông ở lại nhà cô trọn một đêm. Chỉ có vào buổi chập tối, ông thường tạt qua căn nhà riêng ông làm cho cô. Khi đến, ông kéo ngay cô vào buồng, đóng chặt cửa lại, bảo cô lên giường. Ông tốc ngay váy cô lên, và làm hùng hục một lúc, thế là xong.

Điều ngạc nhiên là cô dĩ Váy rất mắn. Cứ năm một sòn sòn, cô đẻ một mạch cho ông bốn thằng con trai, một đứa con gái. Bà Ba đã làm thỏa ước nguyện của ông. Bốn con trai ông đặt tên theo tứ thời; nghĩa là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Còn đứa con gái thì đặt tên là Đào (Đào, Mai, Lan, Cúc). Tuy nhiên, bà Ba cũng lại không gọi tên con bé theo ý ông, mà cứ khẳng khẳng gọi chúng nó theo kiểu của bà. Bà bảo rằng gọi tên con văn vẻ, đẹp quá, thần thánh hay ma quỷ dễ chú ý mà bắt đi. Còn bảo rằng đặt tên xấu xí tất hơn. Tên xấu xí chẳng ma nào để ý, sẽ dễ nuôi hơn. Bốn đứa con trai bà đặt tên cho chúng là: thằng Cò, thằng Tùn, thằng Tĩn và cuối cùng là thằng Bồi. ông lý Cồn vừa bực, vừa ngượng với dân làng, nên mắng bà ầm ầm. Song cũng như chuyện mặc váy, ông vừa ra khỏi nhà là bà lại gọi chúng theo cách của bà. Bà sống thường ngày với lũ trẻ, chứ còn ông mấy khi ở bên cạnh chúng; thành thử ông không muốn nhưng cả làng đều gọi lũ trẻ theo cách của bà. Dĩ nhiên con bé Đào, bà Ba cũng đặt tên là cái dĩ Váy con. Ông Cồn cuối cùng đành chịu thua. Ông tặc lưỡi: "Thì bố mình ngày xưa cũng đặt tên mình là Cồn. Cái tên ấy cũng chẳng hay ho gì Thế mà mình vẫn thành người danh giá đó sao?".

* *
*

Ông tú Cao, ông ký Nhàn, hai người chú ruột của lý Cồn ở Hà Nội, làm ăn cũng khá khá.

Ông ký Nhàn làm cho hãng nước ngọt, lương khá cao. Đã thế, bà vợ lại được hãng cho phép mở đại lý bán bia và nước giải khát, rồi lại trúng thầu bán cho nhà binh. Tiền của chảy vào nhà ông như nước. Cậu con trai thứ nhất học trường Bưởi. Cậu con trai thứ hai học trường tây. Nghỉ hè, hai cậu về quê, gặp chủ đồn điền Messmer, liền nói chuyện lau lấu bằng tiếng Tây với lão. Cả làng Đình phục hai cậu con trai họ Vũ Xuân như hai bậc thần đồng.

Ông tú Cao mở hiệu thuốc bắc ở Hà Nội không giàu có như ông em, song cũng khá. Ông Tú chỉ có độc nhất cô con gái tên là Nguyệt. Cô Nguyệt xinh đẹp, hiền thực mà lại đảm đang. Có bao nhiêu ông tham, ông phán rắp ranh song cô không chịu lấy ai vì cô rất thương cha, sợ rằng mình lập gia đình ông Tú sẽ khổ.

Đùng một cái, người ta lại được tin cô nhận lời thành hôn với ông đốc tờ người Pháp Alexandre Néré. Lạ thật! Người ta lắc đầu chịu không hiểu nổi. Bởi vì cụ tú Cao là người theo nho học, một con người nghiêm khắc, gia giáo có tiếng. Người Việt từ xưa đến nay vẫn khinh bỉ những ai gả con gái cho người nước ngoài. Đến lấy chồng là chú khách còn bị coi khinh, nữa là lại lấy tây. Ai có thể ngờ cô Nguyệt lại là mẹ tây. Câu chuyện thật lạ đời. Hay là cụ tú tham giàu sang, quyền thế. Chuyện đồn ầm về đến tận làng Đình. Đó là đầu đề cho lời đàm tiếu. Người ta xì xào chê bai, cho rằng cụ Tú là nhà Nho mất gốc.

Mãi về sau, mọi người mới biết cụ Tú gả con cho Tây cũng do cái sự nệ cổ, do cái tính trọng ân nghĩa của nhà Nho mà ra. Cụ Tú mắc bệnh hiểm nghèo, nằm kề cái chết, phải có một bác sĩ phẫu thuật giỏi mới chữa được. Chính ông đốc tờ Alexandre Néré đã tận

tâm làm việc đó, ông là người cải tử hoàn sinh cho cụ. Cảm ơn sự cứu mạng đó, nên khi thấy Alexandre quyến luyến cô Nguyệt và ngỏ lời xin cưới cô, cụ Tú đã vượt ra khỏi sự nệ cổ, vượt ra khỏi những thành kiến cổ truyền, cụ đã đem cô con gái độc nhất của mình gả cho người bác sĩ Tây ngoại quốc đó.

Hôm ông đốc tờ đánh chiếc xe hơi màu đen bóng lộn về làng, đó là sự kiện lớn lao đối với dân cổ Đình. Thằng cu Bồi, con bà Ba, được cất cửi ra canh chiếc xe hơi đậu ở gốc đa đầu làng. Thằng bé vênh vang, đầu nghênh cao, tay chấp sau đít, ngực ưỡn ra, đi lại như con gà chọi. Chung quanh chiếc xe, lũ trẻ con trong làng đứng vòng trong vòng ngoài ngắm nghía. Hễ có đứa nào đến gần cái xe, là thằng Bồi thét oang oang:

-Ê, thằng kia, lùi cách xa ba bước. Đứng xa, tha hồ mà ngắm. Đến gần, nhỡ xước xe nhà tao.

Điều ngạc nhiên đối với dân Cổ Đình, là ông Tây Alexandre này rất tôn trọng tục lệ làng xã. Đầu tiên, ông đem lễ ra đình để kính cáo với thành hoàng làng, sau đó có lời với các vị kỳ mục và bô lão. Tiên chỉ Nhậm gật đầu:

- Cháu làm thế này là rất đúng, rất quý hóa. Làng nước ta từ nay nhận cháu là người dân của làng Cổ Đình rồi. Làng rất hãnh diện có được người con rể đốc tờ kỳ tài.

Các cụ hỉ hả:

- Cứ tưởng ông ta hách dịch. Té ra ông Tây này cũng là người biết lễ nghĩa.

Lý Cồn đưa Alexandre đến nhà thờ đại tôn của họ Vũ Xuân để dâng lễ kính cáo tổ tiên. Cuối cùng, ông dẫn Néré trở về nhà trường, tức là chính nhà ông Lý, để lễ gia tiên. Chưa có đám cưới nào trong làng, lại theo đúng mọi thủ tục, lại đằng hoàng và to đến như thế. Một tràng pháo đồ dài ba thước, treo tận đỉnh cây muỗm trước ngõ nhà ông lý Cồn, thông xuống gần sát mặt đất. Thằng Cò bịt tai chàm lửa rồi chạy ra xa. Pháo nổ đi ùng tũng như bắt tận. Một lũ nhóc, ngón tay nút lỗ tai, nhảy cẫng lên dưới gốc cây muỗm, tranh nhau tìm pháo xịt ngòi.

Cả làng hỉ hả. Lũ trẻ hỉ hả vì đứa nào cũng đầy túi pháo xịt. Các ông kỳ mục, chức dịch hỉ hả vì được bữa chén linh đình ở nhà ông lý Cồn. Các cụ bô lão hỉ hả vì làng có ông rể Tây vừa sang giàu lại biết lễ nghĩa. Ông rể Tây xin nộp cho làng một số gạch đủ để xây thêm và sửa chữa con đường chính từ đầu đến cuối làng. Và có lẽ hỉ hả nhất là lý Cồn. Trước đây, ông đã thăm nghĩ họ Vũ Xuân của ông trong làng này là nhất. Còn bây giờ, ông nói to điều ấy lên trong một cuộc họp bên bàn đèn nhà ông hương Ất:

- Ngày xưa, ở làng này nhất Đình nhì Vũ. Còn ngày nay đã ngược lại rồi. Bây giờ nhất Vũ nhì Đình.

Ông lý Cồn nói họ Đình nhì là bởi ông còn kiêng nể cái quá khứ chói lọi của họ Đình. Suốt thời nhà Nguyễn, ở các triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, những chức xã quan như chánh tổng, lý trưởng luôn nằm trong tay họ Đình. Chẳng những ở cấp xã, họ Đình còn có lúc "tam phụ tử tịnh đẳng khoa", họ còn làm quan ở huyện ở tỉnh và cả ở triều đình. Đổ đại khoa thì họ Đình chưa có, nhưng cử nhân, tú tài thì đời nào họ cũng đạt được. Ngay như lúc này, họ Đình đã suy vi, mà họ vẫn còn có ông đồ Tiết, ông cử Lê, rồi cả cậu Tuấn học trường cao đẳng nữa.

Mà còn điều này cũng phải tính đến: họ Đình suy vi, người họ Đình bỏ làng phân tán bốn phương, nhưng dân làng vẫn kính trọng vì nể, bởi vì họ đi theo ông Đề ông Đốc nên mới chịu thiệt thòi, bởi vì họ ghét Tây nên mới bị dìm xuống. Phải vì nể họ, bởi vì chính cái đó đã làm nên ánh hào quang cho họ.

Song, chỉ biết hiện nay, đa đình ai bằng họ Vũ, nhiều của ai bằng họ Vũ, quyền thế cũng ai bằng họ Vũ.

Phần 4 - Chương 4

Sau cuộc ẩu đả giữa Điều và Cò ở gốc đa đầu làng, Điều giận Nhụ. Cậu ta không thèm nói với Nhụ nữa. Thấy Điều bị rớm máu ở trán, Nhụ bảo: "Đề em rịt thuốc vào cho". Điều gạt phắt đi, vùng vằng nói: "Không thèm nhờ". Nhụ tủi thân nhưng cố ra sức chiều chuộng cho Điều nguôi giận. Đến bữa cơm, Điều cứ và liến láu không gấp gì Nhụ phải gấp cho con cá thầu dầu kho tương, thứ mà Điều rất thích, thứ mà trước đây Điều bảo Nhụ kho rất khéo, ăn một bát lại muốn ăn hai. Lần này, Điều định rứt bát cơm lại, may có ông nhìn nên nó không dám, nhưng khi ông vừa quay mặt đi Điều liền lườm Nhụ. Bố Trịnh Huyền trông thấy cử chỉ của hai đứa từ đầu, ông mỉm mỉm cười bằng quơ một mình.

Đến tối, lúc xay thóc ở nhà ngang, Điều đẩy cái cối nhanh ù ù, cứ như thể nó muốn trút giận vào cái cối.

Nhụ sàng gạo dưới đất cũng im lặng chẳng dám nói một lời. Lúc giã gạo, Điều ra nằm khênh trên cái chõng tre dưới gốc cây thị, cái Nhụ giã gạo một mình nên chày rơi thậm thịch rất chậm. Mọi khi có thằng Điều cùng giã, tiếng chày rơi nhanh hơn. Chỉ loáng một cái đã được cối gạo trắng. Tiếng chày buông chậm nghe mới buồn làm sao. Ông Huyền ở nhà trên nói vọng xuống:

- Nhụ ơi! Khuya rồi! Nghỉ đi con ạ. Sáng mai chẳng có việc gì làm cũng được.

Nhụ lên giường nằm mãi vẫn không ngủ được. Cô cũng không ngờ Điều giận đối lại làm cho cô buồn đến thế. Cô cũng không ngờ chỉ vì mình nói chuyện với Cò mà Điều lại bực bội đến thế. Cuộc ẩu đả của hai chàng trai hôm nay, lý do thật chẳng đáng. Cò là con ông Lý, người họ Vũ Xuân, nhưng anh ta chẳng giống họ mấy tí. Người điềm tĩnh, không cậy con nhà giàu. Học lại giỏi nữa. Mình chỉ trọng anh ta chứ có gì đâu. Mà anh Cò làm sao có thể so sánh với anh Điều được cơ chứ. Ở đây có liên quan với bố Huyền. Bố là ơn sâu nghĩa nặng. Bố thâm tình với mẹ. Bố là người thân nhất của mình. Gia đình bố tức là gia đình mình. Ở đây có những điều thầm kín không thể để lọt cho người ngoài biết được. Vả lại nếu anh Điều vui thì bố cũng vui. Còn anh Điều buồn thì chắc bố cũng rầu lòng. Còn anh Điều ư? Đó là một người anh trai hay là một cái gì còn hơn thế nữa. Rõ ràng là ở bên cạnh Điều, cô gái thấy vững tin, thấy được che chở. Phải, đúng thế! Nào đã có gì đâu, Cò mới chỉ nói với Nhụ dăm câu chuyện, anh đã lồng lộn, thậm chí gây gỗ, cứ như thể Nhụ bị đe dọa.

Cô gái cứ nghĩ vợ vẫn như thế, mắt cứ chong ra, giấc ngủ chẳng chịu đến với cô. Tiếng con tắc kè bằng quơ, đều đều trên cây nhả um tùm là tiếng ru đêm, làm cho con người mất ngủ bớt phần cô quạnh. Nhưng khi đã mất ngủ, mà tiếng kêu ấy cứ nhắc đi nhắc lại mãi, thì từ chỗ là tiếng động an ủi, tiếng kêu khác khoải ấy đã chuyển thành một tiếng động khó chịu. Bởi vì tiếng tắc kè ám ảnh mãi, làm kẻ mất ngủ trở nên hoàn toàn tỉnh táo, đến mức hai con mắt cứ như trơ ra, cứng lại, không tài nào nhắm được. Con tắc kè trên cây nhả đã bò sang cây mít. Nhụ có thể tưởng tượng ra đường di chuyển của con vật, vì cô đã thuộc vị trí của cây cối trong vườn. Con tắc kè cứ quần quanh và dai dẳng kêu mãi như thế, bỗng nhiên con vật đó bật lặng. Sao lại im lìm đột ngột như vậy. Sự im lìm như đe dọa. Thật lạ lùng, cảm giác cứ như có chuyện gì sắp xảy ra. Con chó Vá chạy ra vườn bỗng sủa nhặng lên. Nhụ nín thở để nghe cho rõ. cô tưởng chừng như có người đang rình mò đâu đây. Không phải! Đó là mấy con khỉ hay con vượn từ trong

rừng lần về vườn. Chúng thường mò mẫm đi kiếm ăn như vậy. Có nhiều con dạn lắm, chúng biết cụ đồ Tiết hiền từ, nên có lúc chúng mò vào tận bếp.

Hôm xưa, một buổi chiều, ông quản Boong đến chơi đánh cờ, thấy mấy con khỉ từ trên cây bưởi nhảy xuống sân, ông kêu lên:

- A! Lũ khỉ này làm loạn!

Nói rồi, ông vớ cây súng kíp mà lúc nào ông cũng mang theo, chạy ra. Lũ khỉ thấy người đuổi, vội leo trở lại cây bưởi, nhưng xem chừng chúng không sợ lắm. Thậm chí, có con còn đứng yên, gãi bụng, nhe răng như muốn dọa lại. "A? Quân lão xược?". Tính ông quản Boong nóng, không thích những kẻ làm trái ý mình. Ông liền giơ súng nổ bôm. Súng đạn ghém dễ trúng. Một con khỉ đực to ngã lăn quay từ trên cây bưởi xuống chết tươi. Từ hôm ấy, lũ khỉ không dám bén mảng. Cụ đồ Tiết thấy thế chau mày, không nói gì. Buổi chiều tối, Nhụ thấy ông cụ đem chiếc bị rách đựng mấy bắp ngô ra treo ở hàng rào cuối vườn. Nhụ hỏi:

- Ông treo ngô ở đó làm gì?

Ông cụ bảo:

- Mình cho chúng nó ăn quen rồi. Bây giờ, chúng sợ, ban ngày chẳng dám bén mảng. Nhưng chắc ban đêm chúng vẫn mò về.

- Sao ông biết?

- Thì ban đêm, thỉnh thoảng ông vẫn nghe tiếng chúng. Vậy ra là tiếng lũ khỉ, Nhụ tự nhủ thầm. Vì không ngủ được, cũng vì tò mò nữa, Nhụ nhồm dậy cầm cây đèn pin, thứ quý giá mà chú Tuấn ở Hà Nội về để quên chưa mang đi. Cô bé bước ra sân. Con chó Vá nằm ở đầu hè nhà trên thấy bóng Nhụ, nó gừ khe khẽ, đứng lên, ve vẩy cái đuôi xù rất đẹp trông như cái phát trần. Con chó nhìn Nhụ rồi chạy đi trước như thể muốn dẫn đường. Nó cúi đầu xuống đất đánh hơi, rồi ngẩng đầu lên, ngoái lại nhìn cô chủ. Không hiểu con vật tinh khôn này định dẫn đi đâu Nhụ chần chờ một chút nhưng rồi cũng theo con Vá Trắng cuối tuần chỉ còn như chiếc lưới liềm mỏng dính; ánh trăng không còn đủ sức phá tan bóng tối, nhưng cũng còn đủ để cho Nhụ trông thấy bóng con Vá và cái đuôi phát trần cong lên của nó. Đang đi, con chó bỗng dừng lại, nằm bẹp xuống đất. Đã đi quá nhà ông, đã mờ mờ trông thấy cái hàng rào cuối vườn, nơi cụ đồ Tiết treo cái bị rách đựng ngô. Chợt có tiếng soàn soạt nghe rõ mồn một. Không phải tiếng động của khỉ, vì tiếng động này khá mạnh, có thể nói tiếng động của một loài nào đó to lớn và nặng nề hơn. Nhụ không dám tiến lên nữa. Cô ngồi thụp xuống sau một bụi cây, căng mắt nhìn về nơi treo cái bị. Cô thấy sờ sờ. Chợt có một bàn tay đặt lên vai làm Nhụ giật thót, quay đầu lại: "Ai đấy?" – Cô hỏi. Một tiếng nói quen thuộc: "Anh đây mà". Nhận ra giọng của Điều, nỗi sợ trong cô biến mất ngay. Cô thấy yên tâm vì có người bên cạnh. Và còn thấy vui vui vì thế là Điều đã hết giận.

Trăng lưới liềm chui ra khỏi một đám mây. Khu vườn rậm rịt tối om. Nhưng từ bóng tối nhìn ra, nhờ ánh trăng, đã thấy rõ những chiếc cọc rào, ngoài hàng rào không có cây nên đã trông thấy trăng cỏ với những bụi sim, bụi mua lúp xúp. Rồi đột nhiên trông thấy hai cái bóng lù lù đi đến gần chỗ treo cái bị. Con chó Vá đang nằm im lìm bỗng nhồm dậy định xỏ ra. Nhụ phải giữ nó nằm yên. Nhụ thì thầm hỏi:

- Gấu? Gấu?

Điều nói khẽ:

- Đừng sợ. Ở vùng này... không có gấu.

Con Vá nằm im re. Nó cũng biết sợ hay sao? Mới đầu quả thật Nhụ sợ. Nhưng rồi, vì có Điều bên cạnh, và cũng vì nỗi tò mò dâng cao, Nhụ lại nghĩ thú bao giờ cũng sợ người, nên cuối cùng sự bạo dạn đã thắng. Cô quyết định cần phải biết rõ xem hai cái bóng kia là gì. Cô chưa kịp hành động thì Điều bỗng giật lấy cái đèn pin. Hóa ra Điều cũng nghĩ như cô. Anh ta bỗng đứng thẳng lên, chĩa chiếc đèn pin, bấm thẳng vào hai cái bóng. Cũng lúc ấy, Nhụ buông tay giữ con Vá và ra lệnh cho nó: "Cẩn đi" Nhìn thấy ánh đèn lóe lên, và được lệnh Nhụ, con chó phi như tên bay đến gần hàng rào, sủa ầm ĩ.

Ồ hay! Đến lượt cả Điều và Nhụ đều ngây ra, không biết làm gì, khi nhìn thấy hai cái bóng. Không phải thú vật. Đó là hai con người. Hai con người kỳ lạ? Họ hầu như không mặc quần áo. Hai bóng người tóc dài cả, nhưng Nhụ nhận ra một là nam, một là nữ, bởi vì người đàn bà có đôi vú rất to. Đôi vú thốn thẹn khi chạy nhún nhảy. Hai người đó khi thấy ánh đèn lóe lên đã dắt tay nhau chạy về phía cánh rừng dẫn tới con sông Son. Người đàn bà, khi chạy còn đưa tay lên chắn ngang ngực cho đôi vú khỏi nhún nhảy quá đổi.

Sáng hôm sau, đi chăm sóc ong về, Nhụ kể câu chuyện đêm hôm trước cho cụ Tiết. Ông già vua râu, im lặng gật đầu ngẫm nghĩ rồi mới từ tốn nói:

- Ông biết hai người ấy... Con đừng sợ... Họ hiền lành, chẳng làm hại ai bao giờ đâu.

- Thưa ông...

Ông già nói rõ thêm:

- Tên cô gái là Ngơ. Còn tên anh con trai, người dân ở đây không biết, họ quen gọi anh ta là anh Mừng Rồ.

- Thế, những bấp ngô...?

- Đúng, thỉnh thoảng ta vẫn treo bị ngô ở hàng rào cất dành cho họ. Trước kia, chỉ riêng hai người ấy biết chỗ để ngô. Còn bây giờ lũ khỉ trong rừng cũng biết, đến lấy trộm.

- Thì ra thế...

- Nhụ còn muốn biết thêm về hai con người bí ẩn ấy song ông không muốn nói thêm. Ông chỉ dặn:

- Họ tốt lắm và cũng khổ lắm. Các cháu cứ làm như không biết đến họ. Đừng làm phiền họ nữa...

* *

*

Anh Mừng Rồ và cô Ngơ kích thích sự tò mò của Nhụ rất mạnh. Cô gái hỏi ông Trịnh Huyền nhưng ông chẳng biết hơn mấy tí vì cụ cũng chỉ nói với ông như nói với Nhụ. Hỏi Điều, anh cũng chẳng biết gì vì Điều về ở với ông lúc lên chín, khi ấy anh Mừng đã đi rồi. Nhụ bèn hỏi nhiều người trong làng. Chuyện anh Mừng, dưới mắt các ông kỳ mục, là câu chuyện về lệ làng, đạo đức. Dưới mắt các ông tuần đinh, đó là chuyện võ nghệ siêu cường. Còn dưới con mắt bọn thanh niên, đó lại là chuyện si mê kỳ lạ. Cuối cùng, dưới con mắt lũ trẻ chăn trâu, đó lại là một câu chuyện hề vui nghịch ngợm.

Tóm lại, câu chuyện như sau:

Khi ông đồ Tiết từ nhà tù trở về, ông mắc bệnh ho lao. Người gầy còm, sức lực suy kiệt, ho húng hắng suốt ngày. Ông phủ Lê muốn đón em về ở với mình nhưng ông Tiết không chịu. Thứ nhất, đứng về mặt khí tiết, ông đồ khinh ông anh là kẻ hàng thần lơ lảo, dù ở cảnh sa cơ, con hùm thiêng dù chết cũng phải chết ở chỗ non xanh nước biếc. Thứ hai, bệnh lao là bệnh nguy hiểm; vì thương em, ông phủ Lê mời ông đến ở, nhưng còn gia đình người ta, không nên để bà chị dâu và in cháu rơi vào thế khó xử. Hai anh con trai biệt tích, còn các cô con gái thì đã lấy chồng... ông đồ Tiết quyết định cứ ở ngôi nhà thờ. Những ngày đầu, ông hộ Hiếu về ở với anh trai, hầu hạ anh rất tận tụy. Về sau, ông cử thuê người đến ở làm vườn ruộng và trông nom cụ Tiết. Nhưng người nào cũng chỉ được vài tháng, lại kiếm cớ xin thôi. Họ không nói ra nhưng cụ đồ Tiết biết, họ sợ căn bệnh nan y của cụ lây sang.

Đúng lúc ấy, anh Mùong xuất hiện. Chẳng ai biết anh từ đâu đến. Cánh hào lý thấy người lạ cũng soi mói, song lý Cồn gạt đi:

- Cụ đồ, tuy bị trên phủ, huyện dận dò là phải để mắt tới, song dù sao cũng là người cố cựu của làng xóm. Vả lại, còn phải nể mặt ông phủ Lê nữa chứ. Mà cũng phải để cho người ta sống với nữa chứ. Tôi hỏi, người làm thuê nào đến cũng vội giế chân chèo bỏ đi ngay, ông hộ nay đã già, lại rồ rồ dại dại, vậy người làng ta ái có thể đến làm thuê, giúp đỡ ông cụ đây?

Cánh hào lý, kỳ mục đành im miệng, vì người ta biết đối với cụ Tiết, lý Cồn còn phải giữ cái đạo thầy trò. Nhờ thế nên họ không công khai đã động đến chuyện anh Mùong nữa. Anh Mùong làm lì, cả ngày chẳng nói một câu. Ai hỏi gì anh cũng chỉ cười. Người ta thấy anh Mùong gẩn bó tận tụy, thậm chí có phần kính cẩn đối với cụ đồ Tiết. Cánh hào lý liền tìm hiểu. Họ đồn rằng ngày xưa anh Mùong này cũng theo cụ Đốc đi đánh Tây.

Cụ đồ Tiết bây giờ thất thế, mang bệnh trong người, thân cô thế cô. Có ông anh phủ Lê lại ở xa. Nể nhau thì có nể, nhưng dù sao ông đồ cũng là chính trị phạm trở về. Những phe cánh trong làng, tuy chưa dám thẳng tay, nhưng họ cũng muốn thử thăm dò xem sao. Bởi vì cánh họ Đinh, biết đâu đấy, lúc này đã chẳng hoàn toàn kiệt lực; có thể họ chỉ còn là con hổ đã bị nhổ răng bẻ móng, trông bề ngoài vẫn là hổ, nhưng là loài hổ hết thiêng.

Những lão già như chánh Thi, tiên chỉ Nhậm thì án binh bất động, họ lờ đi làm như không biết gì để mặc cánh trẻ ra tay thăm dò. Lý Cồn không tán thành nhưng thiếu số chẳng làm gì được. Hương Ất lại càng không chịu ra tay, ông ta là loại người chỉ hành động khi thế cờ đã ngã hẳn. Chỉ có trương tuần Lộc là người nông nổi, vả lại cũng là loại tép riu trong làng, được mất cũng chẳng hề gì, nên tỏ ra hăng hái nhất. Hắn đánh hơi được thái độ của cụ chánh, cụ tiên chỉ nên lon ton định lập công.

Một bận, xảy ra việc tranh chấp giữa người làm công của nhà cụ đồ với gia đình trương Lộc, thế là lập tức, ông trương tuần cùng mấy tuần đinh tay dao tay thước kéo đến nhà cụ đồ Tiết, định áp đảo tại gia. Cụ đồ ôn tồn xin mọi người bình tĩnh chờ thương thảo giải quyết, song nói thế nào trương Lộc cũng chẳng nghe. Thậm chí, bọn tuần đinh còn sầm sập chạy vào giữa sân, rồi định xông vào nhà ngang bắt mấy người làm thuê, trói mang ra điếm. Anh Mùong từ nhà ngang bước ra đứng dưới gốc cây thị. Anh Mùong tuy thấp nhưng to như ông hộ pháp, cõn trần, ngực nở như vú đàn bà, cánh tay cuộn cuộn bắp thịt, màu da nâu bóng như pho tượng đồng hun. Mắt anh tròn tóe lửa. Anh chậm chậm đi tới trước mặt đám tuần đinh. Thấy anh tiến tới, một tuần đinh liền vung tay thước bổ xuống đầu anh Mùong. Anh Mùong hét to, phi tới. Thoắt một cái, anh đã tránh được và áp sát địch thủ, nắm lấy tay anh tuần đinh, bẻ quặt ra sau. ánh mạnh làm anh tuần đinh kêu la như cha chết. Anh Mùong quát:

- Tao bẻ gãy tay cho mày hết đánh.

Cụ đồ bước ra ôn tồn nói:

- Thôi, tha! Đừng bẻ gãy tay nó.

Nghe lệnh cụ đồ, anh Mường tha cho người tuần đinh, nhưng trước khi tha còn nhắc bổng hắn lên, quay tròn một vòng, rồi lẳng mạnh hắn ra xa, ném vào bụi hoa hồng. Từ ông trương Lộc cho đến lũ tuần đinh thấy thế đều vỡ mặt bay hồn. Trương tuần bại trận kéo lũ lâu la quay về điếm.

Đám kỳ hào tức lắm. Một hôm họp nhau quanh bàn đèn nhà ông hương ất, có ý kiến định làm to chuyện, kiện lên quan huyện. Ông quản Boong cao to lực lưỡng, vỗ ngực bồm bộp, nói oang oang:

- Các cụ cứ để cho "moa". Mua đã sang Tây đánh nhau với Đức. Nó cao to hơn moa còn bị thua. Cái thằng Mường ngớ ngẩn ấy đã thối gì. Chẳng cần dụng võ, cứ để mua dụng võ là được.

Cụ tiên chỉ Nhậm cười, lắc đầu:

- Văn cũng chẳng được mà võ cũng không xong. Văn ư? Về phía ta, cụ tú Cao và ông Lý chưa nghe. Còn về phía họ, thế lực ở làng ta ai chọi nổi ông phủ Lê. Quan huyện cũng phải vì nể gia đình họ vài phần. Kiện ư? Chưa phải lúc đâu. Vả lại, một con người đã đi tù Côn Lôn, họ sợ gì cái chuyện kiện cáo vật vãnh này. Còn võ ư? Thế ông có biết thằng Mường đó là ai không? Nó là võ tướng của cụ Đốc xưa kia đánh Tây và cũng đã ở tù dăm năm. Nó võ giỏi, được cụ đốc cho theo hầu ngựa bảo vệ cụ Tiết. Nghe nói anh Mường tay không địch nổi mười người. Ngón giò nhất của anh ta là đánh thiết lĩnh. Có thiết lĩnh trong tay, anh ta dám chọi với vài chục người. Ông quản ời? Coi chừng! Sang Tây không chết, chẳng lẽ về đây lại thân bại danh liệt. Chẳng lẽ ngoài biển khơi không hề gì, về làng lại chết đuối trong ao...

Cụ tiên chỉ khích tướng, nghĩ rằng quản Boong phôi bò, sẽ sang nhà cụ đồ Tiết gây sự. Không ngờ, quản Boong cũng là tay trái đời. Ông ta đã được nhà nước Pháp tặng thưởng mề đay thì đâu có phải đũa ngu. Xưa kia, ông chỉ là thằng đầu bò đầu bướu trong làng, ra đình chẳng có chỗ ngồi. Đám hào mục trong làng ai cũng gọi Boong là thằng. Nhờ đi lính, ông từ kẻ cùng đinh nhảy lên hàng chức sắc. Khi về làng, vì có mề đay và chức tước, ông nhảy phát một cái, ngồi chễm chệ lên chiếu nhất, ngang hàng sánh vai cùng các cụ tiên chỉ, chánh tổng và các nhà khoa bảng.

Vậy liệu một người như ông có nên ra tay cùng một thằng Mường khổ rách áo ôm, dở điên dở dại hay không? Chắc chắn là không! Bởi vì được cũng chẳng vinh, mà thua thì quá nhục, danh tiếng của ông sẽ bị chìm xuống tận bùn đen, lại còn làm thành trò cười cho lũ hào lý, lũ chữ nghĩa trong làng.

Quản Boong hiểu lắm chứ, tuy bọn người này ngồi cùng chiếu với ông, nhưng ông biết tổng, trong bụng họ, chẳng ai coi ông ra gì. Cái lão tiên chỉ này thật thâm hiểm. Lão ta định đẩy mình ra phía trước để thí tốt.

Thực ra, hắn đều với mình. Lão ném đá giấu tay, đưa mình ra đối đầu với họ Đình. Dùng một đòn, đánh cả hai. Quản Boong rất rõ tiên chỉ Nhậm ghét đồ Tiết. Hình như họ ghét nhau từ hồi còn trẻ. Còn mình với ông Tiết nào thù hằn gì, thậm chí trái lại còn là chỗ đi lại tiêu sấu giải muộn với quân cờ... Hà hà... Thực ra, tiên chỉ cũng chẳng ưa gì mình. Lão ta không thích mình ngồi cùng mâm ngoài đình. Lão ta định dùng kế tọa sơn quan hổ đấu Được lắm, ta đâu có dại. Nghe như vậy xong, quản Boong trả lời ông tiên chỉ:

- Tôi có cây súng sẵn. Người Tây họ văn minh lắm. Chẳng cần gì phải vật lộn, đâm chém nhau, chỉ cần bấm một cái, thế là xong, đỡ mất sức. Nhưng mà... công việc này đâu phải việc nhà binh chúng tôi. Trong làng đã có các cụ Trị dân: đó là việc của ông hương, ông lý, cụ tiên chỉ, cụ chánh... Còn tôi ư? Tôi chỉ là bậc hưu trí, về làng an dưỡng tuổi già.

Như vậy, muốn gây sự, nhưng chẳng ai chịu đứng ra trực tiếp gây sự. ở thôn quê bao giờ cũng vậy; đánh là đánh kẻ không dây không nhõ, những kẻ thấp cổ bé họng; chứ đánh vào kẻ, dù đã ngã ngựa, nhưng vẫn còn dây còn nhõ, còn chút thể lực ở đâu đó thì đừng. Phải nể mặt nhau một chút chứ. Và, biết đâu đấy, đến lượt ta, lỡ khi nào ta thất thế thì sao.

Vì lý do trên nên từ đấy, hào lý kỳ mục ở Cổ Đình mới chịu để yên cho cụ đồ Tiết cam phận sống. Không những thế, lắm kẻ thấy đánh không xong, liền đổi ngược thái độ, quay trở lại làm thân với cụ. Người hay đến nhà cụ Tiết nhất là quản Boong. Lão tìm đến để đánh cờ. Quản Boong bề ngoài rất hùng hổ, lúc nào cũng như thể muốn tấn công kẻ khác, song khi đánh cờ lại chuyển về thế thủ. Dàn trận, bao giờ cũng phóng xe lên thật nhanh giữ hà. Lão dùng hết cách giữ thâm cung và cố hết sức ngăn đối phương không cho xâm nhập đất đai của mình. Lão khư khư giữ quân. Chém được một quân của lão phải toát mồ hôi hột. Một ván cờ của lão có khi mất nửa buổi. Lão bảo rằng: "Cứ thế thủ như vậy, cứ cù nhầy như vậy, chắc chắn thế nào cũng có lúc đối thủ sát ruột quá, sẽ bộc lộ sơ hở. Lúc bấy giờ, chỉ cần đập một cái là đối phương tàn đời ngay". Với chiến thuật ấy, quản Boong đã hạ hầu hết các kỳ thủ trong làng. Ở bên bàn đèn nhà ông hương ắt, có khi lão đã rung tit đùi lên mà khoác lác:

- Mai phục suất đầu có khi phải mai phục suất đời mới có cơ hội.

Do vậy, quản Boong chỉ thích đánh cờ với cụ Tiết. Đánh với cụ có ván được ván thua, và ván thua của hắn có phần nhiều hơn.

Cụ đồ Tiết có lối đánh cờ khác hẳn quản Boong. Cụ không cố chấp, không khư khư chỉ đánh một cách. Người ta bảo cụ đánh cờ có sách. Cụ công thủ song toàn. Khi thuận tiện thì kéo đối phương vào thế. Để phá kiểu đánh của quản Boong, sau khi đã bố trí quân phòng vệ kỹ càng, cụ liền ra sức tấn công, đổi quân, rồi thí quân, thậm chí có lúc chịu nhường cho địch hơn hẳn quân nhưng lại rơi vào thế trận. Cụ luôn cố tạo ra cái thế thượng phong. Địch định kéo dài, cụ không cho kéo dài. Địch muốn cù nhầy, cụ không cho cù nhầy. Địch cố giữ quân, cụ đánh tiêu diệt. Thành thử dần dần, càng ngày quản Boong càng thua nhiều hơn. Rồi cuối cùng, lão bị thua liên tục. Lão ức lắm, càng hay đến nhà cụ đồ Tiết hơn để gỡ, nhưng gỡ không được. Quản Boong hỏi:

- Cụ đồ học đánh cờ ai mà giỏi thế. Tôi thấy càng đánh cụ càng giỏi hơn.

Cụ đồ Tiết cười khà và đặt câu hỏi trở ngược:

- Điều này, tôi phải hỏi ông trước. Ông trả lời trước tôi sẽ trả lời sau. ông học đánh kiểu cù nhầy này từ ai?

Quản Boong cười phá lên:

- Học ai ư? Dễ hiểu thôi, học ở làng ở xóm. Trước hết học cụ tiên chỉ, sau đó học ông chánh, ông lý. Nói tóm lại, học ở phép xử sự hào lý làng ta. Hào lý mà thù hận nhau ư? Họ sẽ để bụng cả đời. Họ sẽ rình mò, chờ cơ hội cả đời. Cứ chờ cả đời, sẽ có lúc đối phương sơ hở. Chỉ đến khi đó, họ mới ra tay, mà đã ra tay là phải ra tay tàn độc. Phải làm cho đối thủ tan cửa nát nhà; phải làm cho đối thủ thành kẻ khổ rách áo ôm, để cho đối thủ sẽ không bao giờ ngóc đầu gượng dậy được. Đánh rắn phải đánh giập đầu, nếu không nó sẽ trả thù.

Cụ đồ Tiết cười vói về mặt râu râu. Cụ nói với quản Boong giọng nhỏ nhẹ nhưng thâm trầm:

- Chả trách ông bị thua là phải. Ông học phép đánh cờ hào lý. Còn tôi, tôi học đánh cờ từ sách. Hào lý thôn quê chỉ có một cách đánh cờ, bởi vì suốt đời họ chỉ ru rú trong làng. Họ là vua quan ở trong làng. Còn sách của tôi thì ghi lại cách đánh cờ của nghìn làng, vạn làng. Ông thua là phải rồi.

- Cụ dạy tôi cách đánh cờ trong sách nhé.

- Khó đấy? Học đánh cờ đầu tiên phải học chữ. Phải đọc thiên kinh vạn quyển.

- Nếu thế, phải mất vài chục năm. Học chưa xong chắc tôi đã chui xuống lỗ rồi. Thôi, tôi đành chịu thua cụ vậy. Tôi xin kiếu sách của cụ.

Cả hai người, xong câu chuyện, đều cùng phá lên cười. Thực ra, cụ đồ Tiết không muốn bắt thân với quản Boong, nhưng ông ta cứ đến nhà dù cụ không mời, cụ Tiết đành chịu chấp nhận vì chẳng biết làm cách nào. Có lúc ông ta còn mang cả chè ngon đến. Các cụ ngày xưa rất chọn bạn giao du; với kiểu người như ông Boong, sự giao du có khi là con dao hai lưỡi. Cụ đồ rất hiểu điều đó, cụ cũng biết ông ta đến nhà cụ để làm gì, cũng có thể chỉ do sự thô thiển dễ dãi của ông ta, nhưng cũng có thể do ông ta muốn tìm chờ cơ hội, tuy nhiên cụ Tiết vẫn chưa tìm ra cách nào để ngăn ông ta đừng đến nhà mình nữa.

Mà cụ Tiết cũng không thể ngờ được cái cơ hội mà quản Boong vẫn chờ đợi ấy lại bắt đầu từ anh Mường.

Hồi đi theo cụ Đốc chống Pháp, cụ Tiết vì có chút chữ nghĩa, nên được cụ Đốc cho làm thư lại trong nghĩa quân. Cụ đồ chưa làm được vai trò vị quân sư cho cụ Đốc, tuy nhiên đã ở mức một mưu sĩ nhỏ, một kẻ có học, thỉnh thoảng có thể giúp được những việc nhỏ nhỏ cho chủ tướng. Tuy cụ Tiết chỉ là một thư lại nghĩa quân, song cụ Đốc cũng rất quý trọng. Cụ Đốc cử anh Mường, một võ sĩ giỏi, làm người giữ ngựa, kiếm chân vệ sĩ cho cụ Tiết. Trong một trận giáp lá cà, anh Mường bị thương vào đầu, từ đó anh ngờ ngợ ngẩn ngẩn. Tuy trí óc trở nên mơ hồ, nhưng võ nghệ vẫn không quên, lòng trung thành của anh với cụ Tiết cũng vẫn không suy suyển, còn tính hiền hòa cố hữu cũng không thay đổi.

Suốt ngày, anh Mường mặc chiếc quần lửng, mình cời trần phô bày một thân hình vạm vỡ, nâu bóng. Cái thân hình khổng lồ, thâm thấp, chắc nịch ấy lại lọt vào cặp mắt xanh của một cô gái tên là Ngơ. Cô Ngơ chính thực tên là Ngó (ngó sen, ngó cần) bởi vì cô trắng nõn nà. Thân hình cô tròn trĩnh, mặt bụ bẫm phúng phính, thứ gương mặt của trẻ thơ hay mặt Phật. Lúc nào môi cô Ngó cũng điểm nụ cười.

Mẹ cô Ngơ là bà Móm ở cuối làng, gần gốc cây gạo. Nhà không có ruộng. Mẹ con sống lẫn hời bằng mò cua bắt ốc. Ngày mùa đi làm thuê. Lúa gặt xong thì đi mót thóc. Cả ngày Ngó chẳng nói một câu. Ai hỏi gì cũng chẳng biết trả lời ra sao, chỉ cười trừ. Phải, cười. Trái, cười. Mắng cũng cười. Chửi cũng cười. Cô ngây ngây như thế nên cả làng không gọi cô là Ngó nữa mà gọi cô là Ngơ. Bà Móm chết vào một ngày đông giá lạnh. Sau khi mẹ chết, Ngơ chỉ biết lay lắt sống một mình. Bởi vì Ngơ vừa nghèo vừa dở hơi nên đám con trai chẳng ai chịu lấy, cả những thằng nghèo rớt mùng tơi cũng thế. Tuy không chịu lấy Ngơ, nhưng đám con trai trông thấy cô đưa nào cũng thèm. Thèm vì cô không xấu lại trắng trẻo bụ bẫm. Thèm vì cô đặc biệt có đôi vú ăm giở rõ to. Cái yếm đào rách, lại bé, không đủ rộng che đôi vú ấy. Đôi vú quá cỡ làm chiếc yếm luôn luôn héch ra, làm đôi vú thường ở tình trạng nửa kín nửa hở, làm đám con trai trong làng trông thấy cô, như rồ hết lên cả lũ. Mùa nóng nực, buộc chặt hai chiếc dải yếm ra phía

sau lưng thì bức bối khó chịu, nên khi về túp lều nhà mình, cô Ngơ thường cời yếm ra, để mặc đôi vú ăm giở được tự do thối thện. Đám con trai tinh nghịch, vào đêm trăng sáng, thường mò đến túp lều, chọc thủng vách đất để nhìn trộm đôi vú trắng nhẽ nhại và vĩ đại ấy. Nhìn trộm thoải mái, sau đó cười khúc khích với nhau. Nghe tiếng rúc rích, cô Ngơ liền vác cây gậy tre, chẳng thẹn thùng gì, cứ để đôi vú trần nhún nhảy để vừa xua đuổi lũ quỷ sứ, vừa chửi rửa ồn ỉ.

Tuy dở hơi, song cô Ngơ giữ gìn rất kỹ. Nhiều kẻ định lợi dụng bờm xờm, nhưng không bao giờ cô chịu. Bà Móm, trước khi nhắm mắt đã dặn dò cô kỹ lưỡng:

- Đừng để cho bọn con trai nó đề lên người rồi bóp vú mình. Nó mà đề lên được là có chữa đấy. Khổ lắm con ơi! Con ngơ ngẩn thế này, lại để con thì biết lấy gì mà ăn. Chết đói đấy con ạ?

Ngơ đã trông thấy người chết đói rồi. Một kẻ ăn mày chết ở lều chợ. Người quắt queo nhăn nheo như quả tram khô. Chỉ thấy da bọc xương, đen đui, tóc rụng hết, răng trắng nhõn, mắt hõm sâu như hai lỗ đáo, lè người không nổi. Hôm trông thấy người ăn mày chết đói, đi chợ về, Ngơ cứ khóc mãi, cụ Móm phải dỗ dành an ủi mới nín. Ngơ sợ bị chết đói, nên lúc nào cũng giắt con dao nhọn nhỏ bên vành váy. Có thằng con trai táo tợn đang đêm lên vào định hiếp, nó bị Ngơ đâm cho một nhát dao vào vai. Từ đấy, đám trai làng chỉ biết nhìn đôi vú ăm giở của Ngơ mà thèm nhỏ dãi, chứ chẳng thằng nào dám bén mảng tới gần để lợi dụng cô nữa.

Ngơ gặp anh Mùong rồi liền mê mẩn ngay. Chẳng biết họ tỏ tình với nhau bằng cách nào, bởi vì không thấy hai người nói với nhau một lời. Chỉ thấy hai người thường nhìn vào mắt nhau và cười. Cũng không thấy họ nói với nhau bằng bàn tay ra hiệu. Chẳng lẽ chỉ nhìn nhau không mà cũng hiểu ý của nhau sao. Chẳng lẽ ánh mắt cũng biết nói hay sao.

Người ta thấy Ngơ thường đến khu vườn nhà cụ đồ Tiết. Gặp được anh Mùong là cô đi theo anh như cái đuôi Anh chẻ củi, cô ngồi bên cạnh; được thanh củi nào, cô khéo léo xếp thành đồng. Anh cuốc cỏ, cô cũng tìm một cái cuốc làm giúp. Anh chăm sóc ông, cô núp sau lưng anh. Anh Mùong lấy cái áo trùm lên vai mình, trùm kín cả đầu cô. Anh vào rừng hái củi, cô cũng theo anh hái củi.

Thành thử, cụ Tiết nuôi anh Mùong, lại nuôi luôn cả cô ăn với anh Mùong, nhưng không bao giờ cô ngủ ở nhà cụ Tiết. Tối đến, cô lại quay trở về căn lều cuối làng. Rồi một đêm, người ta bắt gặp anh Mùong đến lều cô Ngơ. Anh ngồi trên hòn đá mò côi trước cửa lều. Cô gái ngồi trên đùi anh, không mặc yếm. Còn anh Mùong thì đùa nghịch với đôi vú ăm giở. Anh ngửa lòng bàn tay hứng dưới cái vú, rồi nâng nó lên. Cái vú vừa to, vừa dài, giống quả mít không có gai. Quả mít trắng, núng nính, nhún nhảy trên bàn tay. Mới đầu chỉ nâng một vú, rồi sau, hai bàn tay nâng niu hai vú. Mỗi lần đôi vú nảy lên, cô Ngơ lại cười khúc khích.

Đám con trai trong làng tức lắm, song chẳng anh nào dám lại gần, vì họ đều biết chuyện anh Mùong giỏi võ, quăng anh tuần đình như quăng một con nhái bén. Rồi với đoạn đôi trai gái vào trong lều, ôm xoắn xuýt lấy nhau, hết ở trên giường lại lăn xuống đất. Họ yêu nhau hỏn hển, có lúc oai oái. Đám trai làng nhìn qua kẽ vách thấy họ như đôi rắn phủ nhau. Một cậu tức không chịu được nữa, bèn hét toáng:

- Bớ làng nước, thằng Mùong hiếp con Ngơ.

Anh Mùong phải bỏ dở cuộc truy hoan vì gã trai kia kêu quá to, kêu nổi làng nước. Anh Mùong không kịp đóng khố, anh cời truồng chạy ra khỏi lều, tóm được thằng la làng. Anh liền nhấc bổng hắn lên khỏi đầu, quăng tùm hắn xuống cái ao tù gần đó. Gã trai leo

lên bờ, anh Mường lại tóm được, quăng xuống ao lần thứ hai. Cuối cùng hắn phải lạy như tể sao, anh Mường mới chịu tha không ném hắn xuống ao lần thứ ba.

Cụ tiên chỉ Nhậm, sau khi biết chuyện, đã gầm lên ở ngoài đình:

- Hồng! Hồng! Đã làm bại hoại thuần phong mỹ tục, lại còn dám cả gan hành hung người lương thiện.

Cụ Nhậm bảo quản Boong:

- Bây giờ ông ra tay là có cớ đấy. Được rồi đấy? Phải biết rằng phép đánh cờ, ngoài mưu mẹo trong sách ra, còn phải có thời, có thế. Hãy cho lão đồ gàn biết rằng bọn hào lý trong làng Kẻ Đình này cũng giỏi đánh cờ chẳng kém gì ai. Chúng ta đang đắc thời, đắc thế. Chẳng lẽ...

- Xin bái phục cụ tiên chỉ thâm nho.

Cụ tiên chỉ lên huyện xin lính khố xanh bằng súng về làng. Tiếp sau đó, lính huyện, tuần đình, cả quản Boong và ông hương nữa (Lý Cồn không chịu đi, đùn cho hương Ất thay mình) hùng hổ đến bao vây nhà cụ đồ Tiết. Lý Cồn đã mật báo cho cụ Tiết biết trước sự việc. Cụ đồ cũng biết cái thế đã đến nước không chống lại được, nên cụ đã bảo anh Mường, thuộc hạ của mình, trốn vào rừng khi gà còn chưa gáy sáng. Bọn lính, trước lúc vào nhà, bắn súng thị uy. Ông hương hỏi:

- Thằng Mường đâu rồi?

Cụ Tiết mềm dẻo mời tất cả vào nhà, và nói với họ:

- Thằng Mường sợ oai các vị, sau khi xảy ra vụ việc, đã trốn biệt tăm.

Quản Boong cười:

- Thế là từ hôm nay, khi tôi đánh cờ với cụ lại thiếu mất đũa quạt hầu.

Sau đó, quản Boong nửa nạc, nửa mỡ:

- Ván cờ này cụ đồ thua to rồi nhé.

Cụ đồ như ngạc nhiên:

- Ván cờ nào nhỉ?

Tiên chỉ Nhậm, khi ấy mới đến, gật gù cười:

- Ván cờ to thế mà cụ quên được sao.

Cụ đồ Tiết nghiêm nét mặt ngẫm nghĩ rồi trả lời:

- Tôi đánh cờ tồi, quả là vậy, nhưng tôi nghĩ còn nhiều người khác chơi cờ giỏi hơn tôi nhiều.

Không bắt được anh Mường, đám người hùng hổ ấy liền đến túp lều cuối làng bắt cô Ngơ. Họ lôi cô ra điểm, trói vào cột. Đám tuần đình được lệnh để mặc cho cô nhịn đói, và phải trói cô ở cột suốt đêm, để cho muỗi đốt.

Mấy anh tuần đình nghịch thì có nghịch, song lại thấy thương. Có anh về nhà, đem cơm nắm ra, đút cho cô ăn. Tuy nhiên anh ta cũng không chịu bỏ lỡ cơ hội, nghĩa là anh ta luồn tay chui vào cái yếm, vờ vờ cái núm vú, sau đó xoa nhẹ vuốt ve cái bầu vú ẩm ướt vừa ướt vừa mát. Cô Ngơ méo máo khóc như đứa trẻ.

- U ối! Khổ thân con quá u ối!

Rồi cô còn gọi:

- Anh Mường ơi! Cứu em với?

Cô ti ti khóc cho đến quá nửa đêm. Chân tay Ngơ bị trói tê dại, nhưng mệt quá nên Ngơ ngủ đứng trên cột. Cô ngoẹo đầu, mơ mơ màng màng. Cái Ngơ mơ thấy bà Móm trở về với cô. Bà cụ lắc đầu nói rằng: "U đã bảo con rồi. Đừng để cho thằng con trai nó đè lên bụng. U nói có sai đâu. Bây giờ làng bắt vạ; u chết rồi, cứu con sao nổi".

Ngơ buồn quá, trong phút nửa tỉnh nửa mơ lại trào nước mắt sùi sùi. Chính lúc ấy, có ai vỗ nhẹ nhẹ vào vai và có tiếng thì thào bên tai:

- Ngơ ơi! Tỉnh lại đi!

Ngơ choàng mở mắt. Cô mở miệng định nói, thì có bàn tay bịt miệng cô lại. Dưới ánh sáng cây đuốc chập chờn, Ngơ nhận ngay ra cái bóng hộ pháp của anh Mường. Bọn tuần đinh đều đã ngủ say. Chúng ngả ngốn nằm trên hai manh chiếu rách. Anh Mường cắt dây trói cho Ngơ, làm động sột soạt, nhưng chúng vẫn ngủ say. Lúc anh Mường cõng cô lên lưng làm rơi con dao, thế mà chúng vẫn không hay. Thậm chí, lúc bước xuống sân, vấp phải hòn gạch gây ra tiếng động to, chúng vẫn ngáy pho pho. Mà nói dại, nhờ có đũa nào thức tỉnh, mắt nhắm mắt mở, trông thấy anh Mường cứu cô Ngơ đi, chắc nó cũng chẳng dám ho he đánh động; bởi vì ai còn lạ gì cánh tuần đinh, họ sợ anh Mường nhiều lắm sau mấy vụ vừa qua, nhất là khi bên hông anh Mường lại đeo con dao quắm sáng loáng. Từ đó, anh Mường rỏ và cô Ngơ sống với nhau ở trong rừng, bên kia sông, quá ngọn núi Đùng, ở đó có khu rừng dày ít ai tới. Dân làng có lúc thấy bóng họ ở khu núi đá, nhưng vì anh Mường chẳng làm hại ai bao giờ, nên họ mặc kệ. Chỉ riêng cụ tiên chỉ Nhậm là vẫn kiên quyết. Cụ bảo rằng:

- Ai bắt được thằng Mường, tôi thưởng cho chục bạc.

Giết chết được nó cũng có thưởng. Nghe vậy, biết vậy. Chuyện đâu để đó. Ai dại gì gây sự với anh. Mươi đồng bạc mà liều mạng, chả bõ. Vả lại, tội của anh ta chỉ là lấy một cô gái ngơ ngẩn làm vợ. Có khi điều đó chẳng phải tội mà lại là phúc.

Anh Mường từ đó sống bằng cách săn bắn và đào củ trong rừng. Có người còn bảo thấy nương rẫy của anh ở mãi tít trong rừng xa. Không biết ai cho anh ta giống ngô khoai. Tuy nhiên, dân làng đâu không thù ghét anh Mường, song họ cũng không thích anh xuất hiện trong làng. Bởi vì sự phóng túng của anh với cô Ngơ đâu sao cũng là một tấm gương mà con gái làng chớ nên theo. Vả lại, dân làng thích sống yên ổn, họ không muốn sự xáo trộn khi anh có mặt. Nào đám tuần đinh gây gộc xua đuổi, nào đám trẻ con náo nức đi xem. Nghe nói anh Mường bắn tên thuốc độc giỏi lắm. Nhỡ ra có cuộc xung đột, thì đao kiếm gây gộc, mũi tên hòn đạn, đâu có biết kiêng ai.

Còn về phía anh Mường, anh cũng chẳng thích vào làng, vì ngoài cụ đồ Tiết ra, anh chẳng quen ai trong đó. Chỉ vạ bắt đắc dĩ, một năm đôi, ba lần, anh mới lên về vườn cụ đồ để xin gạo, xin ngô.

Có bận, lão quản Boong tối mịt còn sang đánh cờ. Hắn đang mê mải với cụ Tiết, chợt cảm giác như có ai đang nhìn vào gáy mình. Lão quay lại nhìn ra ngoài cửa sổ, thì thấy bóng một cái đầu hiện ra với hai con mắt sáng quắc.

Quản Boong hét lên: "Có người? Có người!". Cụ đồ Tiết cố làm cho lão yên tâm, song lão không chịu. Quản Boong cầm súng sẵn chạy ra sân. Rồi lão ta bắn bừa vào trong đêm tối đừng! đừng! Tiên chỉ Nhậm hỏi chuyện ấy ra sao, quản Boong cười hi hi:

- Tôi suýt bắn chết được thằng Mường. Tí nữa thì được chục bạc thưởng của cụ.

Phần 4 - Chương 5

Làng Cổ Đình nằm ở chân một dãy đồi. Làng phát triển theo thế xà. Nghĩa là có một con đường chính giữa làng, con đường ấy chạy vòng vào uốn khúc như con rắn ở dưới chân dãy đồi để đến đình làng gần sát hồ Huyền. Cũng có người bảo đó là thế "giao long ẩm thủy" (rồng uống nước). Cái thế ấy quý lắm. Bắt buộc nhà ở hai bên đường phải nhìn ra con đường. Cái thế đất bắt phải như vậy Người ta bảo có nhìn ra đường làm ăn mới vượng. Vì thế, nhà ở trên đồi, nhìn ra đường thì được hướng đông nam, vừa không trái phong thủy vừa mát mẻ. Còn nhà ở bên kia đường, dưới chân đồi thì không bị dốc, đất chân đồi bằng phẳng, nhưng quay ra đường thì lại gặp hướng tây bắc. Hướng này thuận phong thủy nhưng bất tiện. Mùa nóng thì gặp hướng Tây, mùa rét thì hướng gió bắc.

Nhà ông lý Cồn ở chân đồi bên kia đường nên gặp phải hướng này. Ông thợ cả ở Nam Định giỏi xây dựng, đã xây một bức bình phong rất to chắn trước mặt nhà lý Cồn cách chừng bốn mét. Ở đấy có ba chiếc cửa cuốn rộng nhìn vào ba gian. Chiếc cửa cuốn giữa bình phong rộng ba mét. Thành thử nhà lý Cồn vẫn hợp phong thủy mà bức bình phong ấy lại chống được nắng gió. Hơn nữa bên trong bức bình phong lại là một vườn chầu hoa. Thành thử bức bình phong là thứ trang trí vừa giải quyết nắng gió, vừa là vật làm sang, làm bề thế cho nhà lý Cồn.

Cụ đồ Tiết và Trịnh Huyền tần ngần đứng trước bức bình phong ấy. Cụ Tiết gật gù giảng cho Huyền nghe về tác dụng của bức bình phong này với kiểu nhà hướng Tây:

- Anh nhìn mà xem, lúc này đang xế trưa, nắng gay gắt nhất. Nhưng phần trên của bức bình phong đã che hết cả. Nắng chỉ đến được thêm nhà. Thợ giỏi là thế đấy. Vừa là thứ che nắng, vừa là thứ trang hoàng. Phần trên của bình phong có dãy lỗ hoa, có những đường gờ, những chỉ, những đắp nổi làm cho ta vui mắt, làm sang trọng ngôi nhà. Nhưng chỉ riêng bức bình phong này, cũng tốn kém đủ cho người ta làm một cái nhà đấy con ạ.

Lý Cồn được tin cụ đồ đến, đang ở nhà bà Ba gần đấy, liền chạy về lễ phép chào:

- Con lạy thầy. Thầy đến chơi, con không biết nên chậm ra đón thầy.

Cụ đồ nói:

- Hiệp thợ nào làm bức bình phong thật giỏi. Nhờ nó, trông ngôi nhà đường bệ hẳn lên. Không biết nắng vào nhà sâu nhất là đến tận đâu?

- Dạ, nhờ có bức bình phong này, nắng lúc vào sâu nhất trong nhà cũng chỉ chừng hòn gạch. Dạ, mời thầy và bác vào xơi nước.

Ông cụ đồ vừa đi giữa hai hàng cây cảnh để bước lên thềm, vừa gật gù:

- Khéo thật? Khéo thật?

Sau khi đã an tọa, cụ đồ trịnh trọng nói:

- Anh Huyền đây ở Nam lên, là cháu đằng bà nhà tôi, gọi bà ấy bằng cô ruột. Ở dưới Nam ruộng nương ít, mà nhà tôi thì neo người, nên tôi mới cho gọi anh ấy lên đây. Trịnh Huyền cũng làm bộ thiếu nǎo:

- Thưa ông lý, ở dưới quê, chiêm khô mùa thối mà ở nơi đây thì bờ xôi, ruộng mật. Tôi cũng đánh bạo lên đây để nương nhờ ông bác.

- Có phải hôm nọ thầy và bác đây, bác Huyền phải không, đã tới nhà hôm tôi bận lên huyện?

Thấy thái độ của lý Cồn vui vẻ. Trịnh Huyền tranh thủ sự thuận lợi, liền lấy ra trong bọc bao chè và đồng bạc để lên cái đĩa, trân trọng bắm với vị hào lý:

- Dạ thưa thầy lý, trước hết tôi được đội ơn tấm lòng bao dung của ông bác tôi, sau nữa tôi còn phải trông nhờ vào sự bao dung chỉ bảo của thầy. Thầy là người nhất lý chi trưởng, người đứng đầu làng xã. Vậy tôi xin có chút lễ mọn để ra mắt.

Lý Cồn có ý không nhận, cụ đồ phải nói đỡ:

- Anh lý xưa kia theo học tôi, nhưng cái tình là một nhẽ, cái lý lại là một nhẽ. Đất nào cũng có thổ công, hà bá. Cái tục của ta, con người phải biết lễ nghĩa; đến nơi nào là phải trình diện ra mắt người đứng đầu nơi đó ngay. Anh Lý nể mặt tôi, anh nhận tức là lòng tôi cũng vui vậy:

Ông lý nghe thầy học xưa nói vậy, phải gật gù:

- Thôi thế này vậy, lễ thì tôi xin nhận còn tiền thì xin được chối từ. Bởi vì thế này: Thế nào thầy và bác Huyền chẳng làm mấy mâm ra đình lễ trình thành hoàng và trình các cụ kỵ mục. Cũng tốn kém đấy, thôi bác để tiền này thêm vào mà làm việc ấy.

Đang dở câu chuyện, thì cụ tú đến chơi. Lý Cồn trình trọng:

- Con lạy chú ạ. Thầy con đến chơi, định xong mấy câu chuyện thì sai trẻ sang mời chú đến nói chuyện với thầy con. Ông tú cụp chiếc quạt che đầu lại, rồi đập đập cái quạt vào bàn tay trái. Ông cụ kính cẩn đến trước cụ đồ, chấp tay lại nói:

- Đệ mới dọn về nhà được mấy hôm, chưa kịp sang chào lão huynh. Đệ đánh bạo dám hỏi sức khỏe lão huynh bấy nay đã khá lên nhiều chưa ạ?

- Cảm ơn! Cảm ơn! Năm trước, tôi đã gửi thư cảm ơn ông về chuyện vẫn còn nhớ cố nhân, gửi về cho tôi thuốc quý. Không biết có nhận được không? Còn sức khỏe của tôi nhờ thuốc của lão đệ và nhờ nuôi ong hàng ngày có mật uống nên sức khỏe đã khá lên nhiều.

- Hai ông già nắm tay nhau cười khà khà, hớn hờ. Cụ đồ lại hỏi:

- Đạo này, đệ vẫn đọc bài từ của Tứ Nài tiên sinh chứ?

- Đệ khi nào quên được. Cứ nhớ đến huynh là đệ lại ngâm nga bài từ ấy:

Người ta đọc sách ngâm nga.

Ta nay "tâm đọc" lại là phần hơn.

Tâm đọc sách không vang thành riêng

Mà thiên kinh vạn quyển lâu tròn.

Mới đầu, ông cụ tú đọc một mình. Đến câu thứ hai, cụ đồ cũng đọc theo. Hai ông già cùng đồng thanh. Tiếng ngâm vang nơi tiếp khách. Sự vui vẻ của hai ông già làm bầu không khí hết khách sáo. Lý Cồn chỉ loáng thoáng nghe chú mình và cụ đồ là hai người đồng môn, chứ không ngờ hai người lại thân thiết với nhau đến thế.

Ngày xưa, có một thời, cụ tú Cao và cụ đồ Tiết cùng thụ học cụ phó bảng Vũ Huy Tân. Cụ Cao bé nhất trường, cụ Tiết lớn hơn được giao việc kèm cặp cụ tú. Cụ Tiết rất thích bài từ "Độc bằng tâm" của thám hoa Lê Đình Diễn, bắt cụ Cao phải học thuộc bài từ ấy. Hồi ấy, hai anh em rất tâm đầu ý hợp. Rồi cụ đồ lưu lạc, cụ tú ra tỉnh. Hai người vẫn nhớ tới nhau, nhưng đến lúc về già mới lại được ở gần nhau. Sau phút gặp gỡ đầu tiên, cụ tú hỏi:

- Tôi mới đến, nghe lồm bồm. Chẳng biết có chuyện gì mà bác gặp anh lý nhỉ?

- Chả là việc anh Huyền, cháu tôi ở dưới Nam lên. Làng ta vốn là nơi đất lành chim đậu. Anh Huyền định biện mâm cơm ra đình, trước là lễ thánh, sau là xin các cụ chấp nhận cho...

Cụ tú khề khàng:

- Cụ có nhớ hồi xưa, lúc chúng ta còn trẻ, việc xin cư ngụ giản dị lắm mà. Các cụ chỉ cần xem người mới đến có phải là người lương thiện, chân chất hay không? Anh Lý tính xem có nên phiên hà đến thế không?

Lý Cồn vốn trọng cụ tú, cụ đồ nhưng cũng nể sợ cánh tiên chỉ Nhậm, hương ất... nên bảo:

- Chú ơi! Chú biết rõ tính chú Nhậm cháu rồi đấy. Người ngụ cư đến, sơ sài biện lễ là không xong đâu...

Đang nói chuyện dở, thằng Tùng con bà Hai Cồn hốt hải đến:

- Thầy ơi? Mẹ còn đau bụng. Đau lắm! Mẹ ôm bụng lăn lộn trên giường. Thầy về ngay đi. Lý Cồn vội vàng xin phép đi một lát. Cụ tú tùm tùm, đập đập chiếc quạt, nói với cụ đồ:

- Đa mang lăm vào? Có khổ không? Chắc mấy hôm nay anh lý chảnh mắng, nên chị Hai sai con mang trát đến gọi chứ gì.

Rồi cụ tú quay sang nói với Huyền:

- Tôi biết cái sự trình làng dạo này nhiều khề lắm. Ông tiên chỉ Nhậm là em họ tôi nên tôi biết. Ông ta thích oai vệ, hách dịch. Ngay cả anh lý Cồn nhà tôi làm lý trưởng mà hấn cũng ra oai. Hấn ta cấm ba toong đánh đít lý Cồn ba cái giữa đình làng. Hấn đã quyết cái gì rồi, nếu không nghe, hấn sẽ hành hạ cho thất điên bát đảo.

Nói xong cụ tú thở dài, than thở với cụ đồ:

- Cánh nhà nho chúng ta hết thời rồi. Bây giờ là thời của các ông làm cho Tây và các ông chánh ông lý...

Cụ đồ bình tĩnh, tùm tùm:

- Tôi đã có chủ định. Sẽ chọn một ngày để ra đình trình các cụ. Hôm ấy, cũng luôn thể làm lễ bên đền Mẫu.

Cụ tú lại thở dài:

- Nói đến đền Mẫu, lại chợt nhớ tới khu rừng Báng sau lưng đền. Ngày xưa, các cụ tiên chỉ làng ta đều đã đỗ cử nhân, hoặc là bậc hưu quan. Các cụ ra lệnh: cứ chặt một cây báng thì phải trồng thêm hai cây báng con. Lệ làng sao mà hay thế. Sở dĩ như vậy vì rừng Báng là kho lương thực cứu đói cho làng gặp năm mất mùa. Hồi cụ cử Liên bên họ Đình nhà cụ còn sống, rừng Báng xum xuê, xanh tốt. Sau khi cụ cử chết, rồi nhà nước bảo hộ bỏ khoa thi chữ Nho, thế là hết cả người thâm thúy đứng đầu làng xã. Dân làng từ đó mạnh ai, nấy chặt. Chỉ mấy năm sau, rừng Báng đã trụi thui lụi. Nho học tàn, rừng Báng cũng tan theo, không hiểu nay mai, lỡ gặp năm mất mùa, chẳng biết dân nghèo trông cậy vào đâu.

Trịnh Huyền chấp hai tay, vái cụ tú:

- Thưa, cụ thật có lòng. Con chắc cánh trẻ trong làng ta cũng nhiều người có lòng như cụ.

Cụ tú nắm lấy tay Trịnh Huyền, hạ giọng xuống, nói nhỏ:

- Có điều này cần phải nhắc bác Huyền. Tôi mới về nhưng cũng nghe được anh lý nhà tôi bảo rằng, lão Julien, Tây đồn điền, cũng đã hỏi sơ qua về bác. Đừng tưởng người ta làm đồn điền là chỉ chú ý đến ruộng đồng. Tiếng chỉ là chủ đồn điền, nhưng thực ra, họ là chủ tất cả.